

Cá không ăn muối, cá sụn,
Perlon mà thiếu,
trăm đường răng hư!

Thật thê! Hàng ngày quý vị phải cần
đến một sản-phẩm đánh răng.

thuốc đánh răng

Perlon sản sàng phục vụ quý vị

Perlon được liệt vào hàng tinh vi
nhứt là nhờ chất CALCIUM mịn nhuyễn,
các dầu thơm tinh túy thượng hảo hạng,
và nhứt là ly-tử FLUOR màu nhiệm,

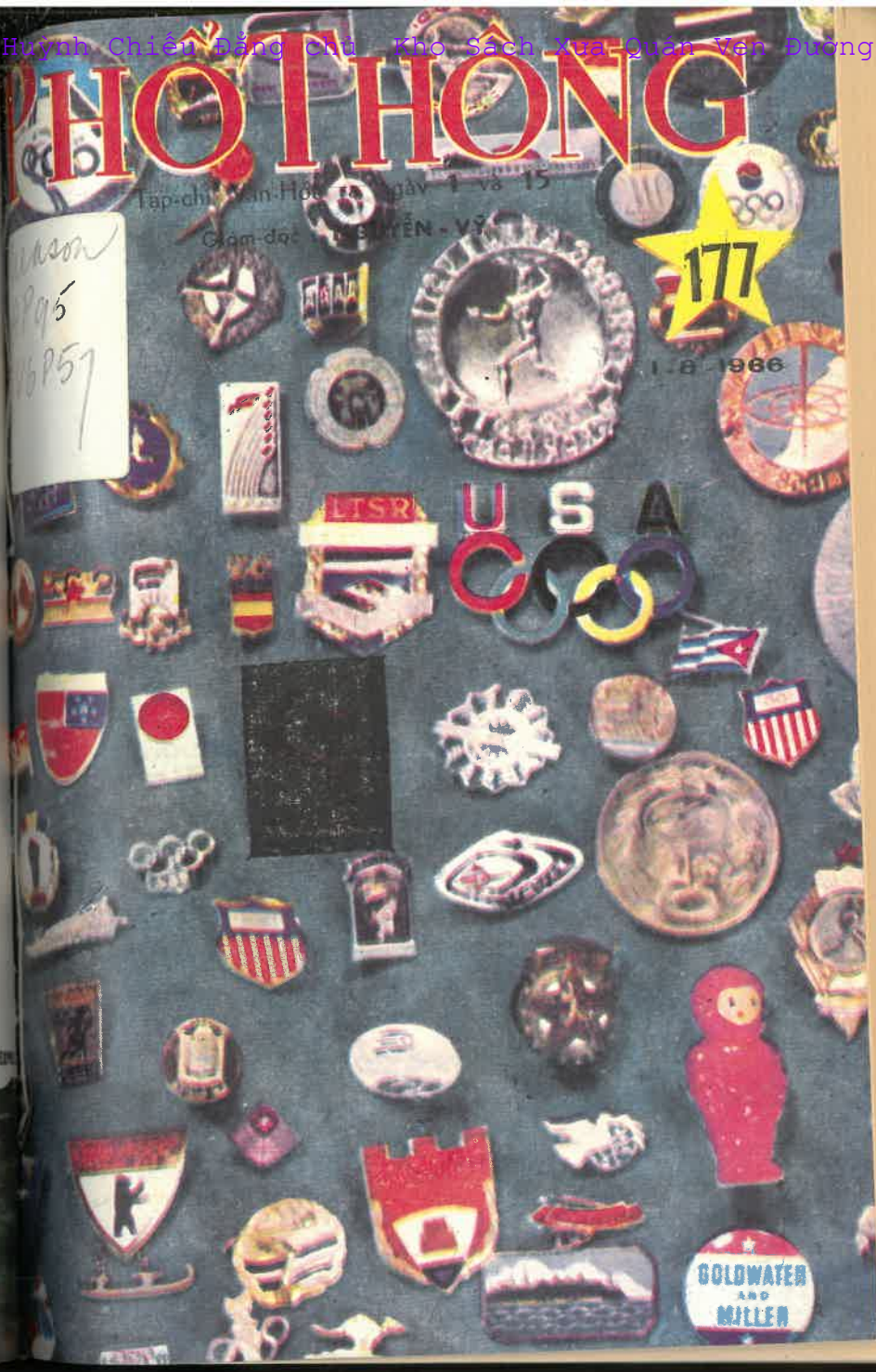
bảo vệ ngà răng

chống sâu răng.



VIETNAM CO.

Muôn răng sáng ngời
chớ rời *Perlon*



NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON CỎP Ở ĐÀU
BẤY LÀ KHỎE MẠNH, SONG LÂU YÊU ĐỜI

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HOÀ VIỆT-NAM
PHỒ BIÊN VĂN-HOÀ ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII ★ số 177 ★ 1-8-1966

1.— Omar Khayyám	Diệu-Huyền	6 — 9
2.— Bức thư Paris	Nguyễn-văn-Cồn	10 — 11
3.— Xe Đạp và Nước mía (tap bút)	Phong-Sơn	19 — 24
4.— Những sông-hồ, ở Á Châu	Nhã Điền	25 — 27
5.— Đoạn đường (thơ)	Trần-minh Phú	28
6.— Một số thi ca đánh đũa	Phạm văn Sơn	29 — 34
7.— Một giấc mơ (truyện quốc tế)	Vũ Minh Thiều	39 — 46
8.— Người chiến quốc	Thiếu-Sơn	47 — 52
9.— Đam mê (thơ)	Thế-Lan	53
10.— Tuán, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	54 — 58
11.— Khuất trong đêm (truyện ngắn)	Mặc Tường	59 — 74
12.— Độc hành (thơ)	Ngô-đức-Chương	71
13.— Câu chuyện văn học	Trịnh-văn-Tiến	72 — 75
14.— Bến Hải, Quảng trị, Huế	Tâm-Trí	80 — 81
15.— Minh ơi ! Albert Einstein là ai ?	Diệu-Huyền	88 — 200

16.— Đêm, thọa khúc 6 (thơ)	Phụng—Minh	105
17.— Bức mình (truyện ngắn)	Phượng Duyên	104 — 108
18.— Những người đàn bà lừng danh	Tân Phong	109 — 113
19.— Sách báo mới	Ph.Th	114 — 115
20.— Thư bạn đọc	Phổ Thông	116 — 119
21.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	120 — 132

- Tranh bìa: những huy hiệu Thế-Vận-hội quốc-tế trong kỳ Thế-vận-hội Đông-kinh — Nhật.
- Tranh trong bài: họa sĩ Ngọc - Dũng.



- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cảo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.
- ★ Các sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiên trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

● Tổng phát hành PHỔ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Sài-gon

● Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

● Our general agent in Europa & Africa

LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)

OMAR KHAYYÂM

thi hào Ba - Tư

* ĐIỀU - HUYỀN

(tiếp theo P.T. 176)

II

Sọ dừa của chúng ta là những cái bát mà Hóa công
Đã nắn ra theo hình ảnh của Ngài,
Và lật úp lại, ban cho thân thể ta để làm cái đầu,
Sau khi nhét đầy phiền muộn và khổ đau.

Bản dịch Pháp văn của Thi sĩ Đức
TESSAM ZADEHM :

Nos crânes sont des bols. Le souverain potier
Dans leur création a trouvé son métier
Il nous offre, à l'envers, un de ces bols pour vivre
Après l'avoir rempli de chagrin, tout entier.

OMAR KHAYYÂM

Bản dịch của Thi sĩ Anh
WHIMFIELD :

Many fine heads, like bowls, the Brazier made
And thus his own similitude portrayed,
He set one upside down above our heads
Which keeps us all continually afraid.

III

Người ta bảo trên Thiên đường có những vị Tiên nữ diễm
tuyệt
và rượu thơm, sữa tươi, mật ngọt chảy trong veo như
giòng suối,
Nếu sau này ta sẽ được hưởng những món đó ở thượng
giới,
Tại sao ta không được hưởng trọn vẹn tinh yên say ngọt
ngay bây giờ ở Trần-ai (1)

Bản dịch ra Pháp ngữ của
TESSAM ZADEHM :

Vous aurez, nous dit-on des Houris dans le Ciel,
Avec du vin limpide, et du lait, et du miel,
Donc l'amour et la vin nous sont permis sur terre
Puisque même Là-haut ils sont l'essentiel !

Bản dịch ra Anh ngữ của
H. WHIMFIELD :

In paradise are Houris, as men trow,
And fountains with pure wine and honey flow;
If these be lawful in the world to come
May I not love the like down here below ?

(1) Theo kinh Koran. Thánh kinh Hồi-giáo, những tin đồn trung thành
của Hồi-giáo sau khi chết, lên Thiên đàng được ở với những nàng con
gái tuyệt đẹp, gọi là Houris (tiếng Ba Tư).

OMAR KHAYYAM

IV

Như hoa tulipe nở buổi sáng, ta hãy nâng cốc rượu lên,
Bên cạnh mỹ nhân có đôi môi thắm men,
Và uống với nàng cho ngây ngất, kéo rồi Trời xoay chuyển
Ta sẽ ngã gục, như ly rượu sẽ đổ vỡ !

Bản dịch ra Pháp ngữ của
K. LARKE :

Imite la tulipe et prends la coupe en main
Et tout près d'une jeune fille aux lèvres de carmin,
Bois gaiement ; le ciel bleu, tournant comme une roue,
Va, dans un coup de vent, te renverser soudain,

Bản dịch ra Anh ngữ của
ED. FITZGERALD :

As then the tulip for her morning sup,
Of Heav'nly vintage from the soil looks up
Do you devoutly do the like, till Heaven
To Earth invert you, — like an empty cup.

V

Áo ngủ của Ban.Đêm bị lũng một lỗ sáng trắng,
Ta hãy nâng cốc lên ! Đâu phải đêm nào cũng được diễm
phúc ấy.
Ta hãy say lên, vui lên, trong lúc ta còn được hưởng.
Kéo rồi đây ta chết, chỉ còn ánh trăng rọi xuống mờ hoang!

Bản dịch Pháp văn của
TESSAM ZADEHM

La nuit a dans sa robe un trou de clair de lune
Bois du vin. On n'a pas toujours cette fortune
Sois heureux et jouis ; après nous bien des fois
La lune éclairera nos tombes une à une

Bản dịch Anh văn của
H. WHIMFIELD :

The moon doth pierce night's mantle with her ray,
Such fortune comes not always in our day
Drink keep, rejoice, make merry wile you may,
Ere in death's mantle, hid from light, we lay.



Rất tiếc, trong những bản dịch ra thơ Pháp và thơ Anh, các dịch giả chú trọng đến *văn* mà phớt qua *ý* thơ của tác giả. Cho nên so sánh hai bản dịch song song, ta thấy có nhiều khuyết điểm trong cả hai bản.

Để bạn đọc thưởng thức đầy đủ tứ thơ của Omar Khayyam tôi chú trọng đến *ý*, và cố gắng diễn tả trọn vẹn tứ thơ, không lo ngại đến *văn* trong câu thơ Việt. Dù sao tôi cũng giữ đúng 4 câu cũng như các dịch giả Anh, Pháp, để theo đúng nguyên-thê trong mỗi bài Rubai của Thi-sĩ Ba-Tur.

Diễn Khayyam

★ NGUYỄN
VĂN
CÔN

BỨC THƯ
PARIS

NGÀY
PHẬT - ĐẢN

Ở
PARIS

NGÀY chủ-nhật 5
Juin, một ngày xanh
tươi của mùa Xuân
trên dọc bờ tả ngạn
sông Seine, các người
« Parisiens » hay khách du-
lich ngoại quốc đã dừng
chân, để mắt nhìn những đàn
bà và thiếu nữ Việt-Nam

tha thướt trong bộ quốc
phục, lần bước tới một nhà
lầu nguy nga.

Nhà lầu đó, tức là « Palais
d'Orsay » ở bên (quai) Ana-
tole France, không xa Bộ
Ngoại Giao Pháp bao nhiêu.

Những người đầu bà và
thiếu-nữ Việt-Nam này cùng
gia-quyến hôm nay không
phải đi dạo mát trên bờ
sông Seine, mà là đi tới dự
một buổi lễ trang nghiêm,
tức là lễ Phật-đản.

Lần này là lần đầu tiên,
tại Pháp và tại Âu Châu, có
ngày Phật-đản long trọng,
và do chính Hội Phật Tử
Việt Nam Hải Ngoại » tổ
chức. Trên thiệp mời, ta
thấy đề « Ban tổ chức » :
ông Châu cầm Bích và ông
Huỳnh văn Tâm (Anh Tâm
không phải là người xa lạ
với độc giả Phở Thông vì
anh là chủ-tiệm Long Hiệp,
và đại-lý tờ Phở Thông ở
Âu châu).

Cũng là lần đầu tiên mà
lễ Phật - đản do một vị

BỨC THƯ PARIS

Thượng tọa cử hành, đúng
với lễ nghi Thuyết Pháp.
Đó là Thầy Thích Thiện-Châu
từ Ấn Độ, qua Anh quốc,
rồi đến Paris, và các độc-
giả Liên Hoa và Phở Thông
thường được đọc những bài
luận thuyết của Thầy.

Từ ngoại-ô « Cửa Hoa
Xoan » (Porte des Lilas) chỗ
tôi ở, tôi phải tính thì giờ
đi ô-tô-bút và métro để
đúng 3 giờ chiều đến dự
lễ. Trong lúc đi đường, tôi
đã ái-ngại cho ban tổ chức
vì ngày 5 Juin là « Ngày Lễ
của các bà Mẹ » (Fête des
Mères). (Bên này mỗi năm
có « ngày vui » của các bà
mẹ, tức là ngày mà các con
nhớ công sinh dưỡng, tổ
chức trong gia-đình những
cuộc vui, như ăn tiệc, biếu
các món quà và dâng lời
chúc mừng. Ngày đó là ngày
dành riêng cho các gia-đình
ít người đi dạo chơi hay dự
lễ khác).

Vi thế, tôi e sợ rằng các
người được mời đến dự lễ
Phật-đản sẽ không thể nào
đến được.

Tôi vào phòng lễ hai giờ
rưỡi tức là trước nửa giờ,
thế mà đã có nhiều người
đến trước tôi. Ấu cũng là
« duyên » chung giữa những
người thiện tâm.

Phòng « hội họp » của
Palais d'Orsay tuy rất rộng,
đẹp, gọn gàng, nhưng về
việc bày biện, trần thiết thì
« Hội Phật tử Hải ngoại »
phải lo liệu tất cả, chẳng hạn
như bàn thờ Phật, nơi diễn
đàn, chỗ đứng của các Phật
tử phụ giúp Thầy Thích-
Châu.

Khi tôi bước vào phòng,
một cảm giác thiêng liêng,
một ý niệm chân thiện mỹ,
choán tâm hồn tôi. Dựa vào
tấm màn màu nâu xẫm, ở
trung cùng, chính giữa gian-
phòng, một bàn thờ với pho
tượng Phật vàng son ngự

trên bệ, phía sau cờ Phật hiện trước mắt mọi người.

Khách đến dự mỗi lúc một đông, nhưng nhờ cách tổ chức hoàn bị, nên mọi việc tuần tiến trang nhã. Ban tiếp rước phần đông gồm các sinh viên Phật tử anh-tuấn, đã làm phận sự một cách xứng đáng: nào đưa chỗ ngồi, phát chương trình, trả lời các câu hỏi, tìm người này, kiếm cái này, khiêng cái khác. Một sự tận tình đi theo với một sự hòa nhã của người con Phật đã làm mọi người hài lòng.

Khi nhìn vào phòng, vừa đúng ba giờ, tôi thấy đã đông đảo, và trong số khách đến dự, có rất nhiều người Pháp (cả về hai phái) mặc dầu ngày 5 Juin này là ngày « Fête des Mères ».

Hãng thông tin A.F.P, sở vô tuyến và Télé có cử người tới dự.

Anh Châu-cầm-Bích có đưa cho tôi một tuần trước, hai chục thiệp mời, và cố nhiên tôi đã gửi đến các bạn Pháp. Nam. Vài người vì bận việc, không thể đến dự được, đã gọi giây nói cho tôi hay. Nhưng tôi cũng được biết một vài người khác, ngày thường thì miệng nói đầy « tâm Phật », mà chính ngày lễ Đức Phật Ra Đòi, thì lại thiếu hẳn « thành thật thành kính ». Họ đã quên hẳn Phật, vì hôm đó trời tốt, họ ra đồng, vào rừng ăn « picnic » cho giống người Âu phương hay họ đã trọng một miếng bánh ngọt ở nhà một người bạn hơn sự Cao Siêu Bác Ái của Đức Phật.

« Nam mô A di Đà Phật ! »

Thôi ! Ta hãy mỉm cười, quên lửng sự thiếu sót của các người nói trên. Con đường tin tưởng, tu thân, giải thoát là con đường gay go cam khổ, đã dễ gì một ngày

mà đi qua được ; vì vậy ta vẫn cứ đi với tất cả mọi người, biết đâu một ngày kia Ánh sáng Nhiệm Màu của Hiểu Biết không giác ngộ họ một cách sâu rộng hơn.

Những sự thiếu sót và thiếu cố gắng của các người nói trên không quan hệ gì lắm, nhưng cũng có một hạng người, đối với Ngày Phật Đản nói riêng, và đối với toàn thể Phật giáo nói chung, đã có những cử chỉ đầy ác ý, đầy tội lỗi : họ đã loan truyền bằng lời nói, bằng báo chí rằng các giới Phật tử ở Pháp hết thầy đều « làm chính trị », và các cuộc biểu tình của các vị Tăng Ni và Phật tử ở quốc nội chỉ là những « cuộc hát » (chantage) để đòi người Mỹ cho tiền, và khi nào đòi tiền được rồi, thì « xếp dù » ngồi đợi cơ hội khác, rồi lại biểu tình khi nào cần tiền.

(Chẳng cần phải nói nhiều chắc các bạn cũng tự hiểu rằng đối với sự hy sinh bằng xương máu của các Tăng, Ni và Phật tử ở quốc-nội, những lời phao truyền ấy không những khả ố và còn đầy tội ác).

Mặc dầu họ cố ý phá đám, ngày Phật Đản vẫn được rất nhiều người đến dự. Như thế, dù chứng tỏ là đối với những người thành tâm theo Phật hay có cảm tình với Phật đạo thì không có sức lực gì, có thể làm cho họ siêu lòng nản chí.

Những kẻ muốn phá hoại tưởng rằng nếu phao truyền Phật tử « làm chính trị » thì có lẽ nhiều người sẽ không đến dự. Trái lại, đó là một sự tuyên truyền lớn lao, vì phần đông đều là những người chân thành, những tấm lòng vàng không bao giờ sợ lửa.

Khi tôi nhìn vào phòng thì nhiều hàng ghế đã có người ngồi và về sau phải để thêm mấy hàng ghế khác. Số người đến dự trừ tính trước là 500 người, thế mà gần 700 đến dự, trong đó có rất nhiều nhân sĩ Pháp, Nam, các sứ-thần hay đại-diện các sứ-thần của các nước Á-đông theo đạo Phật.

Xem đó, ta đủ thấy mặc dầu có một nhóm người cố ý phá hoại, nhưng trước lòng tin-tưởng của Phật tử Việt Nam, và thiện cảm của người ngoại quốc. Ngày Phật-Đản vẫn được cử hành một cách trọng thể và có kết quả tốt đẹp. Vả lại, trước một khối Phật Tử lớn lao trên thế-giới, và trước toàn thể Phật giáo quốc-nội, thì làm sao sự chê bai của một vài người vô ý thức, có thể làm lung lay được !

« Đến đây, tôi xin mạn phép dùng câu châm ngôn «A-rập»

để phê bình tư cách và cử chỉ của mấy người « phá hoại » nói trên : « *Con chó sủa, mà đoàn lạc-đà vẫn đi* » (le chien aboie et la caravane passe).

Bầu không khí ngày Phật-Đản ở Paris là thế đó. Bây giờ, ta hãy vào dự lễ. Sau khi anh Trần Ngọc Mỹ đọc qua chương-trình, thì anh Châu-Cầm-Bích đọc tờ cảm tạ, và các Sứ Thần và đại diện các nước theo đạo Phật lần lượt lên thắp hương, nghiêng mình trước bàn thờ Phật. Kế đó, có ba hồi chuông, rồi Thầy Thiện Châu, trong chiếc áo cà-sa vàng, đi chân không, bước lên đài, trước bàn thờ Phật. Tất cả người dự lễ đều đứng dậy, cúi đầu, nghiêng mình chào Thầy.

Theo sau, một số Phật-tử, áo thung màu xám nhạt, bước lên đài, giúp Thầy làm lễ,

Tiếng chuông, tiếng mõ

trôi lên, trong khói trầm hương nghi ngút. Thầy Thiện Châu qui trước bàn thờ Phật, cất giọng trong trẻo êm thắm đọc mấy bài Kinh.

Các người dự lễ đều cung kính đứng dậy, rồi văng vẳng có tiếng hát êm đềm, thanh thoát, ngân nga, khi trầm, khi bổng, khi gần, khi xa, khi nhẹ nhàng như gió ngàn đồng vọng, khi cao siêu như « hải triều âm ».

Hành lễ xong, Thầy Thiện Châu bước đến diễn đàn, thuyết pháp bằng Việt Ngữ. Trong gần một giờ, Thầy giảng giải ý nghĩa ngày Phật-Đản, sự cao-cả của Phật pháp, và kêu gọi lòng « biết yêu nhau », giữa đồng bào trong và ngoài nước, để bảo vệ quê hương và dân tộc.

Lời Thầy nói một cách êm thắm, dịu dàng đầy nhân từ, bác ái nghe rất cảm-động, khiến cho nhiều người bởi hồi rơi lụy.

Rồi đến phần tôi nói bằng tiếng Pháp về ngày Phật-Đản, đời Đức Phật và Phật Thuyết (vì có rất nhiều người Pháp và ngoại quốc, nên cần phải có bài trình bày bằng tiếng Pháp).

Tôi cho đó là một bổn phận, không những vì tôi có thiện cảm với Thầy Thiện Châu và các anh em trong ban Tổ-chức, mà còn vì lòng tôi luôn luôn noi theo và nhờ cậy nơi Phật thuyết nhiệm mầu.

Tôi đã cảm động khi nhìn thấy trên những hàng ghế bao nhiêu người thân mến, bao nhiêu thanh niên, học sinh Việt Nam, bao nhiêu bạn cố tri như anh Trần-văn-Khê, anh chị Bùi-quang-Tung, anh chị Hà-bình-Gi, anh chị Bùi-văn-Tuyên, chị Huỳnh-tấn-Độc...

Cảm động hơn nữa khi tôi được biết là mặc dầu đang mùa thi cử, các sinh viên, tuy bận học, nhưng

cũng đề thì giờ vào công việc tổ chức, và có nhiều người như anh Tuyền, chị Đốc, anh Bích, anh Tâm đã bỏ công việc làm ăn trong mấy ngày để lo lắng hoàn bị ngày lễ Phật.

« Chơi vui bề khổ bến mê,
Ai ơi hãy nghĩ ngày về,
kiếp sau :

Ngày về thuyết Phật nhiệm
mầu,
Kiếp sau họa bớt quả sầu,
nghiệp oan ».

Tôi đã kết luận bài trình bày của tôi bằng những câu sau đây :

« Tel est, Mesdames, Messieurs, le Message que nous tranmet depuis vingt-cinq siècles CELUI QUI EST EVEILLÉ.

Ce Message pourrait ne pas être entendu de ceux que le désir entraîne à travers le cycle infernal des existences successives ou de

ceux qui croient en la force de la Matière aux dépens de la Spiritualité. Mais pour ceux qui ont souffert de leurs propres souffrances et de celles des autres, ce Message de paix, de bonté, de charité, de renoncement les aide à libérer en eux-mêmes ce qui est susceptible d'être libéré, et les incite à se pencher sur la misère d'autrui afin qu'au terme de cette vie terrestre ils puissent trouver pour eux-mêmes et pour les autres le CHEMIN DU SALUT. »

Tôi tạm dịch như sau đây :

« Thừa quý bà, quý ông, đó là thuyết thư mà từ 25 thế kỷ trước đây, Đức Phật đã để lại cho chúng ta.

Có lẽ những kẻ mà dục vọng lôi cuốn qua vòng luân hồi độc địa và những kẻ tin tưởng ở nơi sức mạnh của Thề-chất hơn ở nơi Tinh-Thần, không lãnh hội được

thuyết-thư đó. Nhưng những người đã đau khổ vì những nỗi đau thương của mình và của người khác, thì thuyết thư ôn-hòa, nhân đạo, bác ái, khước từ đó, sẽ giúp đỡ cho họ tự giải bỏ tất cả những gì có thể giải-bỏ, và khuyến-khích họ nghiêng mình chia sẻ những nỗi khốn cùng của người đời, để rồi, khi xa bỏ trần tục, có thể tìm cho mình và cho kẻ khác-Con Đường Giải Thoát».

Lẽ xong, tôi ra về. Theo dọc bờ sông Seine, hương sắc mùa xuân vẫn tung bưng. Nhưng lòng tôi vẫn thấy buồn buồn. Có lẽ một phần vì hình ảnh quế-hương trong khói lửa vẫn lảng vảng trước mắt, một phần vì mình nghĩ, qua Phật thuyết, cuộc đời này chỉ là kết thúc của nghiệp duyên, và kiếp con người chơi vui giữa bề khổ, bến mê.

Để tả nỗi lòng của mình \ Tôi lại càng nghĩ đến các

ngôn ngang trăm mối trên
bến tha hương, tôi xin mượn
mấy câu thơ đặc sắc trong
Cung Oán Ngâm Khúc :



« Nghĩ thân phù thế mả
đau,

Bọt trong bề khổ, bèo đầu
bến mê,

Mùi tục vị, lưỡi tê tân khổ.
Đường thế đồ gọt rổ khi
khu

Sóng cồn cửa bể nhấp nhô
Con thuyền bèo ảnh thấp
tho mặt ghềnh ».

Rồi khi nghĩ rằng mình sẽ viết bài tường thuật về tạp chí Phổ Thông, tôi chợt nhớ lại là sáng hôm kia có nhận được tấm hình của anh Nguyễn Vũ chụp khi đi nghỉ nơi cảnh chùa miền Trung.

Tôi lại càng nghĩ đến các

bạn ở quê hương, vì hình của anh Nguyễn Vỹ chụp trong áo cà-sa, tay lần chuỗi hạt.

Tôi bị cảm kích, và hồn tôi như bị lôi cuốn về quê cha đất tổ, bên cạnh những ngôi chùa im-lặng của thời xa xưa, nên tôi đã đề vọi mấy câu thơ này, và ở đây, xin chép lại để bạn đọc xem qua, và để chấm dứt

Bức thư Paris :

Đề hình anh Nguyễn Vỹ :

Sáng nay cùng nắng tươi
Anh đã đến với tôi
Bằng tấm hình trước đèn
Quan-Âm Bồ-Tát
Trong chiếc áo cà-sa, tay
lần chuỗi hạt

Tôi tưởng chừng anh bát
ngát, xa xăm
Cuộc đời này còn nặng
trữ hồn cảm,
Ôi ! đây một nhà văn đã
từng cam khổ,
Đây người con dân của
đất Việt đau thương
Đã từng khóc bằng lời thơ
đẫm máu
Bằng câu văn ướt bao lệ
đêm trường !

Anh hãy nhận ở đây
Trong *Bức Thư Paris*
Lời thăm nom, an ủi
Của bao người đồng hội,
Thân mến.

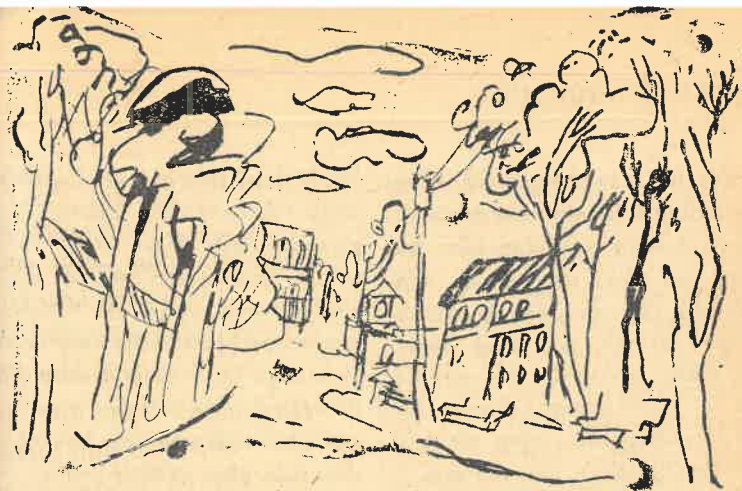
✱ NGUYỄN-VĂN-CÒN



● BẠN CÓ MUỐN NGHEO KHÔNG ?

Một nhà qui phái Anh, tiết lộ :

Có 3 cách để tiêu tan sự nghiệp : Thứ nhất là đánh bạc, một cách nhanh chóng hơn hết, thứ hai là đàn bà, một cách cũng nhanh chóng nhưng êm dịu, thích thú hơn, và cuối cùng là nông nghiệp, một cách mất sự nghiệp chắc chắn hơn hết.



Tập bút về
SAIGON ✱ PHONG-SƠN

XE ĐẠP và NƯỚC MÍA

BẠN có một số lợi-tức hằng tháng vừa đủ trang-trải tiền ăn uống, giặt ủi và những chi-phí vặt khác, có dư ra được một vài ngàn mà muốn thuê một căn nhà trong thành-phố SAIGON để ở cho được, thật là một chuyện nan-giải. Bạn cứ bỏ ra một ngày, leo lên xe đạp rong đi khắp hang cùng ngõ

hẻm của Saigon, bạn sẽ tuyệt vọng ê-chề. Những tấm biển đề « NHÀ CHO THUÊ », « HOUSE FOR RENT » cũng không thiếu gì, nhất là tại khu Trương - Minh - Giảng, nhưng với số tiền vừa nói ở trên, xin bạn đừng đến xem nhà mà túi hồ. Bạn phải lầm lúi đạp xe đi dần ra ngoại-ô để cảm thấy rằng cuộc sống hôm nay đã đẩy dần những người nghèo khổ ra ngoại-ô hoặc đúng hơn, dầy dần ra khỏi những niềm vui của cuộc sống, dù là những niềm vui rất nhỏ và rất hiền lành. Muốn sống đầy đủ lạc thú, ngập lặn trong xa hoa, bạn cũng có thể nhào vô làm việc. Nhiều việc chờ đón bạn nhưng lương tr; và danh-dự của bạn nó bướng bỉnh bưng dậy thì đành thôi...

Vậy thì, bạn cũng có thể sống với những niềm vui riêng mà mình tạo ra. Chẳng hạn như năm ba tháng bạn tri-kỷ thuê chung một gian nhà tầm thường nào đó ở ngoại-ô Saigon, mỗi buổi sáng, mỗi tháng phóng đi mỗi nơi để làm ăn, tối về họp mặt chuyện trò, tán dõc, chửi đời... cũng cứ thấy có « hạnh-phúc » như thường.

Bây giờ, xin mời các bạn cùng tôi đi tìm những niềm vui nghèo-nàn trong những hoàn-cảnh sống cũng nghèo-nàn ở Saigon.

Trước hết phải nói đến cái thú đi xe đạp trong thành-phố Saigon. Khi « con ngựa sắt » của bạn lượn mình qua các ò gà của ngõ hẻm để bắt đầu « góp mặt » vào đường nhựa dẫn vào đô - thành, bạn sẽ cảm thấy ngay rằng : mình cũng như ai, cũng băng mình vào thác người và xe cuồn cuộn để đi sâu vào hòn ngọc Viễn Đông. Chiếc xe của bạn cũng không cần đẹp để, diêm đứa làm gì, chỉ cần cặp lốp cho tốt, bộ dĩa cho chắc, sợi «sên» cho bền và cặp thắng keo-sơn gắn bó với cặp vành xe khi nguy - hiểm, là bạn có thể thông-dong đạt tới mọi bến bờ hạnh phúc mong muốn

Muốn đi nhanh, bạn cứ việc nhắm mạnh cặp giò, cũng không thua gì xe hơi, gắn máy... đó là chưa nói khi đường kẹt, xe cộ đóng cục lại, « con ngựa sắt » ngoan ngoan của bạn vẫn tìm mọi cách lách mình qua những khe hở nhỏ để lướt đi giữa biết bao con mắt giai nhân ngồi trong xe hơi nhìn theo thán-phục và thèm muốn.

Bạn muốn băng qua đường ư ? dễ quá. Bạn cứ từ từ « lỏng buông tay khấu » cho chiếc xe tà tà ôm sát lẫn vạch vôi chia đôi con đường nhựa. Nếu dòng xe ngược chiều đang vun vút lao mình tới, bạn cứ việc « bóp phanh » dừng lại, một chân bỏ xuống mặt đường một chân dẫn trên bàn đạp sẵn sàng để vọt đi. Trong khi chờ đợi như thế, con người của bạn và tấm thân bé bỏng của chiếc xe đạp cũng không làm trở ngại lưu-thông cho thế - nhân, bạn có quyền đánh diêm châm thuốc hút hoặc ngửa mặt nhìn trời ngâm một bài thơ đặc ý vừa hoàn thành tới hôm qua...

Có việc gặp thì bạn ra mồ hôi phi nước đại, còn không, bạn có thể ép sát lề đường bên mặt, « thả nước kiệu » để có thời-giờ

quan-sát và tận-hưởng nhịp sống và men sống đô-thành. Tấm thân « cỏ mọn hoa hèn » ấy sẽ không làm vướng bận đến ai khi bạn ép sát vào lề đường cho nên bạn sẽ tự do bỏ quên cuộc đời trước mặt, bạn có thể nhìn cuộc đời ô-trọc này bằng con mắt triết nhân. Chân thì đạp đều đều mà hồn thì phiêu diêu lên tận chín tầng mây để vui cùng một câu văn thẩn, một vần thơ thánh...

Trên nẻo đường quen thuộc bốn bạn đi về, bạn cũng có thể gặp gỡ và làm quen biết bao bạn đồng hành. Đi xe hơi, xe gắn máy, tiếng động-cơ nổ chát tai, bạn sẽ không trao đổi được một câu chuyện gì chú với chiếc xe đạp, biết đâu « hữu duyên thiên-ly năng tương-ngộ » bạn sẽ gặp một bạn tri-âm, một quý-nhân phò-trợ, hoặc bạn còn tài hoa son trẻ, khi bốn bánh xe so vành tiến tới, bạn sẽ sánh vai cùng người bạn gái đồng hành để hẹn nước thì non...

Bạn là nghệ sĩ ư ? Nồi nghề-sĩ vốn đa-tình. Và con mắt nghệ-sĩ trời sinh ra là để chiêm ngưỡng và ca tụng mọi vẻ đẹp của đất trời... Ngồi trên xe hơi, trên xe

gắn máy, bạn sẽ cảm thấy thất thế và lộ bịch vô cùng khi cần « bày tỏ lòng ngưỡng mộ » đối với mộ. nhan sắc lộng lẫy trên đường. Bạn sẽ phải ngoái cổ lại hay thờ đầu ra khỏi cửa xe để nhìn thì thật là vô cùng khiếm nhã. Còn với chiếc xe đạp thân yêu, dù giai - nhân đang yểu điệu gót hài theo dòng đường của bạn hay trái lại, đang thướt tha uyển chuyển sen vàng ngược chiều với bạn, bạn cũng có thể cùng chiếc xe lẫn mình trong sóng người nhộn nhịp để chiêm ngưỡng cho kỹ, khỏi phụ lòng hóa-công đã hun đúc nên những đóa hoa đời. Dù sau đó, bóng hồng khuất dạng, bạn sẽ bàng khuâng tiếp-tục cuộc hành trình.

Vừa nhìn con ngựa sắt của mình nếu bạn đột nhiên cảm thấy mình như Phù - Đổng Thiên - Vương, thuở nọ, phi ngựa sắt, vung gươm, vàng lên đường quét giặc xâm lăng, giữ yên bờ cõi, thì bạn vùng đạp mạnh lên, cất giọng ngâm vang: đường phố mấy vẫn cảm khái :

« Lên ngựa sắt hề... ta đi đây.
Muôn nẻo Saigon hề... Nam
Bắc Đông Tây... »

Xe lăn, đất nước vang hồn túi
Rác bần ngập đường hè... nào
ai hay ! »

Đề mà rơi trở về thực tại. Ôi, chuyện đi xe đạp giữa Saigon biết bao vui thú, làm sao tôi tả hết ra đây. Tôi cũng chưa nói đến cái quyền đặc biệt của chiếc xe đạp là được chạy ngược chiều những con đường bị cấm. Tôi cũng chưa nói đến cái tiện lợi của chiếc xe đạp khi gặp những đoàn biểu tình đi qua. Nếu cuộc biểu tình đó kích thích đúng lòng mến yêu sự tự-do, đáp đúng đòi hỏi của dân, nêu cao danh dự Tổ quốc, chống-đối bất công bạo tàn... thì bạn cứ việc dắt xe đạp hoặc đạp xe theo, tham dự với đoàn người, góp thêm tiếng nói của buồng tim thỏ phôi con người... Còn nếu bạn thấy cuộc biểu tình trơ trẽn, vô duyên, thì bạn chỉ cần dắt xe đạp lên lề, lờ đi để men theo đường khác, cho khỏi đau xót trong lòng...

Chuyện vui của chiếc xe đạp giữa đô-thành Saigon còn nhiều, xin đề cập đến lần sau... bây giờ, chắc các bạn chạy theo tôi cũng đã mỗi mệt và khát nước lắm rồi,

Vậy thì, phải kiếm cái gì giải khát.

Giữa sức nóng của mặt trời Saigon, hằng ngày những chi phí về giải khát còn nhiều hơn tiền ăn, mà với túi tiền nghèo-nàn, chắc bạn cũng buồn phiền. Nhưng không. Chẳng những các bạn không buồn phiền mà còn vui thích, còn tự hào về những loại đồ sản của đất nước Việt-Nam chúng ta, sẵn sàng so sánh với tất cả loại cây, loại trái dùng để giải khát trên khắp thế giới.

Thời buổi vật giá cao, la-de nước ngọt cũng tăng giá, chắc bạn không đủ can đảm để một mình uống một chai la-de, vừa không đã khát mà lại còn đau tiền. Chi bằng bạn hãy tận hưởng những món giải khát « quốc hồn quốc túy » đi...

Trước hết nói về ly nước mía. Mồ hôi bạn toát ra đầm đề. Cờ họng khô cứng, cháy bỏng. Lưỡi và miệng như một khoảng đất xốp bị hạn hán lâu ngày đang cần một trận mưa rào. Ly nước mía ngọt ngào thơm tho, mát lạnh vì hơi nước đá mà mới cầm trên tay, bạn cũng thấy khoái rồi. Hơi mát và ngọt như thấm trước vào những

ngón tay, truyền vào cơ thể bạn để dọn đường hoan-lạc cho vị giác của bạn tận hưởng. Bạn đừng uống vội. Bạn hãy nhìn vào đôi mắt đượm tình của cô hàng nước mía, nhờ cô vắt thêm một múi chanh và gửi thêm vào đây một nụ cười, bạn sẽ từ từ đưa ly lên miệng. Ngậm vào ống hút, bạn nín thở, chum miệng, lắng hết tâm hồn để nghe dòng nước mát, ngọt, thơm, thanh tao, tinh khiết từ từ men dần lên môi, vào miệng, thấm qua cuống lưỡi, mang nguồn tươi mát vào sâu trong cơ thể bạn. Luồng nước ấy đi đến đâu, bạn cũng cảm thấy những cơ-quan trong thân xác bạn như vang dậy lời reo hò sôi động. Và đến khi chiếc ống hút cảm thấy trống trải cô đơn trong chiếc ly hoang lạnh thì, con người bạn đã phục hồi sinh lực, bạn sẵn sàng bắt đầu lại mọi việc như lúc mới khởi hành. « Nước mía còn, dân tộc còn », bạn hãy hô lên khẩu hiệu đó để võ-trang tinh-thần cho bạn trên muôn dặm đường xa. Những Cocacola, Pepsicola, Bireley, Orangade, Limonade, Soda với hơi « ga » tổ tiên, sản xuất từ ngoại quốc, chắc chắn phải khuất phục trước ly nước mía. Suy-

nghiệm về cây mía, bạn còn thấy nổi bật đức tính hy sinh cao cả, đem cả thân xác hình hài mình ra dâng hiến cho thế-nhân, cho thế-hút; nhân lấy mạch nước của lòng mình đến khi còn trơ lại cái bã khô.. Thứ cây giải-khát huyền-diệu ấy lại có thể trồng khắp nơi trên đất nước Việt-Nam. Chỉ cần một đoạn thân cây vùi xuống lòng đất là những cây khác nẩy nụ đâm chồi. Sức sống của mía cũng là sức sống của dân tộc V-N. vậy.

Những kẻ quen xài các loại nước giải khát Âu Mỹ chắc cũng không đến nỗi ngoan cổ để phủ nhận cái ngon ngọt, thơm tho và rất hợp với vị giác của người Á-đông là Nước Mía. Cuộc sống và hành động của họ thì lai-cãng mất gốc, phản bội dân-tộc nhưng nhiều khi, thấy thềm ly nước mía quá, cũng cố chen chân vô những hiệu nước mía ngà tư Lê-Lợi — Pasteur hoặc tại cửa chợ Quách-thị-Trang để nốc một ly... Nếu không chen chân đến được thì biết đâu, cho người nhà lái xe hơi tới, mua về vài lít để toàn gia thưởng thức. Mong rằng, trong những giờ phút họ cùng vợ con uống nước mía, họ sẽ thức tỉnh và nghĩ đến hành

động của mình. Họ sẽ thấy rằng bao nhiêu rượu mạnh, bao nhiêu nước ngọt, bao nhiêu đồ hộp, trái cây Âu Mỹ vẫn không làm họ quên được NƯỚC MÍA cũng như những bữa cơm Tây, cơm Tàu, cơm Mỹ vẫn không làm họ « khoái-khầu » bằng cơm gạo đỏ Việt-Nam ăn với canh tập-tàng, dưa giá thịt heo, hay dưa cải, mứt cà... Cũng đừng có đùa-giả hô-hào rằng tôi sống chết trên mảnh đất này vì tôi vẫn ăn rau muống chấm tương trong khi việc làm của mình thì bán nước buôn dân.

Nước Mía vẫn còn đó và quần-chúng Việt-Nam vẫn còn tha-thiết với nước mía là một niềm tin của người Việt-Nam đối với tiền đồ dân-tộc. Một ly nước mía hai đồng đã đủ giải khát chúng ta thì có việc gì khó khăn mà dân tộc Việt-Nam không làm được. Thờ-sản Việt-Nam quý báu, phong phú vô cùng nếu đất nước chúng ta không còn chiến tranh. Những hàng nước mía, những xe nước mía bày khắp đô-thành hay đứng hơn, khắp nơi trong toàn quốc, xác nhận sự có mặt giàu có của cây mía. Trong hoàn cảnh chiến

tranh, những vùng đất « thiên đường » của mía như Nam, Ngãi, Bình, Phú đã hạn chế tối-đa sản-sản xuất mà cũng còn được thế, hưởng chi, khi giang sơn này đã trở lại thanh bình.

Ngoài mía ra, chúng ta còn biết bao nhiêu thứ giải khát « thần thánh » khác như nước RAU MÁ, vừa giải-nhiệt, nhuận trường vừa trừ được bệnh táo bón, kiết lỵ, uống vào lại thấy đắng đắng, lùi lùi, làm mê mèm cả vị-giác... Chúng ta còn CÚ CẢI ĐỎ, SẦU RIÊNG, MĂNG - CẦU, MĂNG - CỤT, ĐU-ĐỦ, CHANH, CAM, NHÂN, VÀI, VÚ SỮA, TRỨNG GÀ, MƠ, MẬN, ĐÀO-TIÊN... trời ơi ! cả một rừng trái cây cung cấp, bồi bổ cho người dân Việt-Nam đầy đủ sinh tố có thua kém gì trái cây ngoại quốc. Các bạn hãy giữ vững niềm tin cũng như vững tin rằng có khung-cảnh yên lành cho dân tộc mình sản-xuất thì tài-nguyên và thổ-sản V.N. đủ sức nuôi dân V.N. giàu mạnh...



những SÔNG, HỒ

đanh tiếng ở Á - Châu

★ NHÃ-ĐIÊN

● Một cái hồ lớn nhất thế giới, diện tích bằng nước Hòa Lan

Hồ Baikal: một cái hồ sâu nhất thế giới

★ Những sông ở Tây Bá Lợi Á dâng lên làm ngập lụt những vùng rộng lớn hơn nước Pháp

BA I K A L là tên một cái hồ ở Tây Bá Lợi Á, ở gần ranh giới xứ Mông Cổ. Nước ở đây

đo ba trăm ba mươi con sông từ những sườn núi cao đổ xuống. Đối với nhà địa lý, hồ Baikal dài 640 cây số, rộng từ 25 đến 80 cây số, nằm giữa những rặng núi cao từ 2.000 cho tới 2.700 thước. Đối với nhà địa chất học, hồ này là một trong những vết sẹo sâu nhất thế giới, nó là một

cái hố, hậu quả của sự răn rúm của vỏ trái đất. Hồ này sâu một ngàn bảy trăm thước, quả là một cái hồ sâu nhất thế giới. ★

Nếu nó không chứa nước ngọt, người ta phải gọi nó là biển. Diện tích của nó là 34.000 cây số vuông, bằng diện tích nước Hòa Lan. Người ta có thể mang tất

cả số lượng nước của bề Baltique đổ vào hồ này và vẫn không làm đầy hồ. Sinh vật ở đây sinh sống như ở dưới biển. Nơi đây có một loại hải cẩu, sống thích nghi với cuộc sống nước ngọt, nơi đây cũng có từng đàn cá di cư, ngược dòng sông đổ xuống hồ để đẻ trứng, cũng như loại cá saumon vậy.

Ở giữa miền Tây Bá Lợi Á lạnh ngắt, nên nước hồ hết sức lạnh... Mùa đông, toàn thể mặt hồ bị một lớp băng trung bình dày một thước bao phủ: hồi xưa, xe lửa xuyên-Tây-Bá-Lợi-Á đã vượt qua lớp băng này mà không sao cả. Băng tan chậm đến nỗi vào tháng sáu, nhiệt độ của nước là 4 độ bách phân, tới tháng tám nhiệt độ của nước lên tới 12 độ bách phân và ngừng lại ở đó. Ở về phía Tây Nam, hồ tràn đầy, trút xuống sông Lénissé, lưu lượng và độ giốc của con sông này nhiều đến nỗi người ta có thể lấy ra gấp hai lần năng lực thủy điện của sông Volga.

Những con sông lớn nhất ở Á - Châu

Những lục địa cao nhất và rộng

lớn nhất lại không có những con sông dài nhất và mạnh nhất thế giới. Thật vậy, sông Lénissé (trung bình mỗi giây đồng hồ 18.000 thước khối) sông Dương Tử (18.000) sông Hằng (20.000) đều là những khổng lồ nếu sánh với sông Rhône (1.720) hoặc sông Seine (450), nhưng chúng còn kém sông Rio de la Plata (từ 30.000 cho tới 35.000) sông Congo (48000) và sông Amazone (110.000).

Nhưng những con sông ở Á châu có rất nhiều đặc tính. Chẳng hạn như những sông ở Tây Bá Lợi Á, chảy ngược lên phía Bắc, chúng đóng thành băng trong rất nhiều tháng. Băng tan ở khúc sông trên: nước tan chất đóng, chổng lại những mảnh băng ở khúc sông dưới, làm thành một cái đập. Cái đập này tự hủy dần rồi ào ào đổ xuống như sấm, gây ra nạn lụt bao phủ những vùng rộng lớn gặp mấy lần diện tích nước Pháp. Tại nơi đây, mùa màng không có gì tươi đẹp, mà chỉ gây ra những cảnh phá hoại, lụt lội ghê gớm.

● Sông Hoàng Hà có lẽ là con sông mang theo nhiều phù sa nhất, hơn cả sông Missouri của Hoa Kỳ. Chất bùn vàng này đóng

lại khi sức nước giảm, khi mực nước hạ xuống, hoặc khi sông chảy xuống đồng bằng. Bùn làm nghẽn lối, và tới mùa nước sau, sông Hoàng Hà tìm một lối thoát khác, đổi dòng sông, và cuốn theo hàng ngàn nạn nhân.

Trong lịch sử Trung Quốc, con sông này đã thay đổi dòng sông nhiều lần, khi nó chảy về phía Bắc, khi nó chảy ở phía Nam tỉnh Cha Tonug. Thảm trạng này xảy ra luôn luôn, nhưng khủng khiếp nhất phải kể tới nạn lụt năm 2.297 trước Tây-lịch, năm 1.194 và năm 1851. Ngày 15 tháng 6-1938, một viên tướng người Trung Hoa đã cố ý gây ra nạn lụt để chặn sức tiến của quân Nhật. Ông ta đã phá vỡ một khúc đê ở gần Kaĩ - Foung. Chín năm sau, ngày 15 tháng 3 - 1947, người ta mới có thể mang con sông chảy về phía Bắc. Đó là một công việc khó khăn, nhưng không khó khăn bằng việc di chuyển 160.000 dân Trung Hoa đã tới lòng sông cũ lập nghiệp.

● Sông Brahmapontre từ núi Hy Mã Lạp Sơn chảy vào Assam, qua những dòng nước mà từ lâu người ta coi là không thể vượt qua được. Người ta không rõ nguồn gốc của nó, và người ta

biết có một dòng sông rất mạnh, chảy từ Tây sang Đông, cắt Hy Mã Lạp Sơn dọc theo chiều dài, đó là sông Tsan Po. Nhiều nhà địa lý cho nó là khúc đầu của sông Dương Tử. Có những người khác lại cho nó thuộc sông Cửu-Long. Đê làm sáng tỏ vấn đề, năm 1880,

người Anh mang phao ghi dấu vút vào sông Tsan Po. Trong một thời gian hết sức lâu, người ta không thấy những phao này đâu, không thấy có trên sông Dương Tử, trên sông Cửu-Long và không có cả trên sông Brahmapontre. Rồi một hôm vào cuối thế kỷ trước, người ta thấy chúng trôi trên sông Brahmapontre, như vậy sông Tsan Po và Brahmapontre là một, số lượng nước của chúng cũng nhiều như nước sông Hằng vậy.

● Sông Indus giống sông Nil đến nỗi khi Alexandre tới bờ sông này, lại tưởng mình trở về Ai Cập. Cũng như sông Nil, lưu lượng nước của nó không ngừng giảm bớt khi nó chảy ra biển.

✱ Đê kết thúc, chúng ta phải kể tới sông Menderèh ở Tiểu-Á-tê Á. Giòng sông này có cái đặc biệt là nó uốn khúc hết sức đều đặn, với những đường bán kính hết sức đều, nên các nhà địa lý đã lấy nó làm mẫu mực cho các con sông uốn khúc.

ĐOẠN ĐƯỜNG

★ TRẦN - MINH - PHÚ



Anh một mình trở lại
Con đường dài nắng phai
Thương chi ngày đã mất
Buồn chi chiều lá bay

Xin màu hoa bâng-khuâng
Một lần thôi chớ khóc
Cho hoàng hôn âm thầm
Người gọi người đi mất

Gót chân trần nước nở
Bụi mờ phương áo bay
Hương chìm hơi thở đỏ
Hồn trả hồn cho ai

Anh tuổi nào bé nhỏ
Bù năm tháng già nua
Xin chiều nay thương nhớ
Tứ mai hết đợi chờ...

★ PHẠM-VĂN-SƠN

một
số
thi
ca

đánh
dấu
thời
loạn

★

★

★

(tiếp theo P.T. 176)

N GÀY 24 tháng 6 năm 1867 đã ghi chép một «cuộc đi chơi của quân đội», đó là lời của Đại-tá Thoma-zi một trong số tướng lãnh cầm quân đi đánh chiếm nốt ba tỉnh miền Tây của Nam-Kỳ.

Họ không nói ngoa đâu !

Quân đội Pháp đến đậu trước thành Vĩnh-Long và o tâng-tảng sáng, giữa lúc lớp sương mù còn bao trùm nặng nề cỏ cây, vạn vật ở tỉnh này.

Họ đưa tới hậu thư vào thành, đòi cụ Phan-thanh-Giản nộp thành và giải binh. Cụ Phan đến gặp De Lagrandière để điều đình. Trong khi đại-diện Việt-Pháp nói chuyện thì đoàn quân kiêu hùng của Thực-dân đã nhập thành. Thế là xong !

Cũng một ngày đó thuyền chiến của Sứ-y-phủ Saigon cũng tiến đến An-giang, Hà-

tiên lấy nốt hai tỉnh này không tốn một mạng người, một viên đạn.

Thomazi nói rằng quân đội Pháp làm một cuộc di chơi là đúng lắm. Vì quân đội của triều đình Huế có chống cự gì đâu!

Sáu tỉnh Nam-Kỳ mất trọn.

Bọn Huỳnh-công-Tấn, Trần-bá-Lộc được các quan Tây vinh thăng thì Phan-thanh-Giản uống thuốc độc chết để thanh minh thái độ với vua với nước.

Kẻ sĩ của Nam-Kỳ có Đờ-Chiều, Phan-văn-Trị, Nguyễn Thông chưa xót với thời cuộc mượn mấy vần thơ nói lên cái cảnh nhà tan, nước mất, đồng thời uất giận cuộc giáng hòa đã mang lại cho người mình bao nhiêu sự thiệt thòi cay đắng, từ năm Nhâm-Tuất (1862).

Cử-nhân Phan-văn-Trị than :

*Tò le kèn thổi tiếng năm ba,
Nghe lọt vào tai dạ xót xa.
Uốn khúc sóng rồng mù mịt khói,
Vẳng ve thành phượng ủ sầu hoa.
Tan nhà cảm nỗi câu ly hận,
Cắt đứt thương thay cuộc giáng hòa.
Gió bụi đôi cơn xiêu ngã cỏ,
Ngậm cười hết nói nỗi quan ta.*

Nguyễn-Thông hiệu Kỳ-Xuyên, làm quan đến Bộ Chánh sau khi Nam-Kỳ mất trọn, dời nhà ra Bình-Thuận theo cái đạo Di, Tề không ăn thóc gạo của nhà Châu, không thờ chung bâu không khí với « Bạch quỷ » đã chép miệng ngậm bài :

*Bến Nghé gầy nên cuộc chiến trường,
Làng say mấy lúc lại qua thương.
Cùng về xứ cũ người còn khỏe,
Chạm mãi cơn nguy tỏ muốn cuồng.
Châu chợ đồn rằm mỗi lợi lớn,
Bề khơi bao thuở cánh buồm trương,
Chỉ lựa ca khúc người Yên, Triệu,
Lửa nóng sôi lòng tóc nhuộm sương.*

(Huỳnh-thúc-Kháng dịch)

Nghe tin Phan-thanh-Giản tử tiết, Tú tài Nguyễn-dình-Chiều tỏ lòng mến tiếc một ông bạn làng Nho đạo cao đức trọng, nặng tình với dân với nước, vì không cứu vãn nổi xứ sở đã phải mượn chẹn thuốc độc tỏ bày tâm sự:

*Thương ơi! người đẹp ở Bình-Đông,
Lớn nhỏ trong làng thấy mến trông,
Biết đạo khóc bày con mắt tục,
Dạy dân năm giữ tấm lòng công.
Đặng danh vừa rạn nền nhà cửa,
Vì nghĩa riêng đền nợ núi sông,
Một trận trái gan trời đất thấy,
So xưa nào thẹn tiếng anh hùng,*

*Làm người trung nghĩa đáng bia son,
Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn.
Cơm áo đèn bời ơn đất nước,
Râu mây giữ vẹn phận tôi còn.
Tinh thần hai chữ phơi sương tuyết,
Khí phách nghìn thu rở núi non.
Gẫm chuyện ngựa Hồ chim Việt cũ,
Lòng đây tưởng đó mất như còn.*

Rồi trong khi mọi người tri thức của đất nước sa lụy vì cảnh hưởng què hương thì một số người cũng còn ông

cháu cha, cũng từng đọc sách thánh hiền, biết trọng Nhạc Phi, biết khinh Tần Cối ra cộng tác với Pháp, chánh-kiến của họ lẫm lạc chẳng? Danh lợi cám dỗ họ chẳng? Điều này họ biết họ rõ hơn ta. Nhưng trên lập trường dân tộc và cả dân chủ ngày nay, ai cũng có quyền sống theo quan niệm của mình, nhưng cái quyền sống ấy của cá nhân không thể chấp nhận được nếu nó có nguy hại cho xã hội, hay nó phản bội xã hội.

Họ làm những việc hèn mạt thì cứ làm nhưng rất đáng ghét nếu họ vẫn lên mặt ái quốc, vẫn ngụy biện để che dấy tội lỗi của họ.

Nam-kỳ thuộc Pháp trong khoảng cuối của thế kỷ 19 có ba loại người đáng chú ý :

A.— Loại cầm gươm cầm súng chống Pháp để giành lại độc lập, chống Pháp bằng bất cứ giá nào để nêu cao tinh thần liêm sỉ và sĩ khí.

B.— Loại trí thức chịu sống nghèo túng không chạy theo miếng cơm thừa của giặc và kháng chiến bằng văn thơ, miệng lưỡi được dân chúng ái mộ.

C.— Loại lợi dụng chút căn bản học thức và tiếng tăm của ông cha để kiếm danh kiếm lợi với giặc Pháp.

Đại diện cho loại A là các ông Trương-Công-Định tức Trương-Định, Nguyễn-Trung-Trực, Nguyễn - Hữu - Huân v.v...

Đại diện cho loại B là Nguyễn-đình-Chiều, Phan-văn-Trị, Nguyễn Thông, v.v...

Đại diện cho loại C là Tôn-thọ-Tường, Phan-hiền-Đạo, Đỗ-hữu-Phương v.v...

Đồng bào chúng ta rất khinh bỉ các nhân vật thuộc loại C mặc dầu thuở đó họ được Tây cho đủ mọi quyền sinh sát, thét ra lửa mưa ra khói. Rồi sĩ-phu Nam-kỳ đã chia hết mũi nhọn vào bọn Tôn-thọ-Tường, Phan-hiền-Đạo... Người ta đã đưa nhau vào một cuộc bút chiến khá sôi nổi. Người ta mỉa mai nhau bằng câu « *Trung thần bất sự nhị quân, liệt nữ bất canh nhị phu* » (Tôi trung không thờ hai vua, gái liệt không lấy hai chồng) có ý nhắc nhở những người trên đây đã có tiên tổ dự làng khoa bảng, có chức cao vọng cả với dân với nước mà nay cam tâm cúi đầu thờ giặc, bán rẻ lương tâm.

Về vụ này, nếu chúng tôi không làm người ta đã khởi đầu bằng bài « *Tôn phu nhân qui Thục* » mà tác giả không ai khác hơn là Cử nhân Phan-văn-Trị, và người bị châm trích là Tôn-thọ-Tường, ông Phủ Ba :

Cài trâm sửa áo vẹn câu tòng,

Mặt ngả trời chiều biệt cõi Đông.

Khói lửa trời Ngô ùn sắc trắng,

Duyên về đất Thục đượm màu hồng.

Hai vai tơ tóc bên trời đất,

Một gánh cương thường nặng núi sông.

Anh hỡi, Tôn-quyền! anh có biết?

Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng!

Kẻ nói đi phải có người nói lại, tiếng bấc tiếng chèn nhau. Đây là bài trả lời của Tôn Đốc-phủ :

Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng,

Ngân thu rạng tiết gái Giang-đông.

Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc,

Về Hán trau tria mảnh má hồng.

Son phấn đành cam dày gió bụi,
Đá vàng chi để thẹn non sông.
Ai về nhắn nhủ Chu-công-Cần :
Thà mất lòng anh, đừng bụng chông !

Xin lưu ý ở đây một điểm : có người bảo bài của Tôn là bài xướng và bài của Phan là bài họa. Riêng tôi đọc hai câu cuối của hai bài thì nghĩ rằng chính bài của Phan mới là bài xướng, vì hai câu chót có ý móc Tôn về cái chữ « TRUNG và TRINH », rồi phản ứng của Tôn ở câu « Thà mất lòng anh, đừng bụng chông » là câu cãi liều, bất cố liêm sỉ, các bạn có đồng ý chăng ?

Ngoài ra Tôn còn tung ra bài « Thập thủ liên hoàn » để phổ biến quan điểm chính trị của ông một cách rất ngạo nghệ. Ông mở đầu bằng lời ca tụng sức mạnh của quân xâm lăng, cái tài giỏi của chúng như đặt cột giấy thép để thông tin nhanh như chớp, chế tạo được chiến hạm khói tuôn ngợp trời và ta chống lại chúng là đưa thân vào miệng hùm hang cọp, kháng chiến chỉ là trò « thầy lay » càng mua nhục chẳng có ích chi hết. Bậy hơn nữa, Tôn coi các tầng lớp chống Pháp là trẻ nít. Ông cho mình là đồng dối trâm anh, đạo đức, biết thương dân thương nước hơn ai hết, mình mới là kẻ thức thời vụ rồi ông lên mặt thầy đời dạy khôn thiên-hạ.

Bài « Thập thủ liên hoàn » này dĩ-nhiên gặp ngay một phản ứng rất kịch liệt của ông Cử-Trị cùng các văn thân ái quốc Nam-Kỳ. Hòn bắc ném, hòn chì ném lại, ý đòi ý, vẫn đòi vẫn, dĩ-nhiên dư-luận càng thóa mạ thái độ ngoan cố của ông Phủ Ba tức Tôn-Thọ-Tường nhất là cái thói

tiểu-nhân đặc chí của ông ta. Sức mạnh của con người ngoài xã-hội, trước tập-thể bao giờ cũng là lẽ phải, là chánh nghĩa. Có thể lấy thế lực của quan thầy mà đàn áp được những kẻ đã dám ăn, dám nói, dám coi thường tù ngục hay cái chết được đâu ! Rồi trong cuộc bút chiến này ai thắng, ai bại, cuộc bút chiến sôi nổi thế nào xin các bạn đọc hãy theo dõi qua các văn thơ dưới đây.

Bài nguyên-xướng của Tôn-Thọ-Tường

I.— *Giang san ba tỉnh hãy còn đây,
Trời đất xui chi đến nỗi này ?
Chớp nhoáng thẳng băng dây thép kéo,
Mây tuôn đen kịt khói tàu bay.
Xấn vắn chặm tình thương đòi chỗ,
Khấp khởi riêng lo biết những ngày,
Miệng cọp hàm rồng chưa dễ chọc,
Khuyên đàn con trẻ chớ thầy lay.*

II.— *Thầy lay lại chác lấy danh nhờ,
Ai mượn mình lo chuyện bá vợ ?
Trẻ dại giếng sâu lòng chẳng nở,
Đường xa ngày tối tuổi khôn chờ.
Áo xiêm đã thấy xắn tay thợ,
Xe ngựa nào toan gỡ nước cò.
Rủi rủi may may đâu đã chắc,
Miệng lẩn lười mỗi hãy tai ngo (1)*

III.— *Tai ngo mất lấp buổi tan tàn,
Nghĩ việc đời thêm hổ việc mình,*

(1) Ở một bản khác chép : Nhẹ chì nặng bắc hay tai ngo.

Nghi ngút tro tàn nền đạo nghĩa.
 Lờ mờ bụi đóng cửa trâm anh.
 Hai bên vai gánh ba giềng nặng.
 Trăm tạ chuông treo sợi chỉ mảnh.
 Trâu ngựa dầu kêu chi cũng mặc,
 Thân còn chẳng kể kể chi danh !

IV.— Kề chi danh phận lúc tan hoang
 Biển rộng trời cao nghĩ lại càng...
 Lên núi bắt hùm chưa dễ láo,
 Vào sông đánh cá há rằng oan.
 Người giương mắt ngáo đôi trông bạc,
 Kẻ tra gan trung bầy lá vàng.
 Chiu chút thương bầy gà mất mẹ,
 Cũng là gắng gổ dám khoe khoang.

V.— Khoe khoang sức giỏi cậy tài khôn,
 Bán dạng khua môi cũng một phường.
 Tư vấn cánh chuồn kiếng chỉ nhện,
 Gió đưa hơi cọp khiếp oai chồn.
 Siêng lo há đợi cơm kề miệng,
 Chậm tính nào ngờ nước đến tràn.
 Hay dở chuyện trò còn rối rắm,
 Múa men xin hãy chớ bôn chôn.

VI.— Hãy chớ bôn chôn việc cửa nhà,
 Sau này còn ngại nỗi đàng xa.
 Ma đường con ngựa lưng hai trẻ,
 Trời mỏn lòng thương xót một già.
 Lái đã vững vàng con sóng lượn
 Thoi toan rằng-riệt buổi mưa sa.

Ở đời há dễ quên đời đặng,
 Tình thiệt so hơn cũng gọi là.

VII.— Cũng gọi là người ắt phải lo,
 Có hay chịu khó mọi ra trò.
 Bạc mệnh mỏng biển cầu làm bắc,
 Xanh mịt mù trời thước rập đo.
 Nước ngược rồng lên thuyền một chiếc,
 Góc cao bó lại sách trăm pho.
 Lòng này dầu hơi mà không hổ,
 Lặng xét thăm coi đã biết cho,

VIII.— Đã biết cho chưa hỏi những người ?
 Xin đừng tích hận chớ chê cười.
 Vi dầu vật ấy còn soi dấu,
 Bao quản thân nay chịu dễ người.
 Trắng giữa ba thu mây cũng tỏ,
 Hoa trong chín hạ nắng còn tươi.
 Khó lòng mình biết lòng mình khó,
 Lòn lỏi công trình kẻ mấy mươi.

IX.— Kề mấy mươi năm nước lẽ vắn,
 Rắn dài, heo lơn thế khôn ngần,
 Bốn đời chung đội ơn nuôi dạy,
 Ba tỉnh riêng lo việc ở ăn,
 Hết sức người theo trời chẳng kịp,
 Hoài công chim lấp biển khôn bằng,
 Phải sao chịu vậy thôi thì chớ,
 Nhắm mắt đưa chân lối đạo hằng.

X.— Đạo hằng chi trước thảo cùng ngay.
 Lỗi đạo sao cho đáng mặt thầy.
 Đất quét đã đánh bia lỗ miệng,
 Chén tràn e nổi trở bàn tay.
 Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lấp,
 Mắt trắng xem trời cánh khó bay.
 Chỉ muốn ngày nào cho được toại.
 Giang sơn ba tỉnh hãy còn đây.

Khôn chẳng qua lẽ, khoẻ chẳng qua lời, luận điệu một người theo giặc, thờ giặc giữa lúc quê hương ba phần chưa mất hết một, giữa lúc toàn dân còn hăng hái chiến đấu, quả rất là lúng túng và như thế ai chấp nhận được hành động của những kẻ bán dân bán nước ?

(Kỳ sau : Phan-văn-Trị trả lời Tôn-thọ-Tường)



★ **TU TƯỜNG ĐẸP**

— Nghe lời chê bai mà giận, là làm cho người ta dèm pha ; nghe câu ngợi khen mà mừng, là làm mồi cho người ta nịnh hót.

Văn-Trung-Tử

— Sĩ phu nên có tấm lòng lo việc nước, chẳng nên chỉ có lòng bàn lo việc nước.

Cấp-Chung-Chu-Thư.

B

Ả O đã tắt, nhưng những luồng gió rớt lại còn khua động không tung. Ngày mới bắt đầu ; tôi không gặp ai ngoài đường, chỉ thấy những mảnh vụn lò sưởi, ngói, ván và cành cây rái rác rất nhiều trên đất... Nghĩ đến những người qua đêm ngoài biên cả, tôi nhủ thầm : « Khổ sở thay những nhà hàng hải ! »

Tôi đi ra phía bến tàu, nhưng có một sức mạnh gì buộc tôi hướng đi chỗ khác. Mười phút sau, tôi mới tới khu phố chưa bao giờ đặt chân tới. Tôi đi không vội vàng, nhưng không ngừng lại chỗ nào, một cảm tưởng kỳ dị ám ảnh tôi : tôi tiên đoán như có điều gì khác thường, khó khăn, sắp sửa hoàn tất mặc dầu nó có phi lý chăng nữa.

XIII

Và đột nhiên, mọi việc đều thực hiện ! Vào khoảng hai mươi bước, trước mặt tôi, tôi thấy tên mọi đến tìm nam tước ở ngoài hiên tiệm nước. Chùm chiếc áo khoác đen, trông như y ở dưới đất chui lên, quay lưng lại phía tôi, và tiến đi theo dọc con đường nhỏ ! Tôi muốn đuổi theo y, nhưng y rào cẳng và biệt tích ở đầu đường. Tôi chạy vội vàng, đến góc đường và lạ lùng



MỘT
 GIÁC
 MƠ

● IVAN TOURGUENIEV
 ★ VŨ MINH THIỀU dịch

(iếp theo P.T. 176)

Hay! Trước mặt tôi, một con đường dài, hẹp và vắng, làn sương buổi mai che phủ một màu xám xịt, may mắn mắt tôi mới nhìn rõ... Tôi trông thấy suốt con đường và đếm được các ngôi nhà... Không một người nào, ở ngoài hoặc ở khung cửa sổ... Tên mọi cao lớn vụt hiện ra, cũng vụt biến mất... Tôi sửng sốt, chỉ trong khoảng khắc thôi vì một ý nghĩ khác xa đuôi ý nghĩ đầu: tôi nhận ra con đường nhỏ cam lạng và đầy tử khí này! Đó là con đường trong giấc mơ của tôi. Tôi run bầy bầy vì rạng đông giá lạnh, nhưng vẫn tiến bước, không chút sợ hãi.

Tôi tìm kiếm quanh tôi... Đây là ngôi nhà, ở kia, về bên tay phải, nhô ra hè, với khuôn cổng trang trí bằng mấy cặp sừng cừu... Cái cửa sổ không phải hình tròn, nhưng hình chữ nhật... Điều đó không quan trọng... Tôi gõ cửa... một lần... hai lần... ba lần, mỗi lúc càng gõ mạnh... Cánh cửa từ từ mở, như quai hàm người ta ngáp ngủ, và kêu rít lên. Một người hầu gái trẻ tuổi chòng chọc nhìn tôi, tóc còn rối bù sù, mắt ngái ngủ. Chị ta chắc mới dậy.

Tôi hỏi :

— Có phải đây là nhà ông nam tước không ?

Trong lúc này, tôi xem xét lại thửa sân nhỏ... Không còn nghi ngờ gì nữa, đúng rồi... cũng những tấm ván và những thanh củi tôi đã trông thấy trong giấc mơ.

Chị ta trả lời :

— Không. Ông nam tước không có ở đây.

— Tại sao?... Không thể được!

— Ông không còn ở đây. Ông đi từ hôm qua rồi.

— Đi đâu ?

— Đi Mỹ.

Tôi buộc miệng nhắc lại :

— Đi Mỹ! Thế ông có ngờ ý trở lại đây không ?

Người tớ gái nhìn tôi về ngờ vực :

— Tôi không biết... Có thể ông nam tước không bao giờ trở lại đây nữa.

— Ông ở đây đã lâu chưa ?

— Không, mới độ tám ngày. Hiện nay, ông không có ở đây.

— Tên ông nam tước là gì ?

Người con gái nhìn tôi ngờ ngác :

— Anh không biết tên ông ấy sao?... Chúng tôi chỉ gọi ông là ông nam tước, vắn tắt thế thôi... E ! Pi-ê-rô, hãy lại đây, nằng kêu lên khi thấy tôi có ý muốn bước qua ngưỡng cửa. Có một thiếu niên lại hỏi tôi hằng trăm câu !

Hình dáng thô kệch một người thợ to béo đi qua thửa sân nhỏ.

Gã hỏi tôi, giọng khàn khàn :

— Có gì thế ? Anh muốn gì ?

Sau khi nghe tôi, về cấu kính, gã nhắc lại từng câu những lời lẽ của người tớ gái đã nói với tôi.

Tôi hỏi thăm :

— Vậy ai ở đây ?

— Chủ chúng tôi.

— Ai thế ?

— Một người thợ mộc. Chỉ có toàn thợ mộc trong phố này thôi.

— Tôi có thể gặp ông ta được không ?

— Không. Ông ta còn ngủ.

— Tôi có thể vào nhà được không ?

— Không.

— Vậy tôi có thể đến gặp ông chủ muốn chút nữa được không ?

— Tại sao không được... Ông ta là một lái buôn mà !

Thôi chú thanh niên ơi, chú chịu khó trở lại vậy.

Tôi bỗng hỏi :

— Thế còn người nữa, tên mọi tên ?

Người thợ nhìn chúng tôi ngờ ngác, nhìn tôi trước, nhìn người tớ gái sau.

Sau cùng hắn nói nhỏ :

— Một tên mọi? Tên mọi nào? Thôi, chú thanh niên, lần khác chú lại đây. Chú phải gặp ông chủ mới được...

Tôi đi. Cánh cửa lại đóng lại, dột ngọt, nặng nề, nhưng không kêu rít lên như trước.

Tôi ghi chú cẩn thận những nơi này, nhưng chưa muốn về nhà vội.

Tôi thất vọng; có việc khác thường, không thể tưởng tượng được sẽ xảy ra, vậy tại sao sự việc lại kết thúc một cách dần dần như thế này, chẳng có liên hệ gì nữa? Đáng lẽ tìm thấy gian gác xép tôi biết rõ ràng và cha tôi, ông nam tước, mặt chiếc áo ngủ dài và hút ống điếu, tôi rơi ngay vào một ông thợ mộc, một người như bao kẻ khác, ai cũng đến thăm hỏi được, một người tôi có thể đặt làm những đồ đạc, nếu tôi hứng trí...

Còn cha tôi lại đi Mỹ. Tôi biết làm gì bây giờ? Kể cho mẹ tôi nghe hết hoặc im lặng xóa nhòa hẳn trong tâm trí tôi, cho đến những kỷ niệm nhỏ nhen về cuộc gặp gỡ này?

Quyết nhiên, tôi không thể cho rằng những sự việc kỳ dị dường này lại kết thúc một cách tầm thường, vô vị như thế được!

Tôi cứ phía trước đi thẳng, ra xa thành phố.

XIV

Tôi đi, đầu cúi xuống, ý nghĩ trống không, người khom lại.

Tôi đi. Cánh cửa đóng lại, đột ngột, nặng nề, nhưng không kêu rít lên như lúc trước.

Một tiếng động đều đều, sôi nổi làm tôi bừng tỉnh trong giấc mơ. Tôi ngàng đầu lên và thấy biển rộng đang réu kêu ở cách chỗ tôi khoảng năm mươi bước. Chân tôi dẫm lên cát. Sôi động vì những luồng gió rớt lại của trận bão đêm qua, sóng biển rồn rập, xô đẩy nhau tới chân trời và từ từ ngã lịm lên bờ. Tôi nhẹ bước đi, men theo mép sóng rạch trên cát vàng, rải rác đây đó những rêu biển, vỏ ốc trai và cỏ

tranh, uốn khúc ngoằn ngoèo thành những hình kỳ quái. Những đàn hải âu, cánh nhọn, từ biển bay vụt lên, trắng xóa như những bông tuyết, trên nền trời xám, u ám mây, rồi lại đâm bổ xuống, trông như nhảy từ ngọn sóng này sang ngọn sóng khác để rồi biến mất, giống như những tia bạc giữa bọt bề trắng phau. Liên đó, tôi còn thấy những chim hải âu khác lượn quanh mãi một phiến đá lớn, nom ở đây như là đề trang trí bãi biển quá phẳng lặng. Những bụi cỏ tranh khác mọc không hàng lối bên cạnh tảng đá, và xa hơn một chút, ở chỗ những thân cây quăn quít chằng chịt nhau, ngăn chặn cát lại, có một vật gì thườn thườn, hơi tròn, không dài rộng mấy, nổi bật màu đen lên nền sáng... tôi nhìn kỹ lưỡng hơn... Không chút nghi ngờ nữa, có một vật gì bất động, nằm gần tảng đá... Hình vật đó càng rõ ràng khi tôi tới gần hơn nữa. Còn khoảng ba mươi bước nữa...

Một xác người: một người chết trôi, sóng đưa dạt vào bờ.

Tôi đi gặp lại.

Ông nam tước!... Cha tôi!...

Tôi ngừng lại, kinh ngạc hết sức không hiểu tại sao từ lúc tỉnh giấc, có một sức mạnh gì bí mật hướng dẫn tôi đi... Và trong một lúc, trong đầu óc tôi chẳng có gì, ngoài tiếng sóng biển vỗ đều đều và một nỗi hãi hùng căm lặng trước định mệnh của con người.

XV

Ông nằm ngửa, hơi nghiêng về một bên, tay trái để dưới đầu, tay mặt gập lại sau lưng. Bùn nhớt nhớt quăn vào chân ông, đôi giày ống của thủy thủ; chiếc áo ngắn, màu xanh, muối biển làm lốm đốm trắng vẫn còn cài khuy; chiếc khăn quàng đỏ vẫn buộc chặt ở cổ. Mặt râm đen của ông, ngàng lên trời, như cười nhạo và môi trên lệch lạc vì co quắp lúc chết, để lộ ra những răng nhỏ và đều; con ngươi mắt, chết rồi, được nước biển rửa sạch, hiện lộ mờ trên lòng trắng; tóc dày bọt biển giãi trên cát, để lộ hẳn vầng trán cao có một vết sẹo tím vạch ngang; mũi mảnh và nhọn nổi lộ trên gò má sâu.

Bão đã có tác dụng của nó. Con người kia không bao giờ còn nhìn thấy bờ bến Mỹ châu nữa.

Người đã si nhục mẹ tôi, làm hại cuộc đời của bà, con người đó, cha tôi, phải, chính là cha tôi! Tôi không còn ngờ vực gì nữa, nay ở dưới chân tôi, ở dưới đồng bùn. Tôi cảm thấy vừa hài lòng, thương tâm, vừa ghê tởm, hãi hùng...

Tôi đứng yên lặng, trông ngăm xác chết, rình xem một tia sáng ở cặp mắt đần đờ kia, một cái nhếch mép ở đôi môi xanh xám... Không có gì. Mọi vật đều yên lặng. Những cây cỏ tranh cũng như tê liệt, đàn hải âu đã rời đi nơi khác. Không một xác tàu, xác thuyền. Khoảng rộng vô bờ bến, trống rỗng, một bãi sa mạc. Riêng có xác chết ở kia, tôi ở đây, và biển rộng rạt rào ngoài xa xăm...

Tôi nhìn phía sau tôi — cũng cảnh quanh hiu, không một dấu vết nào của sự sinh sống, những ngọn đời trơ trụi, bất động. Tôi không muốn để xác chết trong bùn lầy, làm mồi cho cá và đàn chim phàm ăn; tiếng nói trong thâm tâm tôi buộc tôi phải kiếm người — nếu có thể tìm kiếm trong cái sa mạc vắng vẻ này! — để khiêng đặt xác chết dưới một mái nhà... Bỗng một nỗi hãi hùng không tên

tuổi xâm nhập tôi : Xác chết kia hình như biết tôi đến và chính đã tỏ chức cuộc gặp gỡ cuối cùng này, tôi tưởng như nghe thấy tiếng cầu nhàu quen thuộc... Tôi đi ra xa vài bước... nhìn lại cha tôi lần cuối... một vật gì lóng lánh ở một ngón bàn tay trái... Chiếc nhẫn cưới của mẹ tôi. Đến nay tôi còn nhớ, tôi phải tập trung can đảm thế nào để bước lại gần xác chết, dưng vào ngón tay giá lạnh, bất động, để tháo chiếc nhẫn, mắt nhắm và răng nghiến lại...

Cuối cùng, tôi đã được chiếc nhẫn của mẹ tôi. Tôi dậm bở ra phía trước, chạy bán sống bán chết, như có vật gì đuổi theo và cố bắt tôi lại...

XVI

Tất cả những mối xúc cảm đó đã hiện rõ ràng trên mặt tôi, lúc tôi về nhà. Mẹ tôi trở dậy ra đón, thấy vậy căn vặn mãi đến nỗi tôi chỉ ấp úng được mấy câu rồi chỉ còn biết chìa ra chiếc nhẫn không nói năng gì nữa. Mặt bà bỗng xanh nhợt một cách đáng sợ, cặp mắt mở to, bất động và hải hùng, như cặp mắt của « người

kia». Rồi bà khẽ kêu lên, cầm lấy chiếc nhẫn, lao đảo, ngả ngửa vào ngực tôi, đầu ngả ra phía sau nhìn tôi như kẻ mất trí.

Tôi âu yếm ôm mẹ tôi vào cánh tay và khẽ bà nghe hết, nói khẽ khàng, không vội vã : nào giấc mơ, cuộc gặp gỡ... và sau cùng thế nào... Bà nghe tôi, yên lặng ; riêng chỉ thấy bà thở mạnh hơn và cặp mắt dần dần lấy lại được sinh khí.

Khi tôi ngừng kể, bà đeo chiếc nhẫn vào ngón tay, và đứng dậy lấy mũ và áo toi. Tôi hỏi mẹ tôi định đi đâu, thì bà nhìn tôi vẻ lạ lùng, định trả lời ; nhưng nói không được. Bà run rẩy, xoa tay vào nhau, như để sưởi ấm, mãi sau cố gắng mới nói được :

— Ta đi... đến đấy !

— Đến đâu, hờ mẹ ?

— Ngoài bãi biển... Mẹ muốn nhìn lại xem con người ấy... Mẹ phải nhìn lại... Cần phải xem có đúng không...

Tôi cố can gián bà, nhưng bà như mắc phải bệnh thần kinh lúc này và tôi đành phải nghe theo.

XVII

Bây giờ, tôi lại ở ngoài bãi biển, nhưng không phải một mình Mẹ tôi dựa tay lên tay tôi. Ngọn sóng đã dịu và sắp tan, nhưng tiếng kêu ầm ầm còn vang động, nghe vẫn kinh khủng, hung ác. Đây là tảng đá và các bụi cỏ tranh. Tôi đưa mắt tìm xác chết, nhưng không thấy đâu. Chúng tôi lại gần, và tôi cứ tự nhiên bước những bước ngắn lại... Vậy người chết nay ở đâu ?... Riêng chỉ có những cây cỏ tranh hiện trên cát vàng, nay đã khô ráo.

Tảng đá... Không có xác chết... Nhưng bãi cát còn in thân người, tay, chân... Xung quanh, ít cây cỏ tranh bị dẫm bẹp, và người ta còn nhận thấy vết chân người qua còn cát và bỗng biến mất hẳn trên những đồng đá lửa.

Chúng tôi nhìn nhau, mỗi người hải sợ riêng một cách...

Có phải ông ta đã đứng lên được và biến đi không ?

Mẹ tôi khẽ hỏi :

— Vậy ông ta chết hẳn sao, khi con thấy ?

Tôi chỉ biết lắc lư đầu tỏ vẻ

là đúng thế. Từ lúc tôi khám phá ra xác chết ông nam trước cho đến nay, mới độ ba giờ qua... Có ai mang ông ta đi chằng ?...

Trong trường hợp này, bắt buộc phải tìm ông cho ra, để biết hiện trạng ông ra sao.

Nhưng, ngay bây giờ, tôi phải săn sóc mẹ tôi trước tiên.

XVIII

Trong khi chúng tôi đi, mẹ tôi vẫn sốt, nhưng bà cố trấn áp. Xác chết biến mất như quật ngã bà xuống hẳn và tôi sợ mẹ tôi loạn trí.

Khó nhọc lắm, tôi mới đưa bà về nhà được, để bà lên giường nằm và cấp tốc mời bác sỹ đến. Mới hồi tỉnh, bà bắt tôi phải đi tìm « người đó » ngay. Tôi thi hành ngay mệnh lệnh của bà, nhưng không lượm được kết quả nào, mặc dầu hết sức cố gắng. Nhiều lần, tôi lại sờ cảnh sát, qua khắp các làng mạc kế cận, đăng nhiều quảng cáo trên báo, nhưng vô ích.

Cuối cùng, tôi được tin, có một xác chết, giạt vào bờ biển và đã

được mang đến một xóm nhỏ quanh vùng. Tôi vội vã đến, nhưng cũng muộn : họ đã chôn cất, và nửa tả hình dung người chết lại chẳng giống hình dung cha tôi chút nào.

Có những tin khác cho tôi biết là chiếc tàu ông nam tước đi đã cập bến, mặc dầu đã có hồi người ta tưởng nó lâm nạn. Không còn biết xử sự ra sao, tôi lại đi tìm kiếm tên mọi đen, hứa hẹn qua báo chí cho hẳn một số tiền lớn nếu hẳn chịu ra trình diện.

Có một ngày, tôi vắng nhà, có một tên mọi cao lớn, mặc chiếc áo khoác đen, đến nhà chúng tôi, hỏi người hầu gái vài câu, rồi đi thẳng, không trở lại nữa.

Tôi mất hết tất cả dấu vết... về cha tôi, biến đi trong đêm tối và sự yên lặng.

Không bao giờ tôi nhắc lại chuyện ông với mẹ tôi. Chỉ có một lần, bà hỏi tại sao tôi không kể giấc mơ của tôi cho bà nghe sớm hơn, nhưng rồi bà lại nói ngay : « Như vậy, ông ta chắc là... » và không nói hết ý nghĩ.

Mẹ tôi ốm lâu lắm. Sau khi khỏi, cuộc giao thiệp giữa chúng tôi không còn như xưa nữa. Bà thấy gương ngệ trước mặt tôi — gương ngệ đó là đúng câu — và cái cảm giác này không xa rời bà cho đến lúc bà trút hơi thở cuối cùng. Và tôi cũng không biết giúp đỡ mẹ tôi cách nào.

Quả vậy, thời gian xóa nhòa hết, và những kỷ niệm đau thương nhất cũng mất mãnh lực ; nhưng khi một cảm giác gương ngệ đã có giữa hai người thân mến, thì chẳng có gì làm tiêu tan được !

Tôi không còn mơ thấy giấc mơ xưa đã làm tôi hãi hùng hết sức và cũng không còn tìm kiếm cha tôi nữa. Tuy nhiên, đôi khi tôi còn nghe thấy, trong giấc ngủ, những tiếng rên la xa xôi, những tiếng than vãn đau thương, vắng vắng sau bức tường mà tôi không sao trèo được và làm tan nát cõi lòng. Mắt nhắm lại, tôi khóc và không còn hiểu đó là người khóc than hay biến cả giận hờn gào thét cái chết... Bỗng, tiếng động biến thành tiếng nói cầu nhau — và tôi bừng dậy, tâm trí kinh hoàng.



• người
chiến
quốc

THÁI - TRẠCH

• THIẾU - SƠN

MỘT kỳ trước tôi đã nói tới Phạm-Thơ, một người dân nước Ngụy, bị oan khuất trốn qua nước Tần cùng với một người bạn là Trịnh-an-Bình. Cả hai người đều đặc-dụng, Phạm-Thơ làm tới chức Thừa-Tướng phong tước hầu ở đất Ứng nên gọi là Ứng hầu.

Phạm-Thơ đã giúp Vua Tần bình-định sơn-hà, mở mang bờ-cõi nhưng địa-vị và quyền-hành cũng làm cho ông càng ngày càng hủ-hóa và phạm nhiều tội lỗi. Trịnh-an-Bình phạm tội tư-

thông với ngoại-quốc. Đáng lẽ thì Phạm-thơ cũng bị liên can nhưng vua Tần chưa nở thẳng tay trừng-trị vì còn nhớ tới công-lao của họ Phạm. Nhưng chưa trừng-trị mà đã hết tin cậy ở Ứng hầu.

Lúc đó ở nước Yên có người, tên là Thái-Trạch học rộng, biết nhiều và cũng hay tự-phụ. Đi qua nước Ngụy, Thái-Trạch gặp người thầy tướng tên là Đường-Cử, Thầy tướng coi cho Thái-Trạch rồi nói :

—Cốt tướng tiên-sinh thuộc về kim-thủy nên phát-phú ở phương

Tây. Bây giờ thừa-tướng nước Tần là Phạm-Ứng-Hầu đương có điều lo-sợ thế tất cũng phải sửa-soạn rút lui. Tiên-sinh sao không qua đó du-thuyết đề cầu danh, còn ở đây làm gì thêm khổn-khổ.

Nói rồi Đường-Cử bèn mở túi lấy ba nén vàng cho Thái-Trạch làm tiền lộ-phí.

Tới Hàm-Dương, Thái-Trạch tới quán trọ bảo dọn cơm cho ăn và nói với chủ quán rằng : « *Người cứ dọn cơm cho ta ăn từ-tử. Ta làm thừa-tướng sẽ đền ơn...* »

Chủ quán cho là một người điên, thuật chuyện lại cho nhiều người biết. Chuyện đó đến ta một môn-khách của Ứng-hầu rồi thẩu tới Phạm-Thơ. Phạm-Thơ bèn cho người đòi Thái-Trạch tới hầu. Thái-Trạch cười và nói với chủ quán : « *Ông tướng tới tướng-phủ rồi bị nhục hay sao ? Tôi qua gặp Ứng-Hầu chắc ông phải nhường tướng-ấn cho tôi, hà tất còn phải tới yết-kiến vua Tần.* » Nói rồi ông mặc áo vải, đi guốc theo người vào tướng-phủ. Phạm-Thơ không thêm mời ngồi còn thị-oai mà mắng rằng :

— Ta nghe thiên-hạ có người muốn thay ta làm Thừa-Tướng, có phải là mây không ?

Thái-Trạch nói :

— Chính là tôi đây, xin nói cho Tướng-công rõ : Đại phạm người sanh ra ở đời đã mạnh khoẻ tay chơn lại thêm thông minh thánh-trí, làm sao cho thiên hạ kính-mộ là bực hiền-hào thì công thành phải liệu mà rút lui để hưởng phúc lâu dài truyền đời tước lộc, ấy là điều tốt. Như Tướng Công bây giờ còn tiếc gì mà chưa về hưu, hay là Tướng Công muốn làm Thương-quân nước Tần, Ngô-Khởi nước Sở, Đại-phu Văn-Chung nước Việt, công thành mà còn lụy đến thân chăng ?

Phạm-Thơ đã chột dạ nhưng còn làm bộ nói cứng :

— Ba người ấy tuy bất đắc kỳ tử, song Đại-Trượng-phu hủy thân mình để làm nên nhân, không sợ gì chết, thành-công một hội đề tiếng muôn đời, ta sợ gì mà không dám bắt chước ?

Nói cứng mà lòng vẫn không yên, Phạm-Thơ phải đứng dậy mà nghe Thái-Trạch trả lời mình :

Thái-Trạch nói :

— Chúa thánh, tôi hiền là phúc nước ! Cha lành, con thảo là phúc nhà. Làm một người con hiếu - thảo ai ai lại không muốn có cha lành ?

Làm một người tôi hiền, ai lại không muốn gặp chúa thánh ? Xưa Ti-Can trung mà nước Ân mất, Thân-Sanh hiếu mà nước Tấn loạn quân-thần, ấy cũng vì không phải vua thánh, cha lành nên mới vậy. Thương-quân, Ngô-Khởi, Đại-phủ Chung chẳng may mà chết đó thôi, chớ không phải thiệt cần chết để đời sau biết tiếng đâu ? Đại-trượng-phu sống ở đời thứ nhất là toàn cả thân danh, thứ hai là mình chết mà đề tiếng tốt lại. Còn như chịu nhục mà thân được toàn, thì người thế ấy, ai cầu làm chi, đáng là ở bực rất hèn-hạ.

Nghe tới đoạn đó Phạm-Thơ thấy sảng-khoái trong lòng, phải bước xuống thêm tỏ dạ cung-kính.

Thái-Trạch nói thêm :

— Tướng-Công vẫn nghĩ rằng : Thương-quân, Ngô-khởi, Đại-phủ-Chung giết mình để nên nhân là bực đại-trượng-phu

nhên bắt chước. Nhưng bây giờ lòng vua thân-tín công-thần cũng không khác gì Tần-Hiếu-Công, Sở-Điệu-Vương, Việt-Vương Cau-Tiến, sao Tướng Công không lo lui về hưu trí, tôi sợ ba người kia không hay khỏi họa, hưởng chi là Tướng Công làm sao bảo toàn được ? Kia, loài chim như thúy, hộc, loài thú như tây, tượng, không phải biết không tránh xa cạm bẫy mà rồi cũng bị chết vì tham mồi. Khôn như Tô-Tần, Trí Bá không phải không biết hộ-thân mà rồi cũng bị chết vì tham lợi. Tướng Công là một tên thất-phu, được vua Tần tri ngộ, làm tới Thượng-Tướng đã hết bực sang giàu, đền ơn, trả oán cũng thỏa chí rồi mà còn tham luyến thế lợi, tấn mà không lui, tôi sợ cho Tướng Công không khỏi họa như Tô-Tần, Trí-Bá. Lời ngạn ngữ có câu : Mặt trời đứng bóng rồi chình, mặt Trăng quá rằm phải khuyết.

Đi thẳng vào vấn đề Thái-Trạch nói tiếp :

— Tướng - công đương hội này sao không trao trả tướng-ấn, lựa người giỏi mà tiến cử thì danh-vị mình thêm trọng. Từ

đây mượn cảnh giang hồ, thú vui tùng cúc, ơn vua, lộc nước truyền cho con cháu đời đời chẳng hơn là tham quyền, cố vị, chưa chắc khỏi tai bay, vạ gió.

Phạm-Thơ nghe Thái-Trạch nói điều hơn lẽ thiệt, cặn kẽ mọi đời, biết là người giỏi liền mời ngồi lấy lễ tiếp đãi và giữ luôn ở phòng khách thiết tiệc đãi đằng.

Ngày hôm sau Phạm-Thơ vào triều tâu với vua Tần xin tiến cử người hiền ra giúp nước. Tần-Vương gặp Thái-Trạch đem việc thiên-hạ ra bàn thấy quả là người thông thời, đạt biết, kinh luân, gồm tài liền cho làm khách khanh. Phạm-Thơ cáo bệnh, xin trả tướng-ấn về hưu-trí. Vua Tần liền cho Thái-Trạch lên thay, làm Thừa-tướng nước Tần.

Thái-Trạch cũng giúp vua Tần được nhiều việc trong kế-hoạch tóm thâu thiên-hạ, mở rộng nước Tần.

Nhưng tới khi Trang-tương-Vương lên ngôi vua, lập Triệu-Chánh làm thái-tử và có ý trọng đãi Lữ-Bất-Vi thì Thái-Trạch liền cáo bệnh từ quan, nhường tướng-ấn cho Lữ-Bất-Vi hợp với ý muốn của vua Tần.

Chuyện Thái-Trạch trên đây mới nghe như một chuyện hoang đường. Một anh chàng không tên, không tuổi, trôi nổi bình-bồng, nghe theo lời một anh thầy bói, nhận tiền của anh ta giúp đỡ, qua nước Tần quyết giành cho được chức thừa tướng của người ta.

Anh chàng huênh hoang tự đắc làm cho thiên hạ đều cho anh là một thằng khùng. Nhưng thằng khùng đó đã thành công và thành công một cách dễ dàng chỉ nhờ ba tấc lưỡi.

Thật ra ba tấc lưỡi của Thái-Trạch cũng sắc bén lắm, nhưng không phải chỉ nhờ ba tấc lưỡi mà nên việc. Thái-Trạch ngoài tài hùng-biện còn có ba yếu-tố để thành công.

Yếu tố thứ nhất là ông có thực tài, thực học và rất thấu đáo tình hình của nội bộ nước Tần.

Yếu tố thứ hai là Phạm-Thơ sau khi đã thành công rực rỡ và đã leo thang danh vọng tới tận đỉnh thấy vua Tần đã bắt đầu bớt tin cậy nơi mình, nhứt là sau khi Trịnh-an-Bình phản bội triều

đình mà đáng lý ra Phạm-Thơ cũng chịu phần liên lụy.

Yếu tố thứ ba là vua Tần đã nghi kỵ Phạm-Thơ và đương muốn có người để thay thế.

Nhưng mặc dầu vậy, cũng còn hai điều khó. Một là phải nói làm sao cho Phạm-Thơ nghe được mà rút lui. Phải ở địa vị tầm thường nào thì không nói chứ ở địa vị một ông thừa tướng không phải là một chuyện dễ dàng vì ai không tham quyền cố-vị? Hơn nữa, Phạm-Thơ không phải là một nhà hiền-triết. Ông cũng không phải là người nước Tần và cũng không bao giờ nghĩ rằng mình phải tận tụy cho giang sơn nhà Tần. Ông phục vụ vua Tần chẳng qua chỉ là để thỏa mãn giấc mộng công hầu của ông mà thôi.

Điều khó thứ hai là có thể nói cho vua Tần phục tài mà rất khó khiến cho nhà vua tin dùng ngay được.

Nhưng khó không phải là khó ở nơi vua Tần mà khó ở ngay Phạm-Thơ. Nhưng lý lẽ mà Thái-Trạch đưa ra không đủ sức mạnh để lay chuyển một người có lập trường dân-tộc có đạo đức và sẵn sàng hy sinh vì nghĩa cả.

Thương-quân, Ngô-Khởi đều có tài tế thế kinh bang nhưng đều dùng tài đó để phục vụ ngoại bang mà mưu đồ danh vọng và những quyền lợi riêng tư của mình. Những người đó nếu biết rút lui đúng lúc thì sẽ tránh được những cái chết thảm thương. Nhưng Văn-Chung là người dân nước Việt đã cùng với Phạm-Lãi có công giữ vững giang sơn đất Việt. Việt-Vương Câu-Tiền nắm gai, nắm mật mà phục hưng được cơ đồ là do công lao của hai vị đại-thần với sự đóng góp của toàn dân.

Phạm Lãi sau khi đã hoàn-thành nhiệm vụ cứu - quốc liền bỏ ra đi biết rằng Câu-Tiền là con người đố kỵ trước sau sẽ hãm-hại công-thần. Ông là một nhà hiền triết, ta không có gì trách cứ nơi ông.

Nhưng ngoài nhiệm vụ cứu quốc, còn nhiệm vụ kiến-quốc. Văn-Chung thấy cần phải ở lại để kiến quốc. Nếu ông đã trang trải xong món nợ đối với Việt-Vương thì ông cũng còn có món nợ đối với đồng bào và dân tộc. Thà để cho Câu-Tiền phụ ông, chứ ông không nỡ phụ quê

hương và xứ sở. Ông có phải chết thì cái chết của ông cũng vẫn là một cái chết vinh-quang đáng ghi vào lịch sử, khác hẳn với cái chết của Thương Quân hay Ngô Khởi, những kẻ bán thân cho ngoại bang để mưu đồ phú quý nhưng rốt cuộc rồi cũng chết vì bã lợi da..h.

Nếu Phạm Thơ ở cảnh ngộ của Văn Chủng, có tâm sự của Văn Chủng thì những lý lẽ của Thái Trạch nhất định chẳng thuyết phục được ông.

Nhưng ngặt thay, Phạm Thơ cũng chỉ là một loại với Ngô Khởi, Thương quân nên mới để cho Thái-Trạch lung-lạc được.



Còn Thái-Trạch thì chẳng qua cũng như rứa, cũng thuộc về loại chánh-khách lưu-manh, xôi thịt, sẵn sàng phục-vụ ngoại-bang để vinh-thân phì-gia và để tha-hồ khoác-lác. Nhưng ít nào anh chàng cũng có một cái ưu-điểm là anh đã biết rút lui đúng lúc để bảo toàn lấy thân danh như lời anh đã nói. Nhưng đó là anh ta nói chứ không phải chúng ta nói. Theo con mắt của chúng ta bây giờ thì anh chỉ bảo toàn được thân anh mà thôi, chứ những người như anh nào có danh gì mà đáng cho ta phải ca ngợi.



TU TƯỢNG ĐẸP

Kẻ hay hiếu danh, việc làm thường giả dối.

Lá-Khôn

Một ngày mà chúng ta không thấp ngọn lửa yêu đương, bắt đầu biết bao người chết vì giá lạnh.

François Mauriac

ĐAM MÊ

(cho : Minh Dương)



*Tôi ép tron con tim vào sỏi đá
Thôn thục buồn dòng máu toàn lên thơ
Nhìn cuộc đời bằng đăm mê tuổi dại
Ngón tay gầy lần đêm cả hư vô*

*Hồn đay nghiền một khối tình thui chột
Tìm tên người trên những lá vàng khô
Đêm thanh vắng một lần mơ đi irốt
Bến sao thưa tôi chấp nối duyên hồ*

*Đôi mắt ấy rung rinh thần Vệ-nữ
Đò thời gian chưa lịm bóng người xưa
Cừ mãi miết tôi tìm về vết cũ
Đề nghe lòng chết lặng giữa chiều mưa*

*Tôi không muốn mạch đời xoay chuyển nữa
Hãy dừng yên cho ngày tháng đứng trôi
Đề tôi nhớ — tôi thương nhiều chút nữa
Cho rõ rằng tình ấy vẫn không phai*

*Rồi một mai trong nét buồn tuổi mặt.
Tôi sẽ là thần tượng của đăm mê
Và gặm nhấm những gì êm ái nhất
Thoát không gian ghi dấu một câu thơ*

★ **THẾ-LAN**
(Triều-Vân-Tử)



★ NGUYỄN-VỸ

(tiếp theo P.T. 176)

MẶC dấu điểm tinh
thề mây chằng nũa,
cũng khó mà giữ
khỏi hồi - hạp, lo
ngại, trước một cử tọa vài ba
ngàn người ngồi đứng chật ních
cả một giảng đường rộng lớn.
Vội lại không khí long trọng
hoa-lá trang-trí mặt tiền, đèn
sáng trưng trong phòng diễn
thuyết), thêm vào những bộ
mặt bệ-vệ của quan khách,
nhất là phái nữ lưu tân tiền,
ngồi san sát ở mấy giầy ghê
đanh-dự phía trước, đòi diện
ngay Tuấn. Diễn giả mới 24
tuổi, ở tận ngoài Hà Nội xa
lắc xa-lơ vừa tới Saigon chưa
được một ngày, coi bộ áy náy,

bẽn lẽn, lần đầu tiên tiếp-xúc
với Cá, Saigon tri-thức văn-
ngi-ệ, thanh - niên, công - tư
chức, nghiệp - chủ. Trong số
chắc chắn có những « công-tử
Bạc-liêu » mà tiếng tăm bay tận
đền cả Trung kỳ và Bắc-Kỳ.
Hình như tên tuổi của Tuấn
trên các sách và báo của Tuấn,
đã xuất bản, và đề-tài diễn
thuyết « Phụ nữ « Hà Nội Huế-
Saigon » đã lôi cuốn những
đám người đến đây, vì theo
lời bạn Tuấn, Trần-quốc-Bửu,
và cả ông Hội trường Nguyễn-
khắc-Nương, thì từ trước
đến giờ ở Saigon chưa có cuộc
diễn thuyết nào hấp dẫn được
sở thích giả đồng đảo như thế

TUẦN CHANG TRAI

Ông Hội-trường đã đứng
tuổi, người nhỏ, thấp, phải
cò nói thật lớn giọng những
lời giới thiệu :

— Ông Trần-anh-Tuần là
tác giả những quyển sách có
giá-trị, như...

Đền đây, ông luông-cuông
thế nào bèn quay sang hỏi khế
Tuần, đề câu-cứu :

— Những quyển gì ? Tự-
nhiên tôi quên mất...

Tuần mỉm cười đáp :

— Tôi cũng không nhớ.

Thính-giả cười rồ lên dậy
cả phòng. ông Hội-trường
nhánh trí, điểm nhiên nói tiếp :

— ... Ông là tác-giả những
quyển sách có giá-trị mà quý
ông, quý bà, và quý cô ở đây
đều đã biết hết, khỏi cần tôi
giới-thiệu...

Tuần, phớt tỉnh, nhìn những
ngụ cười khoan-hổng nở trên
môi những người ngồi nghe
ông Hội-trường khả-ái của
S.A.M.I.P.I.C.

Xong mây câu giới-thiệu khá
dài, khá lâu, ông nhường lời
cho diễn giả.

Lúc bây giờ chưa có *micro-*

phone, (máy vi-âm). Trên bàn
diễn-giả có một bình hoa, (5
cành sen trắng nở thơm phức),
một carafe bằng thủy - tinh
đựng đầy nước lã trong veo,
và một cái li lớn. Tuấn bắt
đầu nói nhỏ quá.

Một người đứng tít ở một
cửa sổ cuối phòng, lên tiếng :

— Xin nói lớn, ở xa không
nghe được gì hết !

Đồng thời, bứt lên một ánh
sáng magnésium sáng rực của
một nhiếp ảnh viên nhứt-báo
chói ngay vào mắt diễn - giả.
Tuần phải im lặng một phút
để giữ vững tinh-thần, rồi cõ
lấy giọng nói thật to cho vừa
với thính giác của mọi người.

Micro mới xuất hiện ở Việt
Nam trong các Hội-trường của
Chính - phủ, từ năm 1948.
Trước đó, thật đáng thương
hại cho những kẻ phải nói
trước một công-chúng đồng-
đảo, và thương hại cả cho
công-chúng ấy. Diễn giả, hoặc
thuyết-trình - viên, phải vận
dụng hết gân cốt đề nói thật
lớn, thật to, thì mọi người mới
nghe được, nhất là khi cử tọa
quá đông và giảng đường quá

rộng. Công chúng phải chịu khổ lắng tai và hết sức chăm chú mới nghe được trọn vẹn.

Thường xảy ra trường hợp một thỉnh giả số mũ nói cơn ho sù sụ, thề là toàn thể cử tọa phải bắt buộc nghe tiếng ho có khi dài hàng tràng, hoặc ô-ạt rùng chấp, làm cho diễn giả thường bị cụt hứng luôn.

Tuấn đã được dự nhiều buổi diễn-thuyết ở Hà-nội của các bậc trí-thức « An - nam » và Pháp. Nguyễn-văn-Vĩnh, chủ-nhiệm *Trung Bắc Tân Văn* diễn-thuyết về *truyện Kiều* ở Hội-quán Hội Trí - Trí, phố hàng Quạt. Giọng nói tự-nhiên của nhà-văn danh-tiếng ấy đã ó-ó rồi, Tuấn đứng với một đám đông ở ngoài sân Hội-quán cũng nghe rõ từng tiếng. Trái lại Phạm-Quỳnh, chủ-nhiệm tạp - chí *Nam - Phong*, diễn-thuyết tại giảng - đường (Amphithéâtre) Trường Cao-Đẳng Đông-Dương, phố *Bobillot*, về « *Le paysan Tonkinois à travers le parler populaire* ». Giọng của ông nhỏ-nhè, ra về nhà triết-học Nho-giáo. Tuấn ngồi trong đám sinh viên Cao-đẳng,

hết sức lắng tai để nghe mà câu được câu mất, thật bực mình. Những đứa bạn của Tuấn ngồi cùng một giầy ghế cũng bị tình-trạng chung ấy. Giáo-sư Bernard, Thạc-sĩ Văn-chương, Viện - trưởng Cao-Đẳng Học-đường, diễn-thuyết về nhà văn Emile Zola. Ông la, hét, gào, thiêu điều bẻ bứt trần của giảng - đường, sinh-viên và quan-khách nghe đã ! Cử tọa vỗ tay đom-đóp không biết bao nhiêu lần. Trái lại, ông De Lagarde, giám-độc Nha Bưu-điện Bắc kỳ, diễn - thuyết về « *Le Caodaïsme* » tại rạp ciné Majestic, Đại - lộ Đông - Khánh, Tuấn tìm chỗ ngồi gần các giầy ghế đầu để được nghe rõ, nhưng vẫn không nghe được hết, vì diễn-giả nói nhỏ quá, không cố gắng đáp đúng thỉnh - giác của cử-tọa.

Đây là đại-khái những cuộc diễn-thuyết thích-thú mà Tuấn đã đi nghe hồi Tiền chiến, lúc bây giờ chưa có micro.

Lần này được dịp nói chuyện với công-chúng trí thức ở Saigon tại Hội quán S.A.M.

I.P.I.C. Tuấn rút kinh nghiệm của các bậc tiên - bối, và cố gắng lấy hết gân hết cốt để nói thật to. Thề mà sau khi diễn thuyết, về nhà Trần-quốc Bửu còn chê là « anh nói hơi nhỏ nên nhiều người không nghe ». Thành thật nói, hôm ấy Tuấn đã bắt công họng làm việc quá sức, và những gân cô của Tuấn đã căng thẳng hết mức để cho câu chuyện « *Phụ-nữ Hà-nội — Huế — Saigon* » được trôi chảy êm-xuôi vào lỗ tai của các người đẹp xứ Đồng-nai.

Buổi nói chuyện được hoàn toàn mỹ mãn. Thỉnh giả vỗ tay rất nhiều lần, Tuấn tìm tìm cười thầy nét mặt của mọi người đều vui tươi khoan-khoái. Tuấn kết luận :

— Thưa quý bà, quý cô, quý ông, trước khi từ-giã quý vị, tôi xin gửi một lời cảm tạ chân - thành đến mỗi người trong quý vị. Tôi xin thú thật lúc khởi sự cuộc nói chuyện, tôi đã nghĩ rằng chắc chắn tôi sẽ làm cho quý vị buồn ngủ và có lẽ sẽ có nhiều vị sẵn sàng đánh một giấc trong hội-

trường S.A.M.I.P.I.C. Nhưng tôi nhận thấy không có vị nào ngủ cả. Tôi xin cảm ơn quý bà, quý cô, quý ông, đã bỏ chút thì giờ quý báu đến đây rất đông đảo và vui lòng theo dõi buổi nói chuyện thân mật này hơn một tiếng rưỡi đồng hồ, mà gương mặt của quý vị lúc nào cũng tươi cười vui vẻ.

Bây giờ tôi không dám lạm dụng thời giờ của quý vị lâu nữa. Trong một vài phút, quý vị sẽ về nhà sửa soạn ngủ, tôi xin chúc quý bà, quý cô, quý ông và toàn thể quý bạn, một giấc ngủ ngon lành trong đêm nay. »

Tiếng vỗ tay nổ dậy ran cả phòng nhưng diễn giả đã biên đầu mất. Vừa dứt lời, Tuấn vội-vàng chạy nhanh ra đường, và mất dạng trong bóng tối bên lề Đại lộ Gallieni. Thay vì mua vé « Xe - lửa - điện » — tramway, tại ga Pétrus-Ký, sợ gặp các thỉnh-giả ra kịp sau chàng, Tuấn gọi một chiếc xe kéo, bảo kéo thiết lệ về chợ Bến-Thành. Ông phu kéo xe vừa chạy vừa bảo :

— Trả tui 1 tiền xu, nghen ?

— Ờ.

Một tiền xu là 6 đồng tiền điều.

Xuồng xe tại Bón - Binh, Tuấn đã thấy trẻ nhỏ ôm báo « Sài-Thành », của ông Bút-Trà, vừa bán vừa rao. Tuấn mua một tờ, 3 xu. Mở ngay trang đầu, 2 cột, thấy đăng bài diễn-thuyết của Tuấn, chữ tí bị :

« Phụ-nữ Hà-nội, Huế, Saigon »

Về nhà đọc xong, Tuấn cười rử-rươi ! Bởi vì báo Sài-Thành đăng nguyên-văn bản sao do Trần-quốc-Bừu trao cho báo ấy lúc 5 giờ chiều, nhưng đến 8 giờ Tuấn diễn-thuyết, nói toàn những lời ứng khẩu, không theo một câu một chữ nào trong bài đã viết sẵn, mà không hề đọc đến. Bài nấy thật ra, Tuấn đã bỏ trong túi áo mặc trong người, nhưng khi diễn-thuyết Tuấn quên lửng, không nhớ đến nó nữa, nên phải ứng khẩu nói liêu. Độc giả báo Sài-Thành có đi nghe diễn-thuyết chắc chắn

ngạc-nhiên thấy bài đăng trong báo không có một câu nào giống như bài của diễn giả nói ở S.A.M.I.P.I.C.

Trần-quốc-Bừu so-sánh hai bài, nhận thấy bài viết sẵn bóng bẩy hơn, chải - chuốt hơn, nhiều ý tưởng chọn lọc, còn bài ứng khẩu trái lại, rất tự nhiên, rất bình dân, và nhờ vậy có phần duyên dáng hơn. Tự trung chỉ khác lời diễn tả lời văn, chứ ý-tư vẫn như nhau.

Bừu còn bảo :

— Tụi nó kiếm anh dữ quá! Ông Hai Trường cống quit đi tìm anh, tưởng anh chạy đi tiêu, còn bao nhiêu các ông, các bà, các cô ở lại thật đông chờ gặp anh để bắt tay khen anh, nhưng chờ hoài, kiếm mãi không thấy anh đâu cả. Anh biến đi lúc nào lạ vậy?

Tuấn cười :

— Tôi đã nói trước với anh rằng nói xong là tôi trốn mà !

(còn nữa)

khuất trong đêm

Truyện ngắn
MẠC - TƯỜNG

TỬ gương phẳng phản chiếu hình thể chết, bất động Sách vở. Giường chiếu. Bàn ghế. Bốn bức tường thẳng. Mấy khung cửa đóng kín. Tôi cũng là một hình tượng kỳ quái trong phòng này. Linh hồn đó. Thở xác kia. Tất cả là đồng lõa im lặng. Trị vụt nhìn ra cửa, một cử động gấp rút bị thúc hối từ tận cùng thần trí, tận cùng tri giác muốn vượt khỏi không gian và thời gian hiện tại. Trị muốn thấy một người, bất cứ là ai, đến gõ cửa, bước vào nhà. Và dù hỏi những chuyện vu vơ, không ăn nhập vào đâu, không thành vấn đề, cũng được. Điều cần là tạo được một tiếng động, một âm thanh để phá vỡ không khí ngột ngạt, từng đồ vật, từng thể xác, từng linh hồn rời rạc và tất cả như bị ném tuốt vào hư vô. Nhưng không.

Tri chẳng nghe thấy gì cả. Con ngõ vắng ngắt và tia nắng vàng nhạt phếch lên mặt tường vôi đã ngã màu rêu mốc, tạo thành những hóa phẩm trừu tượng thật linh động kỳ lạ. Màu sắc và hình ảnh tự nhiên kia nói lên một cái gì, như đang rảo rượt vận dụng mọi khả năng để tạo một sinh lực mới mà con người mất gốc thế kỷ đang khao khát bước tới.

Những đứa trẻ con nhà hoang, mắt dầy vầng tục chườ bôi âm ỉ cả xóm, bất chấp giờ giấc nghỉ ngơi cần thiết, bất chấp cơn thịnh nộ hăm dọa của Tri. Và bất chấp tất cả, Tri đang cần những đứa trẻ đó. Cần như một cầu khẩn. Cần như một tin đồn ngoan đạo đang khẩn xin ân sủng cuối cùng. Nhưng không. Lũ trẻ tinh quái kia đã biến mất hết, chẳng còn đứa nào, chẳng nghe thấy tiếng rậm rật của chúng đâu cả. Đó là điều kỳ lạ trong khu xóm này, trong con ngõ hỗn tạp này.

Tri xoay nhẹ trái khóa, cánh cửa trịch mở, cùng lúc ổ khóa tự động phát lên một tiếng « cạch » khô khan. Tiếng động máy móc làm Tri giật mình.

Tri nghiêng mình ra ngoài nhìn suốt con ngõ. Căn nhà chứa bạc thường xuyên ở đầu trong cùng đã đóng cửa. Con chó mực xà màu ăn loan lồ cả thân mình nằm co rúc vào chân tường sơn phết nham nhở, vụng về, thờ như sắp chết. Con ngõ hăng mình qua cuối chợ, dẫn đến đại lộ bên ngoài. Chợ đã tan từ trước. Những sạp hàng bằng gỗ

Dùng midol Trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC LỚN

nương tựa vào nhau như chực đổ ngã. Rác rưởi đầy ấp, mùi hôi thúi nặc nồng cùng thời gian không bao giờ hết.

Chiếc xe kéo đen xì bần thiêu theo sau lão già lù lù hiện ra ở đầu phố. Lão quét chợ hằng ngày đó. « Các người đừng tưởng muốn làm gì cũng được. Tôi quét chợ tôi không là coi người sao ? Tôi cóc cần lòng tử tế và sự khinh bạc của các người. Nhưng các người không được quyền lạm dụng đời sống của tôi. Tại sao các người mang Curt đài đồ hàng đồng ở đây, hả ? hả ? Đồ chó đẻ. Đồ quân không biết gì. T... cha tui bây. Tao chủ tui bây đó, thẳng nào ngon ra miệng đi. Tao đã dùng lời lẽ êm đẹp nói nhiều rồi. Tao đã nhịn nhục hết sức rồi. Tao không còn chịu đựng được nữa. Bây giờ tao chỉ còn nước đào mả cha tui bây. Đồ quân bần thiêu. Đồ quân khốn kiếp... »

Không ai đối thoại với lão. Chỉ có cả lũ trẻ tinh nghịch vây quanh la ó. Vài đứa trong bọn nhại lại giọng điệu hằn học của lão. Rồi cả bọn phá lên cười. Lão tức tối hét to làm chúng hoảng sợ chạy tán loạn. Nhưng lũ trẻ lý lợm ở chợ này đâu chịu bỏ qua cơ hội thích thú. Chúng lại kéo đến nhấp nhứ, thách đố cho lão đuổi theo để chúng chạy rần rần cho vui.

Hôm đó Tri thấy khó chịu hết sức.

Dùng midol Trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC LỚN
1960/DT/DPDC

Chiếc xe rác và lão già đã khuất vào góc phố cuối chợ.

Trị đóng rầm cánh cửa lại. Âm thanh rền rền rồi biến mất. Mảnh giấy trắng từ trong kẹt cửa văng ra. Trị nhặt lấy, đọc. « Anh T. — Em chờ ở trường mãi đến sáu giờ chẳng thấy anh tới. Em sợ anh bị đau bất ngờ nên cố gắng tới đây. Nhưng cửa đóng. Chiều mai sau giờ thực tập em sẽ tới. — Hạnh ».

Trị xếp mảnh giấy lại cho vào ống đựng viết nơi bàn. Trị ngồi duỗi thẳng hai chân ra. Vậy là sao? Hạnh không nhận được điện tin đã gọi đi từ thứ hai?

Trước khi đi tỉnh, Trị hẹn Hạnh sẽ trở lại thành phố nội ngày chủ nhật. Và chiều thứ hai, Trị sẽ đón Hạnh. « Má sẽ lên luôn với anh. » « Dĩ nhiên. » « Má sẽ ở tạm nhà người anh? » « Điều đó tùy bà ».

Tiếng gõ cửa dồn dập. Trị nhìn qua màn lưới nhận ra ngay đó là người đàn bà ở phía sau, khuôn mặt chia từng ô nhỏ. Bà ngoài bốn mươi, thân hình cục nịch có vóc dáng đàn ông. Bà được tiếng là tào lao, hay bói mớ chuyện riêng tư của thiên hạ khắp đầu trên xóm dưới.

— Thưa bà có chuyện chi?

— Hôm qua có một cô đến đây nhờ tôi cho các cậu hay là bà già cậu Trị nào đó mới mất.

Dùng
1360/B.Y.T./D.P.D.C.

midol

Trị các chứng đau nhức
vô cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

— Chắc cô ấy đến vào lúc chiều?

— Ờ, khoảng năm sáu giờ gì đó.

— Dạ, cháu hay rồi. Xin cảm ơn bà.

— Ồ! tình bà con lối xóm với nhau mà ơn nghĩa gì cậu. Bà cười toe toét rồi bỏ đi.

Chiều êm ả lướt nhẹ nhàng trên những mái tôn xám xịt phía khu nhà thấp. Dường như nó mang đi tất cả nhưng không xóa nổi những vết tích chông chất trong quá khứ. Từ lâu Trị đã ý thức được những hiện tượng đồ vô khối đầu, lúc hoàn cảnh buộc Trị phải nhận lấy cuộc hành trình vào sương mù, vứt bỏ mọi hành lý cần thiết, vứt bỏ bản chất con người đích thật để dần bước theo chiều dốc đầy vực thẳm và không có mục tiêu.

Bây giờ thì Trị đã xa ngọn đỉnh rồi. Trước mặt Trị là hầm hố hiểm trở. Trước mặt Trị là cánh đồng sương mù và thành phố với muôn ngàn ngã rẽ. Ở đó Trị còn những người thân yêu ruột thịt. Ở đó Trị còn những người bạn chí tình. Ở đó Trị còn quê hương và tình yêu. Và ở đó Trị còn đồng loại.

Buồng tắm giới hạn nhỏ hẹp. Trị khép cửa. Nước lạnh lăm mát. Trị nghe tâm thần sản khoái. Nổi uể oải như bị xua đuổi biệt mù niềm tin vui như vừa chợt đến. Trị sung sướng nhìn màu trời xanh ngát bao la không gợn một làn mây

Dùng **midol** *Trị các chứng đau nhức
vô cảm cúm*
1360/B.Y.T./D.P.D.C. *CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY*

đục. Đột nhiên buổi chiều tuyệt đẹp. Trần gian thanh thẳng nhẹ nhàng hơn bao giờ hết.

Trị mặc đồ định đến quán « cây da » uống café. Một điệu kèn vĩnh biệt từ xóm trong trời lên những tiếng nặng nề. Âm thanh âm ướt rơi rớt khắp cùng. Đem vào đó những tiếng dẫu vang vang và giọng tụng niệm thầy chùa cùng với những tiếng khóc kẻ tạo thành một nhạc khúc nào nuốt hỗn loạn. Trị bỗng khóc. Đôi mắt nhòe nhoẹt, thân thể cứng đờng. Cánh đồng sương mù và nghĩa địa quanh vắng hiện ra trước mặt Trị. Nơi đó người ta đang tìm mẹ Trị xuống lòng đất sâu. Nơi đó bà sẽ nằm cô độc và im lặng nghìn đời. Rồi cây cỏ sẽ mọc lên và thời gian sẽ làm tan rã tất cả. Trị tưởng chừng mình đang trong phút giây tiễn mẹ tới nơi an nghỉ cuối cùng đó.

Cánh cửa đóng rầm lại. Ổ khóa tự động mắc cứng. Trị bước nhanh ra đường như một tên cướp của sát nhân đang tìm đường tẩu thoát.

Mẹ chết đi, Trị không chảy một giọt nước mắt. Trị khuyên các chị đừng khóc, đừng kể lể vô ích. Bà đã yên thân rồi. Bà chẳng còn gì sợ hãi, chẳng còn gì nữa để gìn giữ thối mắc. Bà đã được giải thoát rồi đó.

Nhưng tại sao bây giờ Trị lại khóc ?

Đoàn xe đưa xác hương về nghĩa địa đó thành. Hình

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.L./D.P.C.

như người chết là một quân nhân, có lẽ là sĩ quan. Những giấy vàng bạc rải rác cùng đường gợi một ý nghĩ vô lý.

Trị ghé nhà thuốc tây mua một vỉ Rhumex rồi đi thẳng đến quán.

Chủ quán cười để hai hàm răng vàng ehôi.

— Chà đi đâu lâu dữ không thấy đến uống cà-phê?

Trị tự nhiên kéo ghế ngồi sát tường. Chủ quán tiến gần.

— Thầy uống gì đây ?

— Dạ, cà phê sữa.

Trị thường đến quán cà-phê này sau giấc ngủ trưa để tìm những cảm giác nhất thời, để tưởng rằng mình đang sống trong một xã hội thanh bình, mọi người đều được tự do với những quyền hạn cần bản cần thiết. Mặc dầu biết rằng chốc nữa đây, mình sẽ bước vào gian phòng trống rỗng và những vây cánh khốn kiếp sẽ chum xuống, giăng bủa khắp cùng.

Tạm sống. Tạm ăn. Tạm ngủ đến lâu ngày bỗng trở thành thói quen đáng sợ.

Nhưng Trị làm sao khác hơn ?

« Trị, Trị. Con đi đâu biệt cả năm rồi không đến có ? Trời ơi, con làm gì đến đổi thân thể, quần áo tối tàn thế này ? Con không về dưới nhà sao ? Đạo này con có đi làm

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

đi dạy gì không? Con phải lo lấy đường tương lai đừng để thiên hạ cười chê con, cười chê cả gia đình. Nay có cho năm trăm đây, lấy đi hớt tóc rồi mai chiều lên cô.— Tôi quen với bà hồi nào, sao bà lại cho tiền tôi. Tuy nhiên tôi xin cảm ơn bà đã cho tôi ».

Lúc đó gương mặt cô sừng sốt. Đôi mắt vừa giận dữ, vừa ngạc nhiên nhìn Trị dăm dăm. Cô nói với theo : « Bộ thằng này điên thật sao mà. Trị. Trị. Bộ mày điên thật rồi sao? Mày làm cái gì kỳ cục vậy? Trị. Trị. Trị. » Trị bỏ đi một nước và mỉm cười một mình. Quẹo qua góc phố, Trị móc tờ giấy năm trăm ra xem. Đùng là năm trăm thật! Trị lại cười ha hả và nghĩ về trường hợp giả điên của mình. Trị lang thang trên vỉa hè một hồi gặp hai thằng bạn. Trị lôi chúng vào quán nhậu nhẹt say sưa.

Tỉnh dậy, Trị thấy buồn chán khủng khiếp. Chung quanh Trị chẳng còn ai để tìm một tiếng nói.

Hai hôm sau Trị lại gặp cô trên phố. Cô đi với hai đứa con là Hiếu và Cúc. Cả hai đều ở vào tuổi lấy chồng nhưng vẫn còn đi học. Hiếu học đượ, còn Cúc mới đỗ tú tài một. Đang ung dung, Trị chợt nhận ra cô, hèn quay bước thật nhanh. Cúc đã trông thấy. « Anh Trị, Anh Trị. Anh Trị... ». Trị sợ Cúc đuổi theo nên cố bước nhanh hơn nữa.

Trị nâng tách cà-phê lên uống, chợt thấy ruồi chết lều lều từ lúc nào. Trị vẩy tay gọi tách khác. Chủ quán đổi tách cà-phê nguội đi.

— Ông cứ để lại đây một lát tỉnh tiền luôn.

— Thôi, chưa uống mà tỉnh tiền gì.

— Vậy ông chịu thiệt thòi sao?

— Ồ, quen quá mà thầy...

Trị về đến đầu ngõ hẻm gặp Hạnh đi ra. Về ngạc nhiên :

— Anh đi đâu về vậy?

— Uống cà phê, tiện mua thuốc luôn.

— Anh lên hồi nào?

— Một giờ.

— Em vừa trong nhà ra đây. Thấy nhà đóng cửa.

— Em có gõ cửa không?

— Có. Và bà bên cạnh bảo anh đi đâu từ lúc nãy.

— Em không định chờ anh?

— Em tỉnh học hai giờ chót rồi trở lại.

— Phải em đến sớm hơn chút nữa.

— Em không thể bỏ giờ đâu.

— Thôi, đi vào nhà, đi em.

Con ngõ trở nên đông người. Lão già quét chợ đang lui cui hốt rác để vào thùng. Lũ trẻ mất dạy lại xuất hiện

Đùng midol Trị các chứng đau nhức và cầm máu
CÓ BÁN Ở CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Đùng midol trị các chứng đau nhức và cầm máu
CÓ BÁN Ở CÁC NHÀ THUỐC TÂY

đùa nghịch la ó. Họ đi vào ánh mắt « sấn sóc » của thiên hạ.

— Em đưa xe anh đây vào nhà. Đê ngoài sẽ bị xẹp vỏ, bọn trẻ ở đây không bỏ qua đâu.

Cánh cửa được đóng lại cẩn thận.

— Em vào phòng rửa mặt cho mát. Khăn nê, xà-bông trên kệ đó.

Hạnh cầm lấy khăn mặt, ngoan ngoãn bước đi. Tiếng đổ nước vào thau nghe lũng bồng. Màu vôi trên tường tươi tắn dễ chịu. Không khí trong gian phòng cũng mát mẻ như đồng nội buổi sáng. Tất cả bây giờ như biết cảm thông nhau thực sự. Trị mừng tượng đến cánh đồng cỏ non mơn mớn hơi sương, mở rộng ra dưới chân trời. Trị cùng Hạnh đang lững thững bước đi dưới nắng mai ấm áp.

Trị ôm lấy Hạnh hôn lên môi, những cơn hôn kéo dài.

Trị chợt nhớ lại hình ảnh người thủy thủ trong xi-nê, sau một thời gian dài hải hồ cùng bề cả xa lạ, một hôm trở về gõ cửa với tất cả lòng khao khát đòi môi ngọt ngào mấp máy của người yêu đang ngửa đợi.

— Hồi nãy em trông anh hốc hác quá.

— Bây giờ sao ?

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

— Đỡ hơn một tí. nhưng vẫn còn.

Hạnh ngồi xuống ghế vuốt mái tóc bù rối.

— Bà già mất trong trường hợp nào ?

— Bị miến đại bác.

— Em cũng đoán như thế, chớ có lý nào lại... trong khi chẳng nghe đâu ốm gì cả. Bà bị trong trường hợp nào ?

— Bà đi tránh cái chết từ thị-trấn đem vô, thị lại lãnh cái chết từ trong đem ra. Thật là phi lý... như định mệnh.

— Em cũng nghĩ là có một định mệnh nào đó. Việc đã rồi anh nghĩ nhiều có hại cho sức khỏe.

Đó có phải là một an ủi thật sự ? Tại sao người ta hay khuyên nhau trong những lúc giòng giống thế ? Nó có một ảnh hưởng lợi ích thật sự nào không ? Hay nó chỉ là những thói quen kiêu cách trong thiên hạ ? Đối với Hạnh, trong trường hợp này Hạnh có vẻ chân thành tha thiết lắm.

— Anh không đến đòi gì đâu. Cái chết của má anh chỉ thấy hơi buồn, cái buồn không thể tránh được.

Đôi mắt Hạnh hiền dịu thoáng một chút xa vời. Có lẽ Hạnh đang nghĩ đến tương lai.

Họ ngồi im lặng, phút chốc lại nhìn nhau.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

Trị cho hai tay vào túi quần rảo quanh trong phòng như cố tìm kiếm một vật cần thiết lẫn khuất đâu đó. Chợt Trị trông thấy Hạnh đang đứng nhìn ra ngoài qua khe cửa á-sách, mái tóc buông thõng nửa lưng, ông ánh dưới ánh đèn rọi chiếu. Trị bước sát lại luồn tay sau lưng, xoay tròn thân người Hạnh lại :

— Em nhìn gì thế ?

Chân Hạnh không còn đứng vững được. Hạnh bấu lấy Trị. Trị cũng thấy mình lảo đảo như những bước chân lướt trên piste phẳng trong nhịp Valse quay cuồng.

Tiếng nói khe khẽ trong hơi thở dồn dập :

— Em về nhé. Khuya quá rồi.

— Mười giờ chưa ?

— Gần mười một giờ. Ở đó mà mười giờ.

— Thời gian quá nhanh.

— Thời gian quá nhanh.

— Anh đưa em mượn chiếc lượt, đi anh.

Mặt gương thu trọn bức ảnh hai người. Hạnh vén tóc về trước ngực; đầu ngã sát vào Trị. Đôi mắt biểu lộ tình yêu vô hạn. Trị thấy hạnh phúc trước mắt, tưởng có thể cầm giữ được như thân thể Hạnh.

Đêm buồng phủ dày đặc. Họ qua con ngõ lờ mờ ánh điện dẫn ra đường cái. Hạnh cầm lấy tay xe và máng chiếc xách vào.

— Hôm nào anh đến trường đón em ?

— Có lẽ chiều thứ bảy.

— Em sẽ chờ nhé.

Hạnh ngồi lên yên xe rồi khuất dần trong đêm mờ ảo.



ĐỘC HÀNH

● NGÔ-ĐỨC-CHƯƠNG

Lối này hiu hắt
Anh đi một mình
Buổi chiều cúi mặt
Trên hàng cây xanh

Bây giờ tháng bảy
Xa bước chân người
Phố nằm ngóng đợi
Ngày dài chia phôi

Ba năm thần thoại
Lòng anh hoang đường
Một lần thơ dại
Một đời tiếc thương

Một mùa thu đến
Mấy mùa thu qua
Một lần đưa tiễn
Trăm nghìn xót xa

Bây giờ tháng bảy
Em đã ngàn khơi
Mối sầu thức dậy
Trong hồn đơn côi.

BÀI THƠ PHO TƯỢNG BỨC TRANH

★ TRINH-VĂN-TIẾN

Cho đến bây giờ, trong đám những người làm văn hóa, một vấn đề gần gũi nhất với họ, vẫn còn nguyên, sự chọn lựa chuẩn đích việc làm của mình. Nói theo cách nói thông thường thì họ chưa dứt khoát giữa hai trách vụ, nên đem nghệ thuật đề phụng sự riêng cho nghệ - thuật (nghệ thuật vị nghệ thuật) hay nghệ thuật phải có tác dụng đối với đời người (nghệ thuật vị nhân sinh). Đấng nào? Câu hỏi

tuy cũ mà mới, vì chưa từng được trả lời đôn đáo.

Nhưng tôi lại cho rằng đó không phải là nỗi ám ảnh cần thiết. Bởi nếu người ta càng nghĩ đến nó thì càng tự giam mình vào trong một khuôn khổ trời buộc, trong khi nghệ thuật chỉ thành tựu nhờ ở sinh khí tự-do.

Chúng qui những người viết văn, làm thơ, vẽ tranh bao giờ cũng muốn tạo dựng cho chính

mình trước đã. Kể cả trường-hợp họ muốn gửi gắm gì đó qua tác phẩm vẫn chỉ là sở thích cá-nhân, trường-hợp Nguyễn-Du. Ngược lại, có khi họ thỏa-mãn lòng mình, nhưng ngẫu-nhiên, vô tình họ đã phù hợp với số đông nhân quần, như Nguyễn-Công-Trứ chỉ cay cú ở quan trường thôi, nhưng đã trở thành một thứ sư biểu về quan-niệm người hùng, quan-niệm « đã sinh ra ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông », hoặc hơn thế nữa, « làm nên tiếng phi thường đầu đấy tỏ »!

Vả chăng, ngay lúc Tú Xương đang bĩu môi kích bác xã hội giao thời nhà Nguyễn, thiết tưởng ông không hề nghĩ rằng mình sẽ để lại một số sử liệu — sử liệu Nho mạt — cho đời sau.

Trong viện bảo tàng « Tervuren », tập trung hầu hết những tác phẩm điêu khắc của cả vùng Trung-Phi, có nhiều pho-tượng, mặt nạ tự nó đã cắt nghĩa được việc làm của nghệ thuật.

Chẳng hạn, bức tạc hình một người đàn bà có chửa của bộ

lạc Luluwa (Kasai) đề thờ vô danh nghĩa một vị « thần mắn con » (symbole sacré utilisé dans un culte de fécondité) phù hộ cho các sản phụ có con « hữu sinh vô dưỡng » (mor t-né ou mort en bas âge) (1)

Xét ra nhà điêu khắc, người nghệ-sĩ vô danh nào đó, trong khi thực hiện bức tượng này, chắc hẳn ông ta (?) đã cố gắng đeo gọt sao cho tác phẩm của mình phải giống hệt và đẹp như người thật (mỹ) để làm biểu tượng niềm hy vọng của những bà mẹ đau khổ vì hiểm họa (chân và thiện).

Như thế dụng công khéo tay của ông ta là « nghệ - thuật vị nghệ thuật » và dụng tâm thương người của ông ta là « nghệ thuật vị nhân sinh ».

Tôi muốn nói chuẩn đích của sự sáng tác không hề có ảnh hưởng nâng cao hạ thấp tác-phẩm, giá trị đó chỉ tùy thuộc ở tác giả, có thực tài, thực lòng hay không.

(1) Theo H. Van Geluwe.

(2) Sinh năm 1911 tại Pretoria (Nam Phi) tốt nghiệp « Westminster School of Art » (Luân Đôn)

Thử lấy một ví dụ nữa, ngay hiện thời để chứng minh thêm, trường hợp của họa sĩ Alexis Preller (2). Trong số các họa phẩm nổi tiếng của ông (phần nhiều là những bức chân dung vua chúa) có hai bức « mục đồng » (Petit garçon à la flute) và « Đại đế » (Le grand Roi), thật khó xác định bức nào hơn kém bức nào.

Bức « mục đồng » chắc hẳn đã được tạo dựng bằng ý thức (hay cảm hứng?) « nghệ thuật vị nghệ thuật ». Nhưng bức « Đại đế » thì rõ ràng là « vị nhân sinh », có thể nói « vị cá nhân » nữa, thế mà đường nét, màu sắc và sự phối trí chẳng tỏ ra chút gì thua kém bức « mục đồng ». Tuy rằng, giữa hai hoàn cảnh, phạm vi sáng tác, đương nhiên trường hợp « mục đồng » vẫn khoáng đạt, phong phú và xúng xính hơn.

Hàng nghìn năm trước, một quan chức (?) của nước Nhật, thi sĩ Ki-No-Tsurayuki, trong cuộc kinh lý 5 năm từ Tosa (quận Kochi, Nam đảo Shikoku ngày nay) đến Kyoto, ông đã viết thành một tập hồi ký bằng



Thần mẫu con

văn vần, gọi là « Tosa Diary », trong đó có thuật lại 40 ngày mưa bão ghê gớm. Như vậy nhất định Tsurayuki chỉ muốn viết « Tosa Diary » cho mình trước đã, chẳng hạn ông dc « tức cảnh sinh tình » hoặc thương thân trong cuộc hành trình vất vả, tha phương, nghệ thuật vị nghệ thuật, chứ ông không hề có ý định khảo sát thời tiết ở Shikoku.

Nhưng hàng nghìn năm sau, đến bây giờ, nhà bác học Tsumetaka Kume (trong cơ sở khí tượng Đông Kinh) đã căn cứ vào « Tosa Diary » để khảo sát thời tiết! Kume ước tính Tsurayuki đã khởi hành ngày 2 tháng 2 (Tosa) và đến nơi ngày 28 tháng 3 (Shikoku) cùng một năm 934. Sau đó nhà thiên văn đối chiếu thời tiết trong vùng xưa nay, rồi nghiệm thấy nay giống hệt xưa, vào mùa Xuân (tháng hai và tháng 3) ở Tosa vẫn thế, cứ cách độ 10 ngày lại có một trận giông gió, động biển kéo dài đến mấy hôm. Ai ngờ « Tosa Diary » đã được khai thác một cách thực dụng đến thế, và « vị nhân sinh » đến thế! Nhưng, đây chỉ là trường hợp ngẫu nhiên, vô tình. Còn có trường hợp cổ ý nữa.



Le Grand Roi

Thường thường người ta chỉ hiểu biết, nhắc nhở vua Thành Thái ở phạm vi tranh đấu, chứ không phải ở phạm vi văn học. Chính người — qua tác phẩm — cũng tỏ ra chỉ muốn ứng dụng thơ mình như một phương tiện tranh đấu, kêu gọi lòng yêu nước trong thần dân nghĩa là « vị nhân sinh » .., trông thấy, mà cũng quả thật có gương ép trông thấy! Nhưng người vẫn có được bài « Thăng Long Hoài Cảm » bất hủ, bất tử.

Tháng giêng năm Nhâm-Dần
1902 (Thành Thái 14) vua ra
Đắc đề khánh thành cầu Long
Biên, người đã cảm tác :

*Kỷ độ phong trần kỷ độ kinh
Nhất phiến hồi thủ bất thăng tình
Ngưu hồ dĩ biến tam triều cuộc
Long đạu không lưu bách chiến
thành*

*Nùng lĩnh phù vân kìm cổ sắc
Nhị hà lưu thủy khắp ca thanh
Cầm hồ, đoạt sáo nhân hà tại ?
Ứng vị giang sơn tầy bất bình.*

Tạm dịch ý :

*Mấy thuở kinh hoàng cơn gió
bụi
Mỗi lần ngoảnh lại khó
cầm
lòng
Trâu vàng đắm tận thời
oanh
liệ!*

*Hoàn kiếm buồn cùng chốn rêu
phong*

*Mây núi Nùng phơi niềm đau
bề*

*Nước sông Hồng khóc cuộc
tang thương*

*Ai người Tôn Tấn, Trương
Lương đấy ?*

*« Phải có danh gì với núi
sông » !*

Thơ hùng, thơ tranh đấu,
« thơ tuyên - truyền » vẫn hay

như thường ! Nói khác đi, nghệ
thuật, (hay điều kiện, hoàn-cảnh
sáng tác) chẳng bao giờ bắt
buộc tác giả phải bỏ xa cuộc
đời, ngược lại tác giả cũng
không thể viện lẽ « vị nghệ
thuật » để tránh né bổn phận đối
với những người chung quanh
mình. Bằng chứng cả Delacroix,
Victor Hugo, và Alexandre Du-
mas đều đã có mặt trong cuộc
cách-mạng 28-7-1830. (3)

Eugène Delacroix đã vẽ nàng
Marianne ba lần, qua các
bức « L'Orpheline au
Cimetière », « Les Massacres de
Scio » và « Liberté », thì « Liberté »
là tác phẩm « vị nhân sinh »
nhất, tại nổi tiếng nhất.

Vào một ngày giá rét, tháng
2-1823, Delacroix đang thất tình
bỗng gặp Marianne cô bé ngồi
ăn xin ở hè phố Grenelle, giống
hệt người yêu cũ. Delacroix đã,
hỏi ý Marianne, nếu muốn làm
người m ẫu sẽ được trả công 2
phật lạng rưỡi. Marianne bằng
lòng vì đói, vì rét, đang cần tiền.

(3) Theo Jacques de Sugny.

Hai người trở về phố Jacob,
nhà Delacroix. Trước hết Marianne
ngồi kiêu cho bức « L'Orpheline
au cimetière » Tác phẩm
lược thể hiện ở hoàn cảnh hết
sức thỏa đáng, thuận tiện, dễ
dàng, vì Delacroix đã ngẫu
hứng từ một kỷ niệm thiết thân
và Marianne đã thạo việc qua
dáng ngồi của đứa trẻ mồ-côi
mà chính nàng cũng phải chịu
đựng như thế suốt hai năm rồi.
Nhưng « L'Orpheline au Cime-
tière » đã chẳng gây được tiếng
tầm gì so với hai bức trước
« Dante » và « Virgile ».

Sau đó, Marianne ở hẳn với
Delacroix, bữa no bữa đói tùy
tranh bán đắt hay ế, và « già
nhân ngài non vợ chồng ». Bấy
giờ, cũng Marianne làm người
mẫu, Delacroix vẽ sang bức
« Les Massacres de Scio ».
Tháng 5 năm đó, năm
1823, « Les Massacres de Scio »
ra phòng triển lãm, Gros đã kêu
dấy lên. « Ôi chao, Les Massacres
de Scio, sao không nói là sự
phá sản của hội-họa có được
không ! » (nguyên văn : Ça
« Le Massacre de Scio », dites
plutôt le massacre de la peinture!)
Buổi chiều, vừa bán tranh



Petit Garçon à la flûte

được 6000 phật lạng, hai người
đi ăn mừng ở Palais Royale,
Delacroix gặp lại một vũ nữ tên
là Dalton, bỏ rơi Marianne...

Bằng đi 7 năm, đến ngày 28-
7-1830, Ba lê vùng dậy chống
lại vua Charles X, đòi tự do báo
chí. Trong số có cả đôi bạn
Delacroix và A. Dumas. Đoàn
người ulla đến khu vực nhà thờ Đức
Bà (Notre-Dame) Delacroix chỉ
lên tháp chuông, chỗ có một thiếu

phụ đang phất cờ chỉ huy, rồi ông biến mất. đề mặc A. Dumas có một mình.

Ba hôm sau, A Dumas cùng V. Hugo tạt về đường bờ sông Voltaire — chỗ ở mới của Delacroix — đề thăm chừng. Họ thấy Delacroix đang mình vẽ mình, ông đứng trước gương, hai tay xiết chặt khẩu súng trường, thế thủ, lâu lâu lại biên chép gì đó vào sổ tay ! Ông bảo muốn dâng hiến cách mạng một tác phẩm lớn gọi là « ngày 28-7-1830 » (800 người chết, 6000 người bị thương cho tự do).

Delacroix mở cửa buồng, nhân vật chính hiện ra, Marianne đang độ xinh đẹp một cách khôn ngoan ở mức tuổi ba mươi, cô thợ may, xuất thân từ con bé ăn xin ngày nào.

Ngay lúc, V.Hugo đã xuất khẩu :

*Đôi lứa đau thương cùng cực đó
Đã cho chúng ta được vui cười
Áo khăn thần tượng đem cầm hết
Đôi lấy bữa ăn có một ngày ! (4)*

Năm sau, năm 1831, Delacroix mở phòng tranh, tác phẩm mới nhất đó của ông—đã được đặt tên dứt khoát là « Liberté »

— thành công xiết kể sinh viên, thợ thuyền, và cả Ba-lê bắt khuấy đều tìm đến chiêm-ngưỡng nó. Thậm chí triều đình Louis-Philippe chỉ sợ nó sẽ làm sống lại khí thế của quần chúng, nên đã phải o bế Delacroix bằng tấm huy chương Bắc-đầu bội tinh (Légion d'honneur) và mua đứt bức tranh, đem cất đi.

Mãi đến cách mạng 1-1858 của cộng hòa Pháp, vào triều đại Napoléon III, « Liberté » mới trở lại ở Louvre. Được nửa năm, vào tháng 6, sau khi triều đình dẹp tan một vụ dấy loạn, cũng xuất phát từ quần chúng, « Liberté » lại bị trả vào kho.

Nhưng càng gặp khó «Liberté» càng bắt tử, bắt tử ở chỗ « vị nhân sinh». Delacroix đã tâm sự

(4) Nguyên văn :

*Et ces grands malheurs qui nous
faisaient rire
Ton manchon brulé, ton boa per-
du*

*Et le cher portrait du divin Shakespeare
Qu'un jour, pour diner, nous
avons vendu !*



Liberté

với A. Dumas rằng : « Tôi tưởng mình chỉ vẽ thuở thiếu thời của riêng mình, qua thiếu phụ này, tôi đã vẽ cho cả dân mình (je croyais peindre ma jeunesse, dans cette femme J'ai peint celle de mon peuple).

Ở đây, câu đó được xem là một định nghĩa cho thiên chức của nghệ thuật, cả hai giá trị thường ngoạn và tác dụng không hề tách biệt hay tồn tại đến nhau.

★ TÂM-TRÍ

(tiếp theo PT 176)

NGHĨ thật buồn ghê ! Thời Tiên-chiến, đi xe hơi từ Hà-nội về miền Trung, biết bao nhiêu lần tôi đã đi qua chiếc cầu này mà không hề để ý đến nó. Không bao giờ tính ham học hỏi của tôi đến một mức độ phải khiến tôi tò-mò hỏi đến cái tên của nó làm chi. Nó đâu có một đặc điểm gì đáng phải chú ý ? Một chiếc cầu gỗ rất tầm thường, như trăm nghìn chiếc cầu gỗ vô-danh bắt qua một con sông cũng gần như không tên tuổi, trên « Đường-cái-Quan », — La Route Mandarine, — dài trên 1.700 cây số nối liền hai thủ đô Nam Bắc. Nó không được như chiếc cầu sắt đồ-sộ, mạnh-mẽ, trên đường xe-



BẾN HẢI, HUẾ, SAIGON

lửa đi song-song với Quốc-lộ.

Sông Bến Hải cũng không được vinh-dự có tên trong các sách Địa - dư. Khi có tin chính thức rằng Hiệp-định Genève cắt đôi xứ Việt-nam tại sông Bến-Hải, hầu hết người Việt-Nam ở Saigon cũng như ở Huế, Hà-nội, đều ngơ ngác hỏi nhau: « Ở đâu thế, sông Bến Hải ? »

Trên một bản đồ « Đông-dương » đầy-đủ nhất do Sở Địa-Dư Đông-Dương (Service Géographique de l'Indochine) ở Đalat, ấn-hành năm 1952, (hai năm trước Hội-nghị Genève), tôi chỉ tìm thấy nơi vị-tri sông Bến Hải một nét xanh cong queo, mỏng mảnh, không dài đến 2 centimètres, và không có ghi tên !

Ấy thế mà bây giờ, can có chi cái cầu Ván này và con sông đục ngầu kia lại đóng

một vai trò lịch sử tối ư quan trọng ? Nhưng vinh dự chi cái vai trò buồn thảm ấy ? Giòng sông Bến Hải và nhịp cầu Hiền-Lương bị âm-mưu Cộng-sản-Thực-dân-Pháp và Ngoại-quốc nhóm họp tại một thành phố xa - lạ dưới trời Âu, đã gán cho một sứ-mạng bi-sầu thống - hận, vô cùng đau thương. Và vô cùng bí-nhục. Cầu Hiền-lương và sông Bến-Hải giờ đây là tượng trưng một Quốc Hận của dân tộc Việt Nam.

Ngồi đây quanh - quẽ dưới bóng cây thù dương yếu-ớt đứng ủ-rũ trên bờ, tôi nhìn con sông trôi, cảm thấy như cuộn - cuộn chảy trong mạch tim của Đất Nước một giòng sầu huyết-lệ.

Tôi đứng-đỉnh bước trên bờ cỏ, và đọc những biểu-ngữ kẻ bằng mực đỏ, nét đậm, trên các tấm bảng rộng lớn dựng trên bờ bên kia,

đối-diện với những tấm bảng bên này. Toàn là những câu cảm thù hằn-học ở cả hai bên. Toàn những tiếng khiêu-khích, không còn một tí chút tình - nghĩa đồng-bào, không được lấy một lời nguyền-cầu lưu-luyến. Giữa cảnh thiên-nhiên thanh-bình bát-ngát, dưới một vòm trời xanh biếc chung cả cho đôi bên không chia ranh giới, tại sao có những tiếng hận thù phô-bày bằng nét máu ? Đồng lúa bên này và đồng lúa bên kia, xóm làng, dân sự, bên đây và bên đó, có thù riêng gì với nhau đâu ? Tại sao phải trông lên mối thù chung cho cả một giải sơn-hà cầm-tú đã kết chặt cùng nhau từ bao nhiêu thế kỷ, từ nguyên-thủy của Lịch sử Gióng Nòi ?

Có thù chẳng, là thù bọn thực - dân Pháp kia, bọn Mendès France, Bidault, xã-hội, Cấp - tiến, M. R. P., R.

P.F. bị Cộng-sản đánh thua toi bời ở Điện-Biên-Phủ rồi với-vàng rập mưu với họ cắt đôi nước ta để miền Bắc cho Cộng-sản. Sao không hỏi ý kiến của 25 triệu nhân dân miền Bắc và miền Nam trong một vấn đề trọng đại liên-đời trực-tiếp đến vận-mệnh của cả một dân-tộc ?

Viết Lịch-sử về Hội-nghị Genève 1954, không những chúng ta kết án Cộng sản đã âm mưu với Pháp để rạch đôi Sơn-hà, chúng ta còn kết án nước Pháp đã phạm tội-ác phản-bội lời cam kết bảo toàn lãnh thổ và chủ quyền của chúng ta. Chúng ta kết án Chính-phủ Bảo-Đại đã để cho nước Pháp lúc bấy giờ tự-nhận là liên-kết với Quốc-gia Việt-Nam, có hành động hèn-nhát đó mà hậu-quả còn đè nặng trên số kiếp của nhân dân ta chưa biết đến chừng nào !

Cuộc chiến-tranh hiện-tại

giữa hai miền Nam-Bắc Việt Nam chỉ là một chiến-tranh giai-đoạn. Giá sử có thương thuyết hòa-bình chẳng nữa, cũng chỉ là một « hòa-bình » tạm thời, không giải-quyết được gì lâu bền về thực - tế cả.

Nhưng phải làm thế nào chứ ? Không lẽ sông Bến Hải và cầu Hiền Lương này sẽ là ranh giới mãi mãi chia hai miền Nam Bắc ? Không lẽ Tổ-quốc và Dân-tộc Việt-Nam sẽ bị xẻ đôi v nh viễn, thành hai mảnh đất và hai giống dân thù - địch vĩnh viễn hay sao ?

Chúng tôi muốn chính-phủ hiện thời ở Hà-nội hiểu rằng không bao giờ nhân-dân miền Nam lại chịu trao đất này cho một chế - độ Cộng-sản, dù Cộng-sản theo Nga, hay theo Tàu. Nhưng, trái lại, nếu miền Bắc có một chính phủ không phục-tùng Bắc Kinh, hay Moscou,

không áp-dụng chính - sách độc-tài đảng - trị, mà phải thực hiện đúng mức các tự do dân chủ chân-chính cho tất cả mọi công dân đều được quyền hưởng - thụ, và thi-hành một chính sách xã hội tiến bộ san bằng mọi bất công, không theo chuyên quyền tư bản mà cũng không theo độc-tài vô-sản, gạt bỏ tất cả mọi hình thức chuyên chế và đàn-áp bất cứ tầng lớp nào của nhân dân, không nhắm mắt tuân theo mệnh-lệnh của bất cứ một đế quốc nào, Nga, Tàu, hay Mỹ, bảo vệ triệt để chủ quyền và độc-lập của Quốc-gia, — chấp nhận viện trợ ngoại quốc để mở mang các thứ kỹ - nghệ, để đời sống của các lớp đồng bào nghèo được nâng cao đến một mức độ đầy đủ, no - nê, dư - dật, tóm lại, thay vì một chế-độ khắc-khe, gò bó, ép chẹt, bạo tàn, chuyên-chế, khủng-khiếp, nghệt thờ đối với

cả nhân dân vô - sản, nếu miền Bắc chấp - nhận một chế độ cởi mở, khoan-hồng, dân-chủ đúng nghĩa, triệt để tôn trọng nếp sống tự-do của mỗi người theo đúng nguyên-tắc Nhân-quyền và Dân-quyền, thì tôi tin chắc rằng 25 triệu đồng bào miền Nam và miền Bắc sẽ hân-hoan bắt tay nhau, không còn mặc cảm nào ngăn cách. Muốn Hòa - bình và thống-nhất lãnh thổ, phải chăng chúng ta nên khởi sự thống nhất ý-chí tự-do dân - chủ, thống nhất tư - tưởng Nhân quyền và Dân quyền, thống nhất quan-niệm xã-hội tể-nbộ trong sự tôn - trọng cá nhân (le Socialisme par le Progrès et le respect de l'individu).

Chúng tôi chủ - trương chống Đế-quốc (trắng cũng như đỏ), nhưng chấp nhận viện trợ của tất cả các nước bạn có thừa phương tiện và khả năng để giúp ta xây

dựng một quốc gia Việt-Nam hùng cường về mọi mặt, kinh-tế, quân - sự, tài nguyên, văn - hóa, v.v. . . Chúng tôi chống độc - tài phong-kiến cũng như độc tài vô sản. Chúng tôi là những con người quốc - gia tiến bộ không chấp nhận một hình thức độc- tài nào cả. Cho nên chúng tôi thành thật mong rằng chính phủ miền Bắc sửa đổi lại lập trường Dân-tộc, để chuẩn-bị việc thực-hiện thống - nhất Lãnh - thổ và chủ quyền Nhân dân.

Nếu không được như vậy, thì chiến tranh ngoan cố có thể kéo dài 10 năm, 20 năm, mà không bao giờ thực hiện được thống nhất và độc lập tự do thật sự cho dân tộc Việt nam. Trái lại chỉ gây thêm đau khổ vô cùng tận cho nhân dân mà thôi. Đó là một tội ác vô cùng lớn lao đối với Dân tộc và Lịch sử, mà những người cầm quyền

ở Hà-nội phải chịu lấy.

Tôi thiết tưởng dù họ có thiện chí bao nhiêu chăng nữa, Ấn - Độ, Anh, Gia-nã-Đại, Pháp, Thụy - Điển, Úc, Nhật, Ai-Cập, Nam-Tur, v.v... đều không thể nào đứng ra điều đình. Vì họ có hiểu rõ những vấn đề riêng biệt trong nội tâm của chúng ta đâu. Chỉ có chúng ta là hiểu chúng ta mà thôi.

Chỉ có các anh ở miền Bắc, là có thể hiểu chúng tôi, cũng như chỉ có chúng tôi ở miền Nam có thể hiểu rõ các anh. Vậy tại sao không thể có được một cuộc nói chuyện « trong gia-đình » giữa chúng ta, để tìm một giải pháp hòa bình, và có lẽ một giải pháp thống nhất, theo nguyện vọng thực tế của toàn thể đồng bào 25 triệu ?

Giữa lúc Nga-xô và Trung Hoa Lục-địa đang lợi dụng chiến-tranh Việt - Nam để tuyên-truyền cho lập-trường

chính-trị cách-biệt nhau của họ, tại sao Hà-nội không tìm một lối thoát trở về quốc gia Việt-Nam, xiết chặt hàng ngũ dân-tộc Việt-Nam ?

Các nước theo xã-hội chủ nghĩa, kể cả Nga-xô, Trung-Hoa Lục-Địa, Bắc Hàn, Cuba, rêu rao viện trợ cho Hà-nội, nhưng thực-tế mĩa-mai chua chát cho miền Bắc xiết bao khi các anh thấy rằng họ có giúp gì bao nhiêu cho Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa ?

Chiến tranh càng kéo dài, chỉ càng thêm tang tóc, điêu tàn, đổ vỡ, đói rách, chắc chắn sẽ không có bên nào thắng lợi cả.

Nhưng nếu miền Bắc và miền Nam chúng ta tự ý chấp-nhận một cuộc hòa-giải trên lập-trường Quốc-gia Dân-tộc, theo nguyên tắc tự do dân chủ thật sự, tôn trọng Nhân quyền và dân quyền, gạt bỏ đảng trị, độc tài, chuyên chế, thì các anh sẽ không bị bại-trận đâu.

Đây là ý-nghĩ thẳng thắn, chân thành của một người Việt-Nam vẫn cương quyết giữ vững lập trường độc-lập của mình, không thân Cộng mà cũng không thân Mỹ, chỉ tha-thiết mong-mỏi ngày đêm sao cho chấm dứt cảnh điêu tàn tang - tóc vô cùng đau khổ của 25 triệu đồng bào, con một Mẹ.

Dùng khí-giới, bom-đạn, để tiêu-diệt Cộng - sản, hay Quốc-gia đều chỉ là ảo tưởng. Hoặc hô-hào « trung lập » mà vẫn theo đóm ăn tàn của Trung Cộng như kiểu Cambodge bây giờ và Indonésia trước đây của Sokarno cũng chỉ là một chánh-trị lệch lạc, sai lầm, không phản-ảnh đúng nguyện vọng chân chính của toàn dân, và không lâu bền. Nguyện vọng tha thiết nhất của đại đa số nhân-dân Việt - Nam ngày nay là hoàn toàn bảo vệ Quốc - gia Việt - Nam, Nói-

giống Việt-Nam, khỏi bị nô-lệ cho bất cứ một Đế quốc nào, trắng hay đỏ. Chúng tôi quyết bảo vệ Đế quốc vàng của giòng - dõi Lạc - Long. Chúng tôi chỉ phụng sự Tổ quốc Việt-nam, Nhân dân Việt Nam của Giòng giống Việt Nam mà thôi. Đó mới thật là Chánh Nghĩa.

Hôm nay đây, ngồi trên bờ sông Bến Hải, tôi muốn gọi về miền Bắc, ngăn cách bởi mấy nhịp cầu Hiền - Lương kia, tất cả ý nghĩ của tôi, và đó cũng là tất cả nguyện vọng chân chính của đại đa số người dân Việt-Nam, con Tiên cháu Rồng, không phân biệt hai miền Nam Bắc.

Ước gì mấy người bạn cố tri của tôi ở Hà-nội hiểu thấu hết ý nghĩ thầm kín tận đáy lòng của nhân dân ta.

(Viết tại Bến-Hải, 11-5-66)

● Kỳ sau tiếp

Sau loạt bài « Saigon — Bến Hải ... » sẽ hết, trong mấy kỳ nữa, sẽ tiếp tục đăng :

SAIGON | | CHÂU - ĐỐC

Kinh Vinh-Tế. — Núi Sam. — Mộ Phật-Thầy Tây-An — Hang Bà Thợ — Đền Bà Chúa xứ — Lăng Thoại-Ngọc-Hầu — Tân-Châu — Thánh-Địa Hòa-Hào — Hưng-Nhơn — An-Phú — Ki-Cò — Khánh-Bình — Vinh-Lộc — Châu-Giang.

BIÊN GIỚI VIỆT — MIÊN :

- ★ KHÁNH-BÌNH, BÌNH-DI, PÈC-CHAI.
- Trận đánh lớn 10 ngày tại Khánh-Bình, Khánh-An
- ★ TỈNH-BIÊN — NÚI THUM-ĐUNG — PÈC-XÁ-BÔN
- VĨNH-NGƯỜN — BA-ĐÁ. Đồn Miên và Đồn Việt.

Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-soát Đình-chiến, nhà Cầm-quyền V.N., và hai chánh-phủ Anh, Nga, không hiểu rõ thực tế của một biên-giới không có biên-giới, dài mấy trăm cây số ...

7. 1968

★ N.V. Tâm-Trí

ALBERT
EINSTEIN

LÀ
MAI,

VÀ CÔNG THỨC $E=MC^2$

★ ĐIỀU HUYỀN

Minh ơi,

II

— M

M I N H
oi, Minh lái
xe con-cóc
đưa em đi

Biên Hòa thăm cô Mai, Minh
nhá ? Từ hôm Mai đi lấy chồng,
cô mời em đến nhà chơi mấy lần,
em cứ ừ-ừ hoài mà chưa đi được.
Sáng nay chúa nhật tốt trời, em
muốn đi Biên-Hòa thăm Mai một
tý.

— Em định ở chơi đấy lâu
không ?

— Em đã nói : một tí... nghĩa
là độ 3, 4 tiếng đồng hồ thôi,
không lâu đâu.

Ông Tú cười rồ lên hô-hồ !

Bà Tú vừa chải lại mớ tóc,
vừa dịu dàng hỏi :

— Sao Minh cười em ?

Ông Tú :

— Em biết không, câu em
vừa nói đó đúng với thuyết
« Tương đối » (Théorie de la Relati-
vité) của Einstein đấy.

— Ờ, hôm nọ Minh hứa sẽ
giảng về công thức $E=MC^2$ của
Einstein cho em nghe mà Minh
hồng thềm giảng gì hết. Minh
còn cười ngạo em nữa chứ !

— Chính câu nói của em : “ em
sẽ ở chơi nhà cô Mai một tý...,
nghĩa là độ 3, 4 tiếng đồng hồ
thôi », tỏ rằng em đã hiểu thuyết

« Tương đối » của Einstein. Chắc
anh khỏi phải giảng nữa nhỉ !

— Em hông hiểu gì hết... Nhưng
thong-thả đã !... Minh có lái xe
con-cóc cho em đi Biên Hòa không
Nếu Minh chịu thì em đi thay đồ.

— Chịu.

— Minh chịu, thì trong lúc
em thay đồ và đánh qua tý phấn,
Minh giảng về thuyết Tương-đối
cho em nhé ? Minh ừ đi !

— Ừ.

— Hồi nãy em nói câu đó, là
em nói đùa, sao mình bảo là hợp
với thuyết Tương-đối ?

— Nghĩa là, theo Einstein,
thời gian là tương đối, chứ
không cố định, không *fixe*. Thí
dụ em cho rằng *một tý* có thể là
3,4 tiếng đồng hồ. Anh, thì một
tý là 15, 30 phút. Khi em thích
ngồi chơi với Mai, 3,4 tiếng đồng
hồ em cho là *mau*. Trái lại, khi
em đi nghe ông Bộ-trưởng kinh-
tế diễn thuyết về vấn đề tăng giá
các hàng hóa chẳng hạn, thì em
ngồi ngủ gật, và thấy 1 giờ *lâu*
như một buổi chớp bóng gặp phim
dở-ợc. Đó là **Thời gian**, và sự
lâu dài, là một yếu tố không nhất
định. Nó **tương đối**, tùy
theo sự nhận xét của mỗi người,
hoặc tùy theo cảnh ngộ khác nhau.
Thí dụ nữa, như em có thằng tình
nhân...

— Đùng có nói ba-xam, nghen !
Em véo à !

— Thì thăng tình nhân đó là anh, không được sao ? Anh đi vắng, đáng lẽ 12 giờ anh về, mà 12 giờ 30 anh chưa về. Thời gian ba mươi phút em chờ anh, có phải em thấy lâu không ?

—Ờ ! (1) Chờ Minh 30 phút lâu bằng 3 tiếng đồng-hồ !

— Như thế là em đã chấp nhận rằng **thời gian là một yếu tố tương-đối** ?

—Ờ.

— Sự-kiện **tương-đối** đó chính là khởi điểm một cuộc cách-mạng khổng-lồ về vật-lý-học đưa đến việc chế-tạo trái bom Nguyên-tử đầu tiên thả xuống thành phố Hiroshima của Nhật.

Bà Tú trở mắt ngó ông Tú :

— Sao lạ vậy, Minh ?

— Thế người ta mới cho rằng Albert Einstein là một khối-óc vĩ-đại nhất của tất cả các thời-đại. Chính Einstein là cha đẻ của bom Nguyên-tử, sản-phẩm của thuyết **Tương-đối**, tuy rằng ông chỉ dùng trí-nghĩ và suy-nghiệm ra công thức trứ danh $E = MC^2$, nó là nguyên-tắc chế-tạo bom Nguyên-tử, chứ không phải chính ông

chủ-trương hoặc điều-khiến chế-tạo thứ bom ấy.

— Nói rằng thời-gian là tương-đối, thì em hiểu rồi. Nhưng làm sao với một sự-kiện như thế người ta chế tạo ra bom Nguyên-tử ?

— Thong-thả rồi chúng ta sẽ đề-cập đến 2 yếu tố **Thời-gian** (Le temps) và sự **chuyển-động** (le mouvement) đều là tương-đối. Nói chung, tất cả sự vật trên vũ trụ đều là tương-đối, chỉ trừ có **tốc độ của ánh sáng**, (La Vitesse de la Lumière) là tuyệt-đối mà thôi, là cố-định, không hề thay đổi.

— Minh ngưng tạm đó nhé. Em đã nhớ đến đó rồi. Em đã sẵn-sàng đề đi. Bây giờ hai đứa mình ra đi đã.

— Anh muốn thuê taxi đề đưa em đi, hoặc là tụi mình đi xe dờ.

(1) Đa số phụ-nữ miền Nam, nhất là trong giới Bình - dân, thường dùng tiếng « ở » kéo dài ra rất dề-thương... Việt-ngữ không có chữ nào diễn tả đúng tiếng ấy, nên tôi phải mượn mẫu-tự « r » để ghép vào thành tiếng « ở r » như « eur » của Pháp thêm dấu huyền.

— Sao Minh không lái cái « do-so-vô » nhà cho em đi ?

— Chiếc xe con cóc nhà này chạy cà-rịch cà-tang biết bao giờ tới Biên-Hòa ?

— Kệ nó, Minh. Thời-gian là tương-đối mà ! Mau hay chậm có nghĩa lý gì đâu. Miễn nội buổi sáng nay tới Biên-Hòa là được.

Bà Tú ngó đồng-hồ trên tường :

— Bây giờ mới 9 giờ. Hồng lẽ 12 giờ xe không tới Biên-Hòa sao ?

— Thôi được rồi, mời người đẹp ra đi.

Vừa lên ngồi trên xe bên cạnh ông Tú, Bà Tú đã nói :

— Minh nói tiếp về thuyết « Tương-đối » cho em nghe.

Xe chạy rầm-rầm giống như xe hủ-lô, ông Tú phải nói lớn Bà Tú mới nghe được :

— Năm, tháng, ngày, giờ, chỉ là những đơn-vị đo-lường thời-gian của quả Đất xoay chung-quanh mặt trời. Nhưng các đơn-vị ấy chỉ ghi tạm mà thôi, không tuyệt-đối đúng với thực tế. Thí dụ như một ngày ở Bắc-Băng-Dương đâu phải lâu dài như một ngày ở nhiệt-đới. Một tháng đâu phải luôn luôn là 30 ngày. Một năm cũng

không phải luôn luôn là 12 tháng.

—Ờ đúng, như năm nay âm-lịch có hai tháng Ba, thành ra năm nay có đến 13 tháng lận, há Minh.

— Âm-lịch hay Dương-lịch cũng đều chứng minh rằng các đơn-vị Năm, Tháng, Ngày, Giờ, đều là tương-đối, không nhất-định. Đó là nói riêng về Quả Đất của chúng ta. Còn trong vũ-trụ, **Thời gian tương-đối** lại càng rõ rệt hơn. Một ngày trên Mặt Trăng, hoặc trên Kim-Tinh, Thủy-Tinh, đều dài ngắn khác nhau, và cũng không phải 12 giờ như một ngày trên địa cầu, vì tốc độ của các hành tinh và đường quỹ-đạo của chúng không giống như của Quả Đất, và không giống lẫn nhau.

Một thí nghiệm nầy nữa của Einstein : một chiếc đồng hồ đề trên một phi cơ bay thật nhanh, hoặc trên một xe lửa chạy vùn vụt, chiếc đồng hồ ấy chạy chậm hơn một đồng hồ đề yên một chỗ trên bàn ở nhà. Bởi vì thời gian mau hay chậm là do sự **chuyển-động** (le mouvement). **Sự chuyển-động càng tăng nhanh chừng nào, chiếc đồng hồ càng chạy chậm chừng nấy. Nếu sự chuyển-động tăng đến tốc lực của ánh sáng (300.000 cs**

một giây đồng-hồ : Kms/seconde), là tốc lực cao-độ nhất trong vũ-trụ, thì chiếc đồng hồ sẽ ngưng hẳn, không chạy được nữa.

Bà Tú tỏ vẻ ngạc - nhiên. Nhưng ông Tú nói tiếp :

— Do thực-tế khoa-học mới lạ đó, Einstein bảo rằng : Thời gian không tuyệt đối, nó tùy thuộc theo sự chuyển động. (Le temps n'est pas absolu, il est fonction du mouvement).

— Minh à. Nếu vậy thì trong lúc em ngồi trong xe đang chạy đây, chiếc đồng hồ em đeo tay chạy chậm hơn là nếu em để nó nằm yên một chỗ ở nhà ?

— Thuyết Tương-đối về tốc độ lấy tốc độ của ánh sáng làm giới hạn vì thời gian, không gian, và mọi sự vật đều tương đối, chỉ độc nhất có tốc lực của ánh sáng là tuyệt đối mà thôi. Tốc lực ấy, nhất định 300.000 ki-lô-mét một giây đồng hồ (Km/S) là bất di bất dịch, bất chấp thời gian, không gian, bất chấp cả mọi sự chuyển động. Thuyết Thời gian tương đối áp dụng thiết thực hơn đối với những tốc lực cao độ, còn đối với những tốc độ nhỏ thì không đáng kể. Nếu em đeo chiếc đồng hồ tay và

ngồi trong một máy bay phản lực, vượt qua bức tường âm thanh chẳng hạn, nghĩa là nhanh hơn tốc lực của âm thanh...

— Tốc lực của âm thanh là bao nhiêu, hả Minh ?

— Trong không khí O độ C, âm thanh truyền đi với tốc lực 331 mét một giây đồng hồ, m/s (1) nghĩa là 1.191 ki-lô-mét-giờ, thì em mới thấy rõ cây kim đồng hồ của em chạy chậm hơn là để ở nhà. Trên chuyển xe lửa tốc hành chuyển động với tốc độ tối đa của nó, em cũng thấy kim đồng hồ của em chạy chậm, nhưng không nghĩa-lý gì đối với tốc-lực của ánh-sáng. Đến tốc-lực tối-bực này (vitesse-limite) thì nhất-định cây kim đồng-hồ của em sẽ đứng hẳn, không chạy được nữa.

Bây giờ chúng ta tóm tắt lại một định-luật vật-lý của Einstein là sự tương-đối của thời-gian (La Relativité du Temps). Thời gian tùy-thuộc vào sự chuyển-động (le mouvement). Em hiểu mấy lời anh nói từ này giờ ?

(1) Theo Hàn-Lâm-Viện Khoa-học Pháp đã đo trong năm 1822, và được các Hàn-Lâm-Viện Quốc-tế xác-nhận là đúng.

— Hiểu lắm rồi.

— Thế thì em phải dâng cho anh một điều thuốc. Gói thuốc và hộp quẹt trong túi quần của anh. Thò tay vào đó mà lấy.

Bà Tú cười tủm-tím, ngoan-ngoãn làm theo lời ông Tú.

Bà đánh diêm châm thuốc đưa lên môi ông Tú :

— Nè, ông nội... Rồi sao nữa ?

— Giờ nói tiếp đến sự tương đối của chuyển động.

— Chừng nào đến công-thức $E=MC^2$?

— Nói đến chuyển động, rồi đến Tốc - lực của ánh sáng, rồi đến công thức $E=$, rồi sau rốt đến bom nguyên tử.

— Tới Biên-Hòa thì trái bom Nguyên tử của Minh sẽ nổ chưa ? Nổ nhanh hay nổ chậm ?

— Tương đối. Còn tùy thuộc nơi cái xe con-cóc này. Nếu tốc lực của nó cứ trung thành với mức 12 cây-số-giờ như thế này thì đến Biên-Hòa bom nguyên tử nhất định nổ rồi... Bây giờ nói về sự tương đối của chuyển động, và của không gian... Từ này giờ em ngồi trong xe đây, có hàng mấy chục chiếc xe của người ta chạy ngược chiều xe mình. Em có để ý thấy những xe đó chạy vọt qua thật nhanh không ?

— Có.

— Đừng nói đến cái xe hủ-lô trừ danh của nhà ta, giá-sử em ngồi trong một chiếc xe chạy rất nhanh, 120 cây số giờ chẳng hạn, em sẽ thấy xe của người ta chạy vọt qua xe em thế nào cũng nhanh hơn.

— Đúng. Tại sao thế, Minh nhi ?

— Tại vì, theo một định luật khoa học của Newton, khi hai vật đang chuyển động ngược chiều mà gặp nhau, thì hai tốc lực cộng lại với nhau. Thí - dụ : chiếc xe A đang chạy với tốc-lực 60 Km-giờ từ Thủ Đức lên, gặp chiếc xe B cũng đang chạy 60 Km-giờ từ Saigon xuống, hai cái gặp và tránh nhau trên cầu xa - lộ chẳng hạn, thì ngay lúc đó người ngồi trong xe A thấy tốc-lực của xe B là $60\text{km} + 60\text{km} = 120\text{km-giờ}$. Người ngồi trong xe B cũng thấy xe A chạy nhanh đến 120 Km-giờ. Xe nào cũng thấy xe kia chạy vọt qua nhanh hơn xe mình gặp hai lần, nhưng tại vì 2 tốc độ cộng vào với nhau trong lúc gặp nhau nên mình cảm thấy như thế đó, chứ thực sự mỗi xe đều chỉ chạy 60 Km-giờ mà thôi. Thí dụ nữa : xe con-cóc của mình đang chạy 12 Km-giờ từ Saigon xuống gặp chiếc xe hủ-lô của Công Chánh chạy từ Thủ Đức lên cũng với

tốc-độ 12 Km-giờ, bắt ngờ hai xe đồng-chí gần giáp mặt nhau, lính quính thế nào mà cùng nhau húc vào một cây Phượng bên lề đường. Đố em biết hai xe đó đâm vào cây Phượng với sức mạnh là bao nhiêu ?

— Mình hỏi em hả ?

— Ờ...

— Thì theo định - luật vật-lý như Mình vừa giảng, xe hủ-lô và xe mình đâm vào cây Phượng với sức mạnh bằng một xe hủ-lô đang chạy $12\text{km} + 12\text{km} = 24\text{Km-giờ}$ đâm vào nó. Phải hông ?

— O.K.

— Do những thí-nghiệm trên, Nhà Đại-Bác-học Anh, Newton, (1643-1727) đã đặt ra định luật : nếu bất-cứ hai vật nào đang chuyển-động ngược chiều và gặp nhau, thì hai tốc-lực cộng vào với nhau.

Nhưng hai nhà bác-học Mỹ, Edward Morlay và Albert Michelson (1852-1931. Giải Nobel vật lý 1907) thí-nghiệm về tốc-độ của ánh-sáng, phát minh rằng: tốc-độ của ánh-sáng luôn luôn nhất-định là 300.000km-giây, bất-cứ là tia sáng chuyển-động từ đâu đến và chuyển-động cách nào. Thời-gian và sự chuyển-động trong vũ-

trụ (Le Temps et le Mouvement) không có chút ảnh-hưởng gì đến tốc-lực của ánh-sáng. Nói rõ hơn, hai tia sáng chuyển-động ngược chiều chạm vào nhau, tốc-lực của nó không tăng, mà vẫn y-nguyên là 300.000 km/s. Sự phát-minh của Morlay và Michelson không làm cho giới khoa-học quốc-tế tin-tưởng. Phải đợi đến những bài toán chứng-minh xác-thật của Albert Einstein và thuyết Tương-đối của ông mới làm cho toàn-thế-thế-giới khoa-học ngạc-nhiên và làm thay-đổi tất cả quan-niệm về vũ-trụ. Albert Einstein tuyên-bố : **« Tốc-lực của ánh-sáng là nhất-định, và Newton đã sai-lầm. »** Puisque la Vitesse de la lumière est fixe, Newton s'est trompé ».

Và lại, theo Newton thì không-gian và thời-gian là nhất-định, không thay-đổi, còn ánh-sáng là một nguyên-tử mà tốc-lực có thể thay-đổi tùy theo sự chuyển-động của ether.

— Ether là cái gì ?

— Ở thời Newton, khoa-học nhận xét rằng ở thượng-tầng không-khí bao-bọc quả Địa-cầu, có một lớp không-khí lỏng (fluide) làm tác-nhân truyền ánh-

sáng của Mặt-trời xuống Qu^ả Đất. Lớp không-khí lỏng đó được gọi là ether (ê-te). Cơ-học-luận cổ-diễn về vũ-trụ (La mécanique classique) của Newton cho rằng tốc-độ của ánh-sáng là thay-đổi tùy thuộc với sự chuyển-động của lớp không-khí ether, còn thời-gian và không-gian thì nhất-định, tuyệt-đối. Einstein chứng-minh hoàn-toàn trái-hắn, như đã giảng giải từ nãy :

— Thời-gian là tương-đối.

— Không-gian là tương-đối.

— Tốc-lực của ánh-sáng là tuyệt-đối, cố-định. Do đó, khoa-học hiện-đại đã công-nhận rằng thuyết Tương-đối (La Théorie de la Relativité) của Albert Einstein đã mở-ra kỷ-nguyên cách-mạng khoa-học của Thế-kỷ XX. Hàn-Lâm-Viện Thụy-Điền tặng ông Giải Nobel Vật-lý năm 1922 về công-trình phát-minh vĩ-đại ấy... Em đã hiểu đến đây chưa ?

— Em hiểu về Thời-gian tương-đối, và tốc-lực nhất-định của ánh-sáng, như Mình đã giảng. Nhưng về không-gian tương-đối thì em còn thấy tu-lơ-mơ...

— Lúc nãy, đã nói về sự tương-đối của chuyển-động (la

relativité du mouvement). Anh nói thêm vài thí-nghiệm và nhận-xét của Albert Einstein để em hết... tu-lơ-mơ nhé.

— Hoan-ngheh hết mình-mấy!

— Em đã đi xe lửa lần nào chưa ?

— Ba lần rồi.

— Có lúc nào em ngồi trong toa xe lửa, xe lửa đang chạy rầm-rầm mà em thấy như xe-lửa đứng yên một chỗ không ?

— À, có, Mình ơi ! Một lần ở ga Tourcham (gần Tuy-Hòa) là nơi hai chuyến xe lửa ở Bắc vào và ở Nam ra thường gặp nhau cùng một lúc trên hai đường sắt song-song. Em ở Sài-gòn ra, xe còn đang chạy trước sân ga thì chuyến xe ở ngoài vào cũng chạy song-song với chuyến xe của em. Nhưng em chỉ thấy xe kia chạy vụt qua thật nhanh, còn xe của em đã ngừng rồi, hết chạy. Một chập, xe kia ngừng, em mới thấy rằng xe của em vẫn còn từ từ chạy trên đường rầy, một phút sau mới xi-tốp.

— Đó là một nhận-xét đúng như Albert Einstein đã nhận-xét. Bây-giờ anh hỏi em : Em đã đi máy-bay lần nào chưa ?

— Có đi một lần, hỏi em thì đỗ Trung-học Đệ-nhứt-cấp, Má

thở rộng em một chuyến du-lịch ra Huế bằng máy bay.

— Em đi một mình hả ?

— Gớm, đời nào ! Đi với Má chớ bộ !

— Đi bằng phi cơ kiểu gì ? Mau hay chậm ?

— Hình như là chiếc máy bay B...52. Bay mau ơ! là mau !

Ông Tú phì cười :

— Em nói dốc. B 52 là máy bay ném bom hạng nặng của Mỹ, em đi du lịch bằng Hàng Không Việt-Nam làm gì có B 52 ?

Bà Tú mắc cở, đỏ ửng đôi má, nhưng bà cũng bàu chữa cho được :

— Thì em nói dốc với Minh một chút chơi hồng được sao ?

Rồi bà véo nhẹ một cái vào cánh tay của ông Tú, ông Tú phớt tỉnh, hỏi :

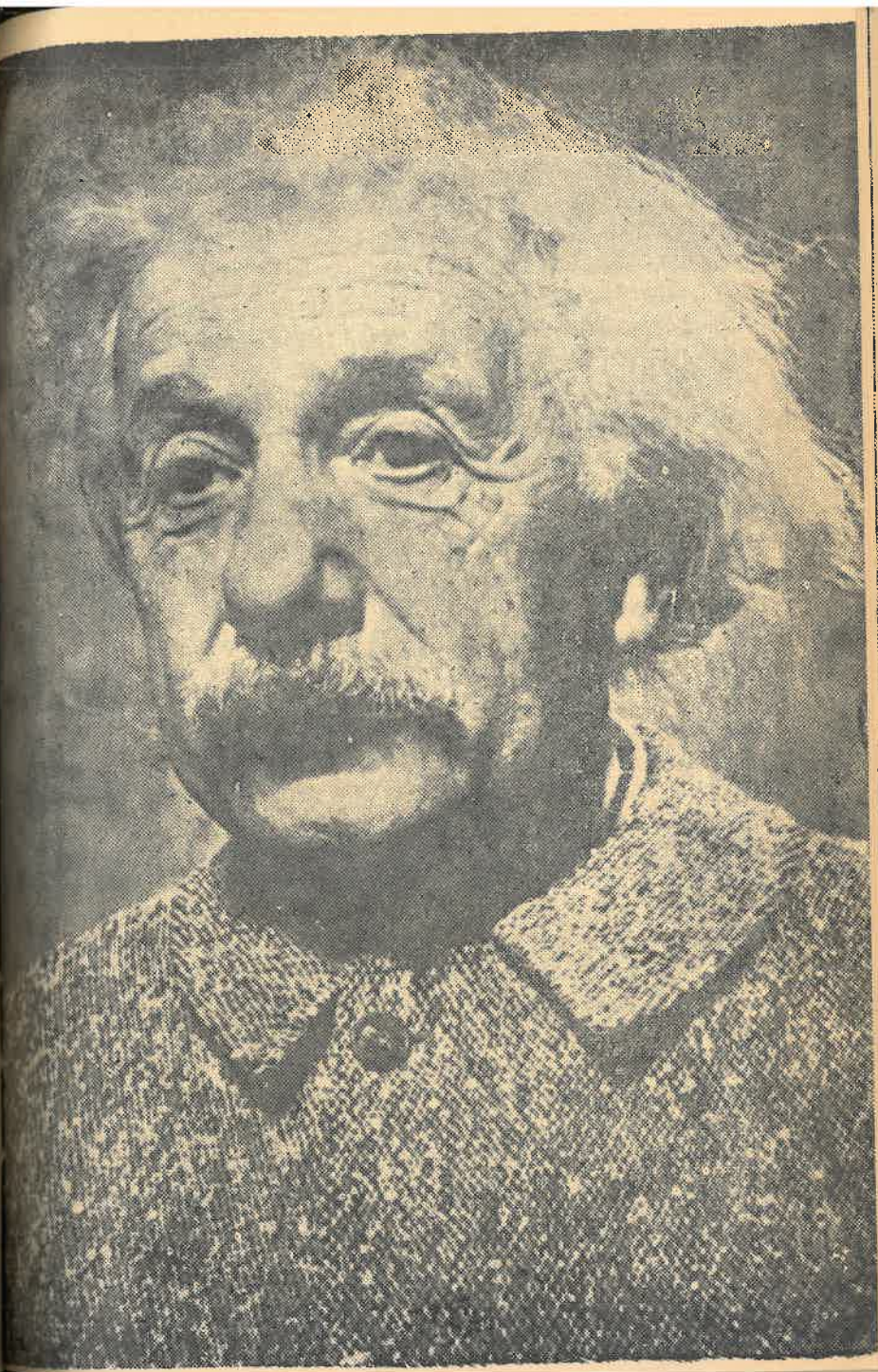
— Có lúc nào trên máy bay đang bay mà em thấy như là máy bay đứng yên một chỗ không ?

— Có chớ, Minh ! Hồi lên phi-cơ, em năn nỉ Má cho em ngồi gần chỗ cửa kiếng để em ngắm xuống phong cảnh dưới đất, và ngắm mây. Có lúc em mãi ngắm những đám mây trắng như bông gòn, đẹp ơ! là đẹp, kể tiếp nhau bay vùn vụt

trên không gian, tự nhiên em quây lại hỏi Má : « Má ơ! Má, sao máy bay đứng yên một chỗ, má ơ! » Má cười bảo : « Nó đang bay đấy chứ », em nhất định cãi : « Rồi-ràng con thấy nó đứng yên một chỗ, không nhúc nhích, con chỉ nghe tiếng động cơ thôi, má à. » Má không tin, Má cười, bảo em là phi-cơ đang bay. Nhưng một lúc em để ý thấy các ngọn núi ở xa xa, cũng như các phong cảnh rừng, gò, ruộng, sông, nhà, đường cái, ở dưới đất thay đổi luôn luôn, hết cảnh này tới cảnh khác, em mới biết là phi cơ đang bay. Tại sao vậy hả Minh ?

Ông Tú cười thoải-mái :

— Albert Einstein cũng nhận thấy giống như em hai hiện-tượng trên chiếc xe lửa và trên chiếc máy bay, và ông suy-nghiệm về những hiện-tượng khác nữa trong không gian, rồi ông bảo : sự **chuyển-động là tương-đối**, (le mouvement est relatif). Ta chỉ nhận-định một vật gì đang chuyển - động là khi nào ta có một điểm mục-tiêu nào đó, để làm dấu. Trong trường hợp trên phi-cơ, điểm mục-tiêu (point de repère) là núi, sông, gò, ruộng, phong cảnh ở dưới đất, như



nh một chỗ. Khi em đề-ý thấy tiếp cảnh này đến cảnh khác mới nhận-định rằng chiếc phi-cơ đang chuyển-động. Thí dụ em đứng nhìn thấy một nhà ngói, mái ngói đỏ trên một đám ruộng xanh rợn, đó là điểm mục-tiêu. Khi em lấy mái ngói đỏ ấy làm dấu, thì một lúc sau mái ngói: dấu mất, và lại kế-tiếp là một con sông, em mới biết là phi-cơ đang bay chứ không phải đang đứng yên một chỗ như em đã tưởng. Như sự chuyển-động của chiếc phi-cơ tương-đối, chứ đâu phải tuyệt-đối. Nó tùy-thuộc theo thời-gian, theo vị-trí của người nhận xét, và theo tốc-độ của sự-vật v.v... Sự chuyển-động ấy chính là diễn tả sự bất-thường rõ-rệt của không gian (espace). Đây là quan-niệm « Tương-đối của Không-gian » trong thuyết Tương-đối của Albert Einstein.

Do ba hiện-tượng thực-tế về khoa-học như đã giải-bày từ này đến giờ: 1º) sự tương-đối của thời gian, 2º) sự tương-đối của không gian. 3º) Sự tuyệt-đối bất di bất dịch của tốc-độ ánh sáng, mà nhà bác học vĩ-đại Do - Thái Đức, Albert Einstein, đã phát minh ra công

thức $E = MC^2$, thành nguyên tắc chế tạo bom nguyên tử. Thế có lạ không!

— Lạ thiệt đó!

— Nhưng khi hiểu rồi thì thấy không có gì lạ nữa. Trên vũ-trụ, mọi sự đều tương-đối, thật đúng theo thuyết của Albert Einstein. Có điều không ngờ, là nhà Bác học đi từ thí nghiệm này đến thí nghiệm khác, từ nhân đến quả, từ suy luận nọ đến suy luận kia, đã tiến tới một kết quả phi thường nhiều khi vượt quá trí tưởng tượng của loài người.

Albert Einstein tự hỏi một khi đã chứng minh rằng Thời gian và Không gian đều tương-đối, thì có lẽ nào trọng khối (la masse) của các thể chất lại không tương-đối?

— Nghĩa là sao hả Minh?

— Thí dụ: một hòn đá là một thể chất, (un corps). Ôm hòn đá lên thấy nó nặng. Cái làm thành sức nặng đó gọi là trọng khối, hay là khối lượng, (la masse). Hoặc em ra chợ mua một con cá cân nặng 2 kí 500. Cái chất làm ra sức nặng đó, tức là cái trọng khối của nó, cái masse của nó là 2 kí 500.

Einstein nghĩ rằng trọng khối của các thể chất cũng thay đổi, tùy theo thời gian, không gian, và

các yếu tố khác. Chứ nó không thể nhất định được.

Anh nhắc lại hiện tượng chiếc đồng hồ trong phi cơ. Máy bay càng bay nhanh, cây kim đồng hồ càng chạy chậm. Khi tốc-độ của phi cơ vượt tới tốc-độ tột bực trong vũ trụ (tốc-độ ánh sáng ...

— Tức là 300.000 của km/s?

—Ờ... thì kim đồng hồ sẽ ngưng hẳn, không chạy được nữa. Tại sao vậy? Tại vì, thuyết Tương-đối của Albert Einstein đã chứng minh rằng tốc-độ của một vật nào đó càng tăng lên, thì thể tích của nó (son volume) càng giảm bớt.

Do đó, thể tích của chiếc đồng hồ ở trong phi cơ bị thu nhỏ lại, và kim phải chạy chậm lại. Cho đến khi tốc-độ của phi cơ vượt đến tốc-độ của ánh sáng thì thể tích của phi cơ sẽ mất hẳn và chiếc đồng hồ cũng không còn hoạt động gì được nữa. Kim đồng hồ ngừng hẳn.

— Nếu thể tích của nó biến mất hẳn, thì trọng khối của nó đâu, Minh?

— Tốc-độ càng nhanh, thì thể tích càng giảm, nhưng **trọng khối càng tăng**, (si le volume des corps diminue à mesure que leur vitesse augmente, en revanche

leur masse s'accroît).

— Em chưa hiểu.

— Anh nói rõ hơn đây nè. Lấy thí dụ một vật khác vậy, một hình cầu, một quả tạ chẳng hạn, để dễ hiểu hơn. Giả sử ta có một quả tạ thật tròn mà thể tích là 34 mét-khối, cân nặng 100 kí-lô. Ta nhờ một hỏa-tiến chở nó lên không-gian đến một khoảng cách nào đó hỏa-tiến sẽ tách ra, để quả tạ bay một mình. Thí dụ nó có các máy móc để tự bay được như một phi thuyền vậy. Nó bay mỗi lúc mỗi nhanh, 1km/s, 10 Km/s... 100 Km/s... 1.000km/s... 100.000 Km/s... v.v... thì thể tích của nó cũng giảm xuống dần dần theo một mức-độ nào đó. Đến khi tốc-độ của nó đến 270.000 Km/s, nghĩa là 90% tốc-độ ánh sáng, thì thể tích của nó chỉ còn một nửa thôi, nghĩa là 17 mét khối. Đến tốc-độ của ánh sáng là (300.000 Km/s) thì thể tích của nó sẽ hoàn toàn không còn nữa. Nhưng đồng thời trọng khối của nó lại tăng lên, thí-dụ như từ 100 kí lên đến 1000 kí... Hiện tượng đó xác nhận sự tương-đối của thể tích cùng sự liên-đối của nó với trọng khối và tốc-độ của ánh sáng.

Đồng thời, Einstein làm những bài toán vật-lý chứng minh rằng tốc-lực tương đối của các vật, các thể, không phải cộng vào với nhau một cách giản dị theo thuyết Newton, khi hai vật đó chuyển động ngược chiều nhau rất nhanh và chạm phải nhau. Thí-dụ :

10 km/s chạm với 5 km/s có thể cộng lại thành 15 Km/s, vì tốc lực này còn yếu, nhưng 200.000 km/s cộng vào 100.000 Km/s chỉ thành 245.000 Km/s mà thôi, chứ không phải 300.000km/s. Với những dữ-kiện kỳ-lạ như vậy, Einstein làm thành những bài toán vật-lý vô cùng cao-siêu, phức-tạp, rồi sau cùng đặt ra, thành một phương - trình đề - cụ-thê-hóa một định-luật mới về vũ-trụ :

$$m = \frac{E}{c^2}$$

m, là masse, trọng-khối.
E, là Energie, năng-lực.
c, là tốc-độ của ánh-sáng, tính bằng centimètre-seconde.

Do đó, thành ra phương-trình :

$$E = mc^2$$

Năng-lực **E** chứa đựng trong một vật nào đó (hoặc là trong một phần nhỏ của vật đó) là bằng với

trọng-khối **m** của vật ấy (hay 1 phần nhỏ của vật ấy), tính bằng *grammes*, nhưn với bình-phương của tốc-lực ánh-sáng, **c**, tính bằng Centimètre-seconde (xăng-ti-mét-giây).

L'énergie E contenue dans une matière quelconque (ou un fragment de cette matière) est égale à la masse m de cette matière, ou de ce fragment, évaluée en gramme, multipliée par le carré de vitesse de la lumière, évaluée en Centimètre-seconde.

Đề anh nói thêm cho dễ hiểu hơn nữa. Định-luật trên đây làm sáng tỏ sự đương lượng (équivalence) giữa trọng khối (masse) và Năng lực (Energie). Bất cứ một năng lực nào đều có một trọng khối, và cái chất (matière) chỉ là một hình thể của Năng lực : với Năng lực ấy phát xuất thành tia sáng, ta tạo được ra cái chất. Nói ngược lại, bất cứ một trọng khối nào đang biến mất đều phóng ra năng lực thành tia sáng... Vì thế nên chất khinh khí dễ mất bớt một ít trọng khối, tạo ra được những nguyên tử năng của hóa học. Và cũng do định luật đó mà người ta có thể hiểu được nguyên nhân các ngôi sao chiếu sáng. Các ngôi sao chứa

những chất khí (gaz) đọng thành trọng khối, trọng khối đó biến mất phần nào thì phần mất đó phóng ra năng lực thành tia sáng (énergie rayonnée) của ngôi sao.

Tóm lại, bất cứ chất nào (matière) cũng chứa trong hạt nhân của nó (noyau), nghĩa là trong trọng tâm nguyên tử của nó, một kho năng lực vô cùng mãnh liệt. Công thức :

$$E = mc^2$$

của Albert Einstein, cô đọng tất cả vật lý thuyết về Tương đối, chính là chi phối những kết quả của các phản ứng nguyên tử lực của cái chất (la matière).

Bà Tú nhòen một nụ cười duyên dáng lạ :

— Minh đưa em đi lần lần đến trái bom nguyên tử rồi đó phải hông ?

Ông Tú đáp lại bằng một nụ cười nhẹ nhõm, nhưng ông tiếp tục :

— Công thức của Einstein có nghĩa là nếu ai tìm ra được phép giải kỹ thuật của phương trình đó, thì với một kí-lô than (mà người ta đốt, để làm mất trọng khối của nó), hoặc là một kí-lô sấp, một kí-lô gạo, v.v... bất cứ một chất gì, thì cái trọng khối bị mất đó phải tạo ra 25 ngàn tỷ

(25.000.000.000.000) kí-lô-watt điện lực trong một giờ. Nhưng phải dùng phương tiện kỹ thuật nào để biến cái chất ấy ra thành Năng lực ?

Đó là kết luận kinh khủng, ngoài tưởng tượng của con người mà Albert Einstein, đã đưa ra làm choáng váng cả trí óc của toàn thể giới Khoa học của Hoàn cầu. Nên nhớ rằng Thuyết Tương đối này, Einstein gọi là Tương đối Thu Hẹp (*Relativité restreinte*), thu hẹp trong phạm vi Thời gian — Không gian, Năng lực, và Tốc lực của ánh sáng mà thôi. Thuyết ấy, ông phát minh ra năm 1905, lúc ông mới có 26 tuổi. Ông chỉ đưa ra một phương-trình, ông không cần tìm ra phép-giải. Ông đã bảo ông chỉ là một lý-thuyết-gia, chứ không phải một kỹ-thuật-gia. Trí óc vĩ-dại phi-thường của ông suy-nghiệm và đặt ra một công-thức, rồi ông bỏ mặc cho các nhà kỹ thuật tìm ra phép giải cụ thể. Các nhà bác học thế giới đã nát óc với công-thức rất giản-dị và rất ngắn ngủi đó, chỉ gồm vôn vện có 3 mẫu tự. Suốt trong 40 năm. Mãi đến tháng 7/1945, tại nhà bác học Ý Enrico Fermi, và Mỹ Leo Szilard, mới đem đến trình,

cho Albert Einstein xem kết quả công trình khảo cứu của họ và thuyết Tương đối Thu hẹp, và cả sự áp dụng công thức $E = mc^2$ thành một phát minh cụ thể khủng khiếp phi thường, đó là nguyên tắc chế tạo bom Nguyên tử!

Albert Einstein hoảng hốt... ông tưởng người ta sẽ thực hiện lý thuyết của ông để chế tạo ra ánh-sáng điện lực, ông dè dặt người ta lại tạo ra ánh-sáng nguyên tử giết người. Ngày 16-7-1945, tại sa mạc Alamogordo ở New-Mexico, Albert Einstein chứng kiến cuộc thí nghiệm trái bom nguyên tử đầu tiên nổ trên Địa cầu, bằng chứng bất ngờ, và vô cùng khủng khiếp, vô cùng nguy hiểm. xác nhận tất cả các định luật về Thuyết Tương đối của Albert Einstein! Vô tình, ông bị người ta suy tôn làm bậc cha đẻ của bom Nguyên tử và cả bom Kinh-khí! Mặc dầu ông cứ chối đây đẩy, không chịu nhận.

Chiếc xe con cóc của ông Tú chạy khập khễnh qua cầu sắt sông Đồng Nai. Đến giữa cầu, Bà Tú khò khài:



— Mình cho trái bom nguyên tử nổ vừa đúng lúc tới Biên-Hòa... Mình giỏi quá...

Bỗng một tiếng nổ chát chúa khiến Bà Tú dụi mắt, hết hồn hết vía. Chiếc xe con cóc liềng xiềng, vẹo qua vẹo lại. Tất cả lính gác cầu và hành khách trên cầu đều ngỡ ngác lo ngại. Nhiều người cầm đầu chạy. Hai người lính cầm súng carbine, nét mặt hầm hăm, tiến đến nơi phát ra tiếng nổ. Ông Tú cười bảo họ:

— Cái xe của tôi nổ lốp, chó không có gì đâu!

Quả nhiên cái bánh trước xẹp lép, chiếc xe đơ-sơ-vô coi bộ muốn nhào đầu xuống sông. Hai người lính giúp sức với Bà Tú, đẩy xe qua khỏi cầu.

Ông Tú bà Tú cảm ơn họ xong, bà khẽ khen ông Tú:

— Mình hên thiệt. Bom nguyên tử của mình nổ mà không chết ai!..

Biên Hòa

Đêm sẽ đẹp vô cùng
Và mặt trăng bắt đầu chiếu xuống
Trong ngôi nhà đổ nát
Em có thấy gì không?
Một người mù cất tiếng hát
Thế giới của chúng mình
Không còn như thế đó

☉ TỐNG-MINH-PHỤNG

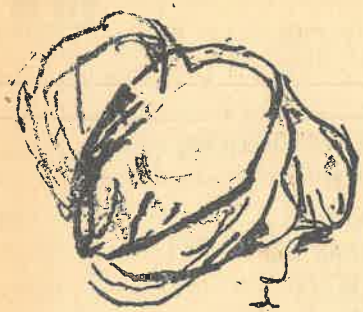


thoại khúc 6

Tay này tay đó buông xuôi
thân này thân đó ngậm ngùi thế sao
giờ trôi hai nẻo chia xa
phương trời tiếng nhớ mặn mà đôi phiến
tờ em cõi đó trần huyên
tờ em cõi đó tôi phiến lụy tôi
vỗ tay đêm những liên hồi
có chăng hay cũng một tờ thì thầm.

tháng 4-66

★ CHU-TRÂM NGUYỄN-MINH



Truyện ngắn

B Ụ C M Ì N H

★ PHƯƠNG-DUYÊN

DỀ mình Nguyễn nói chuyện với bà chủ nhà. Vân đi dần ra lối ngõ. Trời buổi trưa nắng chói chan. Vân ngửa mặt nhìn lên hàng cây đầu phố, những tấm bảng quảng cáo treo đầy. Vân tần ngần đọc từng giòng... Một bàn tay đặt nhẹ lên vai, Vân giật mình quay lại :

— Em ra đây, mà để anh tìm.

Vân mỉm cười, hỏi Nguyễn :

— Cứ ngần ấy câu hỏi, ngần ấy câu trả lời, em sợ quá. Anh trả giá xong chưa ?

— Bà ấy bớt xuống còn một vạn, mình đưa trước năm, còn thì trả từng tháng một.

— Vân sẽ lắc đầu :

— Em đã bảo anh đừng hỏi mất công. Lúc mới nhìn giòng chữ « Floor for rent » em đã nghĩ rằng mình không phải là người ngoại quốc.

Chợt nhìn lên tấm bảng treo ở thân cây, Nguyễn bảo :

— Em đi cùng anh đến địa chỉ này xem thử ra sao.

Vân sửa lại chiếc khăn :

— Có lẽ phố này thuận để ngoại kiều thuê anh nhỉ ?

Chiếc xe dừng lại trước một căn nhà lầu nhỏ, nước sơn mới quét có vẻ xinh xắn, dễ yêu, Vân bấm chuông. Một thiếu phụ trẻ tuổi ra mở cổng. Sau vài giây bỡ ngỡ, người lạ chợt reo lên :

— Ở kia, tôi trông bà có vẻ quen nhiều lắm. Xin lỗi, trước kia bà học ở T.V ?

Vân đã nhận ra bạn cũ, mỉm cười :

— Có. Thảo dễ quên, bây giờ Thảo còn đi học nữa không ?

Thảo nhanh nhẹn tránh sang bên, mời Vân và Nguyễn vào phòng khách :

— Sức mấy ! Bây giờ Thảo đi làm, về nhà trông nom các cháu thế là đã mệt nhoài.

— Nhà này Thảo định cho thuê bao nhiêu mỗi tháng ?

Thảo thông thả mở quạt, bày ly nước ngọt ra bàn :

— Làm gì mà gấp thế, lâu ngày mới gặp Vân. À, anh Thảo định hai vạn một tháng nhưng chỉ dưới nhà thôi bên trên đã có người thuê.

— Thế Vân thuê thì bao nhiêu ?

Thảo đánh mạnh vào tay Vân, cười :

— Bỏ đi Vân, thế Vân bỏ bà cụ một mình sao ? Thảo định cho thuê nhà xong, tìm đến Vân ở trọ.

Nhìn mặt Nguyễn hơi cau lại. Vân gỡ nhẹ tay Thảo hỏi:
— Vân nói thật mà. Lúc này Thảo làm ở « sở Mỹ »
phải không ? Thảo đừng quên Vân là người Việt-Nam
đấy nhé.

Thảo lắc đầu :

— Thôi khuyên Vân đừng thuê nữa, tụi Mỹ nó ở phía
trên phá như quỷ sống, Vân không chịu nổi đâu.

Vân thất vọng :

— Biết lắm mà. Có lẽ Vân đi tìm mãi tìm hoài cũng
không ra được một căn nhà.

Thảo e-ngại :

— Vân thuê cho Vân thật sao? Hay để Thảo đuổi bọn
nó đi, Vân nhé ! Hết dãy nhà này của Thảo, nhưng đã
cho thuê tất cả rồi. Bọn Thảo thì ở một nơi riêng, khu
này phần đông là chò lính Mỹ thuê ở trên lầu, tụi nó
có phá phách thật, nhưng anh Thảo đã biên kỹ số
quân, có gì còn đền bồi được. Vội lại thỉnh thoảng tụi nó
mới về ngủ lại một đêm. Thế Vân nghĩ thế nào ?

— Vân thuê cho bên anh Nguyễn, nhà chỉ có ba
người.

— Ba người thì Vân nên tìm những căn nhà hai ba
nghìn một tháng kẻo phí lắm.

Vân đứng lên quên cả uống nước Thảo mời...

— Vân lại đi tìm. Hôm nào mời Thảo đến Vân chơi.
Vân nơi cũ Thảo đến ngày xưa.

— Thế là tuyệt vọng Vân nhỉ ? Trời nắng, anh mệt và
khát quá.

Vân cúi cho thấp xuống bên sau Nguyễn để tránh
một cành hoa vương ở lối đi :

— Em cũng mệt, bây giờ còn một địa chỉ cứu tinh.
Anh biết nhà chú Tinh em không ?

Nguyễn reo lên :

— A ! anh nhớ ra rồi, nhưng Vân quên chú vừa đi
Nhật sao ?

Mặt Vân xịu xuống :

— Thế mình về hay anh muốn đi tìm nữa ?

— Đi một vòng nữa thử xem.

Chiếc xe lại được lái quay về hướng khác. Vân
cúi xem đồng hồ. Mới đây mà đã một giờ trưa.
Con đường dẫn về ngoại ô thành phố có vẻ
dễ chịu với hai hàng cây râm mát. Vân đưa mắt dăm
dăm nhìn ra hai phía phố chú ý tìm những tấm bảng nhỏ
cho thuê nhà treo trên cánh cửa. Sau những lần ngã giá,
Vân mới thực sự chán nản. Từ những ngôi nhà lầu sang
rộng đến các căn phố nhỏ tồi tàn đều trả lời Vân những
giọng đôi hỏi kiêu kỳ. Những lúc như thế này Vân lại
chợt nghĩ đến quê mẹ với những ngôi nhà cỏ rộng, khu
vườn bao trùm suốt một vùng. Tự nhiên Vân ao ước :

« Giá bây giờ mình về được, cất một ngôi nhà nhỏ
thật xinh, chung quanh nhà sẽ trồng thật nhiều hoa cho
bỏ những lúc phải tìm nhà cực khổ. »

Chợt có tiếng Nguyễn hỏi phía trước kéo Vân ra khỏi
phút suy tư :

— Cô nàng Thảo nào bạn em, có thân không mà anh
không biết ?

— Thân thì chả hiểu có thân không nhưng ngày xưa
tụi em học cùng một lớp. Thảo học giỏi nhưng nhà nghèo
lắm anh ạ. Về sau vào y khoa, lấy được chồng giàu, rồi đi

làm, nghỉ học. Hồi con gái Thảo vẫn đến học chung sách với em luôn. Thảo tài thật anh dù mấy lần vì nghèo phải bỏ dở sự học, nhưng Thảo vẫn cố gắng. Thảo muốn về sau phải là một bà bác sĩ.

Nguyễn có vẻ nghĩ ngợi, lặng im, cho mãi đến lúc chiếc xe dừng lại trước căn nhà quen thuộc. Vân chạy vội lên phòng, và trả lời câu mẹ hỏi bằng cái lắc đầu :

— Giá ngày trước mẹ mua cho Vân thật nhiều nhà để bây giờ khỏi phải tìm chỗ ở. Mẹ Vân lắc đầu bảo Nguyễn:

— Cái cô bé đến hay, giá thuê nhà cho nó, nó đã nằm lăn ra mà khóc. Thôi, các con vào rửa mặt để mẹ bảo hâm lại các thức ăn, để thường Vân đã đói lắm rồi.

Rồi bà gọi vọng lên :

— Vân có nước dứa mẹ để trong tủ lạnh uống chưa ?

Vân đang thay áo trong phòng phụng phịu :

— Không, mẹ bảo chị bếp đem lên cho con cocacola

kia mẹ.

...Vân uống vội nước, kéo rộng tấm màn ở cửa nằm xuống giường mệt mỏi. Có tiếng mẹ Vân và Nguyễn nói chuyện phía dưới cầu thang. Vân loáng thoáng lắng nghe. Mãi một lúc sau Nguyễn mới bước vào, ngồi xuống cạnh Vân :

— Mẹ bảo sẽ mua hộ căn phố gần nhà, Vân nghĩ thế nào ?

— Vân muốn biết anh đã nhận lời chưa ?

— Anh nói để hỏi lại ý mẹ anh. Thế Vân nghĩ thế nào ? Làm phiền mẹ quá nhiều, anh ngại lắm.

Vân khẽ lắc đầu :

— Tùy anh. Tìm nhà mãi không ra Vân nản quá.

Có tiếng mẹ gọi, Vân bảo Nguyễn :

— Minh xuống anh nhé, kéo mẹ chờ. Có lẽ mẹ đợi em cùng ăn, tội nghiệp, lúc nào mẹ cũng sẵn sóc xem như em còn bé bỏng.

Nhìn lại một lần nữa căn phòng rộng mát và xinh xắn, Vân sung sướng đi theo Nguyễn từng bước chậm. Nổi chán nản ban trưa chợt biến đi, cùng một lúc với những niềm tin yêu chan chứa tràn đầy.

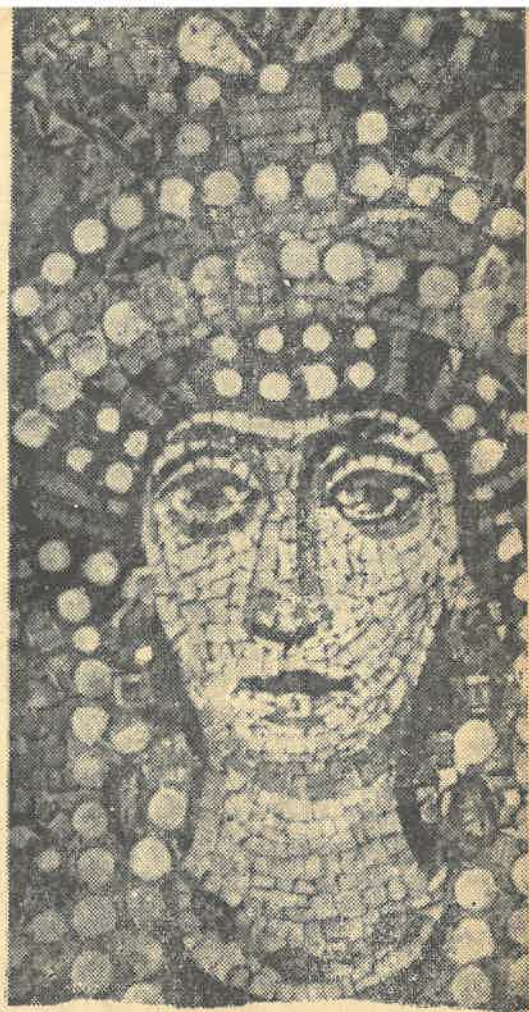
NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ
LÙNG DANH TRONG
LỊCH - SỬ



22.—

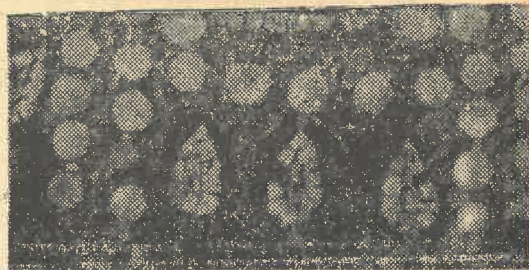
HOÀNG

HẬU



THEODOR

TÂN - PHONG



● Từ con gái một chú gác
đang trường Đua ngựa...
đến cô gái diêm... lên ngôi
Hoàng Hậu



Đế quốc Byzantin là một nước rộng mênh mông rất hùng cường, bao gồm cả Hy - Lạp, Thổ-nhĩ-Kỳ, Syrie, Liban, Palestine, và Bắc phần Ai-cập hiện nay dọc theo Hồng Hải và Địa-trung-Hải, lừng danh suốt 1123 năm Lịch sử oai hùng của nó. Người Âu Châu còn gọi nước ấy là *Empire Romain d'Orient* (Đông La Mã Đế-quốc) bởi trước kia nó thuộc về Đại Đế quốc La Mã, nhưng từ năm 330 sau J.C. nó tách riêng ra, tự lập thành Đế quốc Byzantin ở phương Đông. Mãi đến năm 1453 nó mới bị sụp đổ vì nội chiến, do những chia rẽ chính trị và tôn giáo.

● Vị Đại-Đế đầu tiên có công gây dựng Đế quốc Byzantin tên là **Constantin**, cho nên thủ-đô của Tân Đế-quốc được đặt tên là **Constantinople**. Thủ đô này được xây-dựng ngay tại vị - trí cũ của một thành phố đã điêu tàn nhưng đã nổi danh trong Lịch-sử thời Thượng Cổ, tên là **Byzance**. Thế kỷ thứ VII trước J.C. Cho nên quốc hiệu của Tân Đế quốc được đặt là Đế quốc **Byzantin**.

Khi **Théodora** lên ngôi Hoàng Hậu, Thế-kỷ thứ IV sau J.C., Đế-quốc Byzantin đang ở trong thời-kỳ cường thịnh, được tất cả các Đế-quốc Âu-châu và Á-châu, Trung-Quốc, Ấn-Độ, Ba-Tur, Ai-Cập, kính nể.

Nhưng coi lại tiểu sử, thì Hoàng Hậu **Théodora** xuất thân từ một cô đào hát và một gái diêm.

Chúng ta trở lại lúc thiếu thời của người phụ-nữ phi thường, có bản lãnh ấy.

Người ta không ghi rõ năm sanh của nàng. Sử sách chỉ chép là nàng sanh vào đầu thế kỷ thứ VI. Cha nàng tên là **Akakios**, quê quán ở Hy Lạp, người lực-lưỡng, làm phu dọn quét và coi sóc trường Đua-ngựa của Thủ-đô Constantinople. Ông có ba người con gái: **Komito**, **Théodora**, **Anastasia**. Ông chết vào khoảng năm 500, lúc **Komito** mới được 7 tuổi, **Théodora** 5 tuổi, **Anastasia** 2 tuổi. Sau đó ít lâu, người mẹ tái giá với một chàng mập mạp nhưng thất nghiệp.

Trong quyển « *Lịch sử bí mật* » của **Procope**, nhà viết Sử nổi tiếng của Đế-quốc Byzantin, Thế kỷ VI, tác giả có thuật lại một chuyện như sau đây :

Trường Đua-ngựa của Thủ-đô có hai phe thù ghét nhau, phe **Áo - Lục** và phe **Áo -**

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ

Xanh. Chức vụ gác dang và dọn quét trường đua vẫn thuộc quyền của phe **Áo-Lục**.

Cái thằng cha thất nghiệp này vô lấy người vợ góa của **Akakios**, còn muốn kể vị lão này trong công việc gác-dang trường đua. Hẳn xúi mụ nọ xin việc ấy cho hẳn. Nhưng phe **Áo Lục** từ-chối, vì họ đã định đem một đứa bộ hạ của họ vào làm. Tức mình, mụ vợ góa của **Akakios** quyết kêu gọi lòng từ-thiện của công chúng. Một hôm có Đua ngựa, khán giả ngồi chật trường đua, mụ dắt ba đứa con gái còn thơ dại đến trước bàn danh dự của quan khách. Ba con bé chìa tay ra xin cứu giúp gia - đình nghèo đói vì cha của chúng đã chết theo lời mụ dặn trước, chúng xin quan khách và công chúng của Trường đua đem lòng từ thiện để cho người cha ghê của chúng làm thay thế công việc trước kia của cha ruột chúng. Phe **Áo-Lục** làm ngơ. Nhưng phe **Áo-Xanh** có đa-số khán-giả hiện-diện ủng-hộ, chấp nhận lời cầu cứu của ba đứa con mồ côi cha. Nhờ cuộc vận động khéo léo đó, chúng vẫn tiếp tục được một người cha ghê làm có tiền đem về nuôi chúng.

Đề thay đổi không khí của các

bữa đua ngựa được thêm hào-hung, người Byzantins theo phong tục La-mã, tổ chức những cuộc trình diễn ca-kịch xen-kẽ vào các trận đua. Xong một đợt đua ngựa là có ca-kịch xuất hiện trên sân khấu giữa trời. **Komito**, chị của **Théodora** được tham-gia vào đoàn ca kịch, thường đóng nhiều vai quan trọng. Nàng có khiếu và có tài trong nghệ thuật hát tuồng **Théodora** 9,10 tuổi, thích sống quanh quẩn thường xuyên trong không khí nhộn nhịp của Trường đua và sân khấu. Trong lúc **Komito** đóng tuồng ban đêm, **Théodora** ưa trò chuyện nơi các chuồng ngựa với bọn con trai làm công ở đấy, bọn cắt cỏ cho ngựa ăn, phụng dưỡng du thủ du thực thường có mặt ở các chốn ăn chơi, các nơi hí viện. Nhiều đứa trai dụ dỗ dắt cô bé đến chọc ghẹo dưới các găm cầu, các bóng tối vắng người.

Dần dần tới tuổi dậy thì, thân hình nở nang đầy đặn, **Théodora** được lên sân khấu đóng tuồng. Nhưng theo lời của sử gia **Procope**, thân thể của nàng hấp dẫn hơn là tài năng đóng kịch. Nhiều người đàn ông đã chú ý đến người đẹp **Théodora** nhảy múa, phô trương những đường cong thâm mỹ trên diễn đài.

Sử gia Procope kể lại như sau đây : "... Thế rồi bỗng đứng nàng thoắt y phía trước và phía sau bằng một cách quá trơ trên đến đôi khán giả thấy được các bộ phận của thân hình mà đàn bà con gái không thể để cho đàn ông trông thấy, và thường thường họ phải giấu kín... »

Théodora đã có tiếng là cô gái lỏa lồ, dâm dăng, nên những người đứng đắn lánh xa và khinh bỉ nàng. Trái lại, các giới đàn ông ăn chơi đàng điếm, mỗi khi mở tiệc tùng thường tranh nhau kêu Théodora đến dự tiệc, và mở các cuộc vui thân mật thâu đêm. Théodora chịu những cuộc hoan mê truy lạc như thế lắm. Hậu quả của nếp sống bừa bãi đó nàng có thai bốn lần. Nhưng không lần nào được « mẹ tròn con vuông » cả.

Chưa đầy 15 tuổi Théodora đã có thai lần thứ tư. Nàng sinh đứa con trai đầu lòng, của một người cha vô danh. Người đàn ông này, không ai biết rõ làm nghề gì, tên là gì, chỉ biết y là người Ai Cập, hoặc là người Hy Lạp đã ở Ai Cập lâu năm. Từ giá thú đó Constantinople, y trở về Ai Cập, ôm đứa con theo.

Rảnh tay, Théodora lại có thai, không ai biết trong trường hợp nào, và sinh một gái, không cha.

Trong đoạn lịch-sử ở chương sau, chúng ta sẽ thấy tái hiện hai người con hoang này.



Théodora tiếp tục đời sống bê bối của một « gái làng chơi » lừng lẫy tiếng tăm ở thủ đô Constantinople.

Một đêm nọ, nàng khóc thút thít trong tay một người tình mới rất sang trọng. Một vị quan cao cấp trong triều đình Hoàng-đế, quê ở tỉnh Syrie, tên là Hékolobos. Vị quan mê nàng, ngổ ý muốn cứu nàng khỏi cảnh bần lây sa đọa. Hékolobos được bổ nhiệm làm Tổng trấn ở Pentapole, một tỉnh xa ở biên giới, liền đem nàng theo. Nhưng chỉ được vài hôm thôi, rồi « giầy

loan đứt mối », nàng xách gói ra đi, mang đầy túi hận. Tại sao có chuyện lạ thế ? Theo lời Sử-gia Procope, (kể ra ông Nhà-văn trữ danh này điều tra cũng khá tận tòng !) thì « Théodora làm méch lòng người đàn ông ấy, khiến ông nổi giận đuổi nàng đi lập tức ra khỏi nhà ». Nàng còn đi lang thang ngoài phố để tìm nơi trọ, thì được lệnh ông Quan trực xuất nàng cấp tốc ra khỏi miền cai trị của ông.

Théodora nhịn nhục, lặng lẽ đi Alexandria, một thành phố xa hoa khét tiếng, do Hoàng đế Alexandre I xây cất 200 năm trước, trên bờ Địa Trung Hải ở Ai Cập. Ale-

xandrie cách Pentapole trên 1000 cây số. Mặc, Théodora quyết đi tới đó.

Nàng theo các đoàn lạc đà đi từng chặ. Đường dài thăm thẳm, thân gái bơ vơ, chung quanh toàn những đất khách quê người, nàng ráng chịu đựng, miễn đi cho tới đích. Biết bao đêm trường hiu quạnh, gặp cảnh ngộ gian truân, nàng bị ép buộc, phải đành lòng chịu vậy. Sớm chi chút thân ô-úế đã lỡ kiếp hồng nhan, miễn bảo vệ được tính mạng, nàng quyết nuôi tham vọng sẽ trả lại hận thù của duyên nợ...

(Kỳ sau tiếp)



XIN ĐÍNH CHÁNH MẤY CHỮ IN SAI

- * Trong P.T. số 175, trang 121 (Đáp bạn bốn phương) trong bài **đáp**, Camille Flammæxion in lầm là Flammasion.
- * Trang 122, III **Đối với vị lai** : Chữ **instinct**, in lầm là **instinet**. Chắc bạn đọc đã tự ý sửa giùm cho rồi. Xin thành thật cảm ơn.
- * Trang 123, trả lời cô Anh Thư, địa chỉ của ông Nguyễn v Cồn, xin thêm : **Paris VII** è.

PHỒ-THÔNG

SÁCH BẢO MỜI

Chúng tôi có nhận được gởi tặng các sách báo sau đây, xin giới thiệu cùng bạn đọc Phồ.Thông :

● **THƯƠNG YÊU**, Thơ của **Huyền-Kỳ**, do Hương-Ngự Văn-đoàn xuất-bản, Huế.

★ **Nội-san Luật-sư-Đoàn Saigon**, số 1, Đề-nhi-tam cá-nguyệt 1966. Nhiều bài có giá trị của các **L.S. Hồ-tri-Châu, Nguyễn-hữu-Thống, Phạm-Quy, Trần-văn-Liêm, Lê-văn-Đỉnh, Bùi-chánh-Thời, v.v...**

Thư ký tòa soạn : **L.S. Trần-thanh-Hiệp.**
Quản-trị : **L.S. Bùi-chánh-Thời.**

■ **Yoga** của **Trần-văn-Kha.**

Một quyển sách khảo cứu và trình bày, chỉ dẫn phương pháp tập luyện rất công phu, khá đầy đủ về môn Yoga, do một quân nhân biên soạn, Trung-Tá **Trần-văn-Kha.**

Sách đã xuất bản lần đầu tiên năm 1965 do Nha Tuyên-Úy Phật-Giáo ấn hành, nay được tác giả phủ-chính và bổ khuyết thêm nhiều đoạn hữu ích, do chính tác giả xuất bản. Nhiều hình ảnh rõ ràng chỉ cách luyện tập Yoga. 325 trang giấy tốt. Giá 120đ.

● **Rừng Hạnh**, số 1.

Nội-san của Nghiệp-đoàn Ý-Dược Đông-Phương, do một nhóm Đông Y-sĩ phụ trách biên tập.

Nhiều bài sáng tác và khảo cứu có giá trị về Đông Dược, và Đông-Y của các danh-y **Đỗ-phong-Thuần, Bùi-văn-Kiên, Nguyễn-văn-Xứng, Nguyễn-dồng-Di, Phạm-tấn-Khoa, v.v...**

★ **Prevent World War III.**

Published by Society for the Prevention of World War III, 50 West 57th Street, New York, N.Y. 10019. Winter-Spring Issue, 1966.

SÁCH BẢO MỜI

Many interesting items :

Revival of the krupp empire, Trouble spots surveyed, Castro's scheme backfired, etc... by Henry J. Taylor, Carl T. Rowan, etc...

★ **Nội san Sống Vì Đạo.**

Do nhóm khóa-sinh khóa Đào-tạo giảng viên Truyền-bá giáo-lý Phật-Giáo Hòa-Hảo chủ trương biên tập.

Số đặc biệt 18-5, kỷ niệm ngày Đức Huỳnh Giáo-chủ khai-sáng P.G.H.H. Nhiều bài có giá trị về khảo cứu P.G.H.H., thơ, luận-thuyết, nhạc, v.v...

Hỷ tín

● Thân mến chia vui cùng bạn Kỹ-sư Vũ-văn-Bách và phu nhân, số 7, đường Hòn-Lớn Nha-Trang, và mừng cháu **VŨ-THUY-BÌNH**, tức **THANH-CHÂU** đẹp duyên cùng cậu **NGUYỄN-ĐỨC-TRỌNG** trưởng nam của Ông Bà Nguyễn-Sang, Cư-xá sĩ-quan Lê-văn-Duyệt, Saigon. Mến chúc đôi tân hôn được tình yêu lâu bền, trăm năm hạnh phúc.

NGUYỄN-VỸ

★ Thân mến chúc mừng đôi bạn **Nguyễn-thị Minh-Nguyệt**, Giáo-sư Văn chương, 40-42 Nguyễn-hữu-Cánh, Châu-Đốc, ái nữ của Bà sương phụ Nguyễn-văn-Thiệt, — cùng **Trần-như-Tâm**, y sĩ Y-viện Chánh-Hưng, quý nam của ông bà Trần-Hoàng, 24, Phan-Bội-Châu, Quảng-Ngãi, được loan phụng hòa mình, ái tình vĩnh cố.

NGUYỄN-VỸ

● **MARIAGE**

À notre fidèle lecteur Paul Raoul Midon, professeur à Djibouti et à sa nouvelle épouse Lê-thị-Rành, alias Diệu-Linh, nos voeux de parfait Bonheur.

NGUYỄN-VỸ



★ **HỘI SINH-VIÊN VIỆT-NAM TẠI NHẬT-BẢN**
VIETNAMESE STUDENTS' ASSOCIATION IN JAPAN
Tokyo ngày 7-7-1966

... Chúng tôi rất lấy làm hân hạnh được giới thiệu với Ông cùng quý tạp chí ban chấp hành mới của hội **SINH VIÊN VIỆT NAM TẠI NHẬT BẢN**, nhiệm kỳ 27-6-1966 — 26-12-1966, theo viên bản của **ĐẠI HỘI** hạ tuần tháng sáu vừa qua, để thay thế ban chấp hành cũ vừa hết nhiệm kỳ.

Hội-trưởng
 Tổng Thư-ký
 Thủ-Quỹ
 Trưởng ban Văn-hóa
 Trưởng ban Xã-hội và
 Thể-thao

NGUYỄN-ĐỨC-HÒE
PHẠM-QUÝ-BẢO
NGUYỄN-THỊ-ĐÀO-TƠ
LÊ-THÀNH-NGHIỆP
NGUYỄN-QUÝ-TỀ

Trụ sở : **VIETNAMESE STUDENTS' ASSOCIATION**
 862, Komaba, Meguro-ku, Tokyo, Japan.
 Tel. (467) 3521-3

Chúng tôi xin Ông vui lòng cho đăng lên tạp chí thành phần ban chấp hành và địa chỉ của hội chúng tôi như trên để quý độc giả của quý tạp chí có thể liên lạc dễ dàng.

Phạm-Quý-Bảo
 Tổng Thư-ký

★ **Bowling Green State University, Ohio, U.S.A.**

... Four international students at Bowling Green University have each been granted \$400 scholarships as the result of a \$10,000 gift recently given the University from the Alumni Association for scholarships and cultural programs.

The students are Caroline A. Mandara from Tanzania, *Phien Thi Lý* from Vietnam. Raymond O. Oladipupo from Nigeria, and Young Han Shin from Korea.

Other parts of the \$10,000 gift from the Association will be used to establish an Alumni Lecture Series and to purchase art works for the University. Part also will go to the School of Music to support off-campus tours by performing groups and to both undergraduate and graduate students in the form of grants-in-aid and scholarships.

Miss Lý is the daughter of Mrs. Trieht T. Tran, 97 Phan Kế Bính, Saigon.

★ **Trung sĩ Huyền-Văn, KBC 6032**

... Thưa Bác, vui lòng cho phép cháu được hỏi vài thắc mắc :

1.) Hồi cháu còn học Đệ-ngũ trường Trung-học công-lập «QS», trong giờ Cộng dân với đề tài «Danh-dự Quốc-gia» cháu còn nhớ giáo sư có giảng thêm một đoạn như sau: «các em phải biết tôn trọng danh dự Quốc gia đừng để ngoại quốc khinh rẽ nước mình như người Tàu bị người ngoại-quốc khinh miệt và coi là nước ăn ở dơ nhớp nhất thế giới. Một việc chứng minh là tại Hương-Cảng có một vườn hoa của

người Anh mà người Tàu vào đây chơi ăn xả nhớp nhúa thế nào mà người Anh phải để bảng cấm ngoài cổng là : « **Cấm chó và cấm người Tàu** » (thầy cháu nói câu đó bằng tiếng Anh và dịch như thế nào cháu quên mất câu Anh ngữ), như thế không còn gì thể thống Quốc-gia cả...»

Thưa Bác, sự thật tại Hương cảng có đúng như thầy cháu giảng không ? Và bảng cấm ấy còn không ? Cháu xin nói trước là cháu không có kỳ thị gì cả, vì người Tàu không « ăn nhậu » gì của cháu, nhưng cháu muốn biết sự thật có đúng không thôi.

T/S. **Huyền-Văn**

Đáp.— Nếu quả thật đã có tấm bảng hỗn xược như thế, thì ngày nay chắc chắn nó không còn.

✧ **Cô Hoàng-thị Mộng-Bảo. Nữ-sinh Bùi-Thị-Xuân. Dalat**

... Nguyên chúng tôi xem « **Phổ Thông** » số 172. Có nhận thấy trong mục « **Đáp bạn bốn phương** » mà cô Trần-thị Diệu-Tú, Nữ sinh Trần-Quốc-Toản, Saigon có nêu lên những điểm. Nhờ ông đã tóm lược và trả lời trong mục này. Làm chúng tôi khó chịu trước sự vớ vẩn của cô Tú. Chúng tôi định viết gởi thẳng đến cô Tú nhưng vì địa chỉ không rõ ràng. Thành thử chúng tôi viết lên những hiểu biết sơ đẳng này gửi đến mong nhờ Ông cho đăng tải trên « **Phổ-Thông** » để minh chứng sự thông cảm chung...

Trong khi đón đợi những sự thỏa mãn sơ đẳng của chúng tôi, kính mong nhờ ông cho đăng tải trên tạp chí

« **Phổ-Thông** ». Kính mong ông nhận nơi đây lòng thành thật và biết ơn của chúng tôi.

Trân trọng kính chào ông.
Đại diện một số nữ Độc giả ở Dalat
Nữ sinh Bùi-Thị-Xuân
HOÀNG-THỊ MỘNG-BẢO

Đây là sự nhận xét chung của chúng tôi đối với lời chỉ trích của cô Trần-thị Diệu-Tú.

— Theo chúng tôi nhận thấy những lời lẽ cô Diệu-Tú hỏi không được ngay thẳng và có lẽ xuyên tạc là đúng hơn. Bởi vì đời tư của cá nhân không được quyền chỉ trích trực tiếp như vậy. Nếu trường hợp Thầy Thiện-Minh đi xe Huế Kỳ thì đó chỉ là của tư Thầy đi chứ việc gì đến cô Diệu Tú. Mà đến nỗi cô Diệu Tú phải nặng lòng thắc mắc ngờ ngẩn thế. Để rồi những câu hỏi ấy trở thành nhạt nhẽo, vô nghĩa. Và không ý thức chút nào về con nhà « **Phật Tử** » mà cô tự xưng mình là một « **Phật Tử** ». Nghĩ mà buồn cười cho những hạng người như cô. Cứ chờ cơ hội nước đục thả câu ; mà chẳng thấy cái hậu quả sai lầm đưa tới. Nếu đứng trên phương diện cô là một « **Phật Tử** », hơn nữa, cô người có học thức, thì sao cô không chịu tìm trên nguyên tắc của người « **Phật-Tử** ». Chứ hỏi làm chi những điểm ấy, chúng tôi nhận thấy không liên quan gì đến cô và cho cả bạn đọc nữa. Hơn thế nữa, Thầy Thiện-Minh là một bậc chơn tu cao siêu, đâu đến nỗi gây ấn tượng hiểu lầm như cô đã tạo nên ?

Đại diện một số nữ Độc giả ở Dalat
Nữ Sinh Bùi-Thị-Xuân
Hoàng-Thị Mộng-Bảo

DÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

● DIỆU-HUYỀN

● **Bạn Tuyết Đào, Qui nhơn.** Có nhận được thư. Chúc Đào vui, khỏe, luôn luôn tiến tới. Chiến tranh là một tai họa chung cho cả Dân tộc, người công dân Nam hay Nữ đều nên dối khổ đau. Nhưng bạn trẻ chưa làm sao được, cứ chờ đợi ý-chí phục-vụ Tổ quốc và đồng bào, ngày nay cố gắng học-tập, trau dồi kiến thức, để sau này sẽ có đủ tài năng và điều kiện thực-hiện lý tưởng cao đẹp của tuổi trẻ. Không nên buồn chán. Đừng thêm dếm xỉ đến bọn người, vô lương tâm, vô đức-hạnh, vô lý tưởng, chạy theo dollar sanh lợi, và bỏ nghĩa vụ công dân. Thành thật mến.

● **Bạn Trần thanh Long, Saigon.** Hoàn toàn đồng ý về việc ấn hành quyển « Mục lục » của P.T. Rất tiếc vấn đề giấy khan, giá giấy lên quá cao, nhân công thiếu (vì đi quân dịch), thiếu nhiều điều kiện kỹ thuật để thực hành ý-định. Tin dơi hoàn cảnh thuận tiện hơn.

● **Bạn Phùng Lê Ánh, Research Scientist, Philippine**

Đã nhận được thư bạn, và hộp Cigar, rất cảm ơn. Sẽ tiếp xúc với Hòa và sẽ có thư riêng sau. Hiện tôi ở Saigon. Bàn giấy » đặt ở khắp nơi mây, sóng, gió, cỏ, hoa, và dưới các mái chùa xa vắng. Thư đáp chậm, xin thông cảm và thứ lỗi. Mến nhiều. Chúc bạn thành công, đem vinh-quang cho Non-Nước Rồng Tiên !

DÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

● **Bạn Hoàng Hương Hương, Nha Trang**

21-12- Giáp Tuất = 25-1-1935.

● **Bạn Hồ-Ngọc-Tám, Hội-An.**

Bạn làm đơn xin lại bằng cấp đó nơi bạn đã thi.

● **Bạn Phan-Văn-Di, KBC. 6121.**

01-4-Canh Thìn = 7-5-1940.

★ **Bạn Hà-Phượng, Long-Xuyên**

Có nhận được đủ thư và thơ. Thành thật cảm ơn bạn.

● « **Người xứ Quế** ».

Đọc thư, rất cảm động. Cũng rất tiếc là tôi ít ở Saigon. Nhiều cảm mến.

● **Bạn Phạm-Văn-Hương, Pleiku.**

— Khi nào các sách của chúng tôi sẽ ấn hành, sẽ có báo tin trước trong P.T. một tháng. Bạn đừng ngại.
— 13-6-Ất Hợi = 13-7-1935.

● **Bà Lê-Thị-Loan, Trần-Hưng-Đạo, Nha-Trang.**

— 17-11-1939 = 7-10-Kỷ-Mão.

— Xin kể 9 hành tinh của Thái dương hệ (Système Solaire), theo thứ tự cách xa Mặt Trời :

Thủy tinh (*Mercur*), Kim Tinh (*Vénus*), Địa cầu (*Terre*), Hỏa tinh (*Mars*), Mộc tinh (*Jupiter*), Thổ Tinh (*Saturne*), Thiên vương tinh (*Uranus*), Hải vương tinh (*Neptune*), *Pluton* (mới tìm ra trong năm 1930, chưa có tên Việt Nam).

Hai ngôi sao sau đây, gần mặt trời nhất, nên tương đối được chúng ta thấy rõ hơn. Cả hai đều hiện ra gần lúc mặt trời mọc, hoặc gần lúc mặt trời lặn, không bao giờ xuất hiện trong ban đêm.

● **Thủy tinh**, hiện ra mau nhất là 2 giờ 15 phút trước lúc mặt trời mọc hoặc sau lúc mặt trời lặn, và rất gần « đường chân trời », horizon. Khó thấy hơn Kim Tinh, và không sáng được như Kim tinh vì mặt nó mờ.

* **Kim Tinh**, xê dịch trên quỹ đạo của mặt trời (ngó xa theo phối cảnh). Vì thế, cuộc chuyển động biểu kiến của nó (son mouvement apparent, nhìn theo cặp mắt trần của chúng ta) được diễn ra như thể lúc thì lác qua bên này lúc lại lác qua bên kia, thành thử ta thấy nó lúc theo sau mặt trời lặn, lúc hiện trước mặt trời mọc. Do đó, người đời xưa ở Đông phương cũng như Tây Phương, đều tưởng rằng đó là hai hành tinh riêng biệt, một cái tên là Sao Mai, một cái là Sao Hôm, Tây phương gọi là Lucifer và Vesper, lần lượt được thấy rõ. Rất sáng nhờ mặt nó toàn màu trắng, phản ảnh tia mặt trời nhiều hơn.

Ba sao sau đây được thấy trong ban đêm :

* **Hỏa Tinh**, nhìn bằng mắt trần, ta thấy nó màu da cam rất đậm. Nhìn trong kính viễn vọng, thấy màu vàng xậm tổng quát nhưng xen lẫn nhiều màu sắc đậm lợt không thường trên khắp mặt.

● *Xin lưu ý, theo lời bà hỏi trong thư :*

Vòm trời ban đêm mà mắt trần của ta trông thấy, có lắm tấm hàng triệu hàng triệu triệu Ngôi Sao. Nhưng trên phương

Dùng midol trị các chứng đau nhức
vô cảm-cảm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

diện Thiên văn học, người ta đã chia ra 2 loại « sao »: *Hành tinh* (Planètes), và *Định tinh* (Étoiles). **Định tinh** còn được chia ra thành nhóm, gọi là *Chòm Sao* (Constellations). Đại đa số các « ngôi sao » mà ta thấy đều là **Định tinh**. Chúng ở yên một chỗ, không di chuyển, thí dụ : Sao Bắc Đẩu (Étoile Polaire) trong chòm sao Đại Hùng tinh (Grande Ourse). Sao Bắc Đẩu là sao mờ nhất trong 7 Sao giống hình chiếc ghế đầu ngự trị hướng Bắc, ngay trên vùng Bắc Cực (Pôle Nord) của Địa cầu. Sao *Croix-du-Sud* (Nam tào) ngự trị hướng Nam, Sao Rua, sao Sâm (Orion) ở phương Đông, v.v...

Còn **Hành tinh** (Planètes), nói riêng về 9 Hành tinh của Thái dương hệ, tuy ta ngó lên thấy lẫn lộn với các chòm sao Định tinh, nhưng chúng ở trong một khu vực tạm gọi là riêng biệt. Khu vực ấy gọi là *Zodiaque*, gồm đường Hoàng Đạo (écliptique), và nơi rộng ra 8°5' ngoài hai bên đường ấy. Hoàng Đạo là vòng tròn lớn trong bầu trời mà Mặt trời đi trong cuộc chuyển động biểu kiến (mouvement apparent) của nó. Vòng này hơi nghiêng trên xích đạo (Equateur) dưới một cái góc 23°27'. Mặt trời, mặt Trăng, Quả đất, các Hành tinh lớn, nhỏ và các Vệ tinh của chúng nghĩa là toàn thể Đại gia đình của Thái dương hệ đều di chuyển trong phạm vi vùng Hoàng Đạo. Ta thấy

Dùng midol trị các chứng đau nhức
vô cảm-cảm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Mặt trời « đi » từ Đông sang Tây, Mặt trăng cũng vậy. Nhưng các hành tinh khác như *Kim tinh* và *Hỏa tinh*, theo thứ ba hồi), Thổ tinh v.v... không phải cùng xoay (theo một chiều hướng đó, vì chúng không phải là vệ tinh của Địa cầu, như Mặt Trăng, vì vị trí của chúng, khoảng cách của mỗi hành tinh đối với mặt trời, vì đường quỹ đạo và tốc độ của mỗi hành tinh khác. biệt nhau xa, cho nên ta chỉ biết rằng tất cả đều xê dịch trong vùng Hoàng đạo, nhưng không thể thấy được chúng ở tại vị-trí nào trên vòm trời mỗi đêm. Trừ Kim Tinh và Thủy tinh nhờ ở gần Mặt trời, và Hỏa Tinh ở gần Địa cầu, nên mắt trần ta trông thấy dễ dàng, và nhiều đêm thật rõ, ở những vị-trí dễ tìm kiếm, mặc dầu chúng lẫn-lộn với các Sao khác, và nhờ cái sắc trắng bạc sáng rực của Kim Tinh, và sắc đỏ xẫm của Hỏa tinh, không giống các sao khác. Nhưng nếu có kính viễn vọng (Télescope, hoặc một Lunette astron mạnh) ta tìm một chốc lát trong vùng Hoàng-Đạo thì thấy ngay cả Thổ Tinh và Mộc Tinh nữa và một số các Vệ-tinh của mỗi Hành Tinh.

● **Mộc Tinh**, Mắt thật tốt, và trời rất quang đãng, mùa Hè, mới thấy được nó, nhưng mờ lắm vì có rất nhiều hơi nước bao bọc. Có kính viễn vọng tìm thấy dễ hơn. Kính yếu cũng thấy được.

● **Thổ Tinh**, cũng như Mộc tinh, có thể trông thấy được bằng mắt trần, nhưng hiếm lắm. Muốn tìm thấy nó, phải dùng kính viễn vọng. Trên mặt nó có nhiều băng mây áng song song với xích đạo của nó. Xích-đạo nghiêng trên Quỹ đạo 28°. Chính hành tinh cũng nghiêng trên Hoàng-Đạo 2°30' Đường kính theo xích đạo = 119.916 km.

Trọng khối : nặng hơn quả đất 95,22 lần.

Quả đất nặng = 6×10^{21} t.

Tức là : 60.000.000.000.000.000.000 tấn.

(sáu chục ngàn tỷ, hay là 60.000 triệu triệu tấn).

★ **Cô Đồ-Thị Tuyết-Vân. Cách-Mạng — Saigon.**

Con Hải âu không có gì đặc biệt trong các loài chim biển, và không tiêu biểu cho cái gì cả.

Pháp gọi là *mouette*. Các đặc điểm : màu lông xám tro, cánh dài và nhọn. Chim hải-âu con, lông có chấm màu nâu. Đến mùa đẻ đa số chim mái có lông nâu hoặc hơi đen đen. Hết mùa đẻ thì các màu đó tự nhiên biến mất. Cũng có một loại hải âu nhỏ, đầu trắng, và loại hải âu lớn, đầu đen. Hải âu đậu trên mặt nước, nhưng ít bơi và không biết hụp lội xuống nước như vịt, ngỗng, hay các loại thủy điều khác. Hải âu hám ăn, mau đói, ăn bất cứ món gì.

★ **Ông Lê-Phương, Saigon.**

— « *Rồng lấy nước* », sự thật là một hiện tượng về khí tượng (phénomène météorologique), không thể giảng giải bằng mê-tin dị-đoan được. Nó xuất hiện dưới những khối mây giống tổ, đen nghịt dày đặc mạnh. Chính khối mây bị đổ vỡ, bị xé tan, quần quai, xáo động, làm thành một cột mây đeo lưng lẳng dưới các tầng mây tích loạn (cumulo — nimbus) nặng nề những áp lực của.

Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm. CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/B.V.T./D.P.D.C.

điện, gió, giông, gây những tiếng hú hải hùng của gió và các tiếng sấm động khắp vòm trời. Bị các sức hút mạnh phi thường đó, nhà cửa, cây cối có thể bị nhổ lên và quăng bạt ra xa. Gặp mặt biển, hay giông sông, ao hồ mà nước nhiều, nó hút thành một cột nước bọt trắng xóa, nổi lên khối mây tích-loạn trên trời với mặt biển dậy sóng ào ạt hải hùng. Người Tây-phương gọi đó là cái « bụi » (buisson), người Việt gọi là Rồng hút nước, có vẻ nên thơ hơn.

● **Cô Mộng-Trinh, Gia Long, Long-Xuyên**

— 4 - 9 - 1930 = 12-7- Canh-ngọ

(năm Canh-ngọ tháng Sáu nhuận)

4 - 3 - 1940 = 26 - giêng, Canh Thìn

11- 2 - 1943 = 7 - giêng, Quý-mùi

17- 10 - 1942 = 8 - 9 - Nhâm ngo.

● **Bạn Trần văn Tuấn, Quốc-học Huế**

Câu : « ăn vóc học hay », « vóc » không phải « một loại trái cây ăn vào thì mở trí-óc » như bạn đoán nghĩa. Vóc là thân hình. Ăn vóc : ăn cho no khỏe cái vóc, (thì phải học cho giỏi).

— 11 - giêng. Đinh Hợi = 1 - 2 - 1947



tri các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN LẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1960/BYI/BRDC

● **Bạn Nguyễn-Hóa — KBC 6082**

Tạp chí Phổ-Thông gửi đi xa thường bị mất luôn. Chúng tôi rất tiếc vì lý do đó mà không báo dài hạn gửi đi xa. Bạn chịu khó dặn các sập báo ở tỉnh, quận gần nhất để họ giữ báo P.T. cho bạn.

● **Ngô thị Thu. — Triệu Đà, Saigon.**

Theo chỗ chúng tôi biết, ở thủ đô không có trường mẫu-giáo dạy chương trình Pháp, mà có pension cho các em 5-7 tuổi.

● **Bạn Đinh-duy-Việt, KBC 4277**

Về vụ Phật-giáo vừa rồi, tôi hoàn toàn đồng ý kiến với các bạn.

— Mục « Minh ơi » đã được tiếp tục rồi, chắc bạn vui lòng ?

— Mục « Thơ Lên Ruột », vì nhiều lý do ngoài ý muốn của chúng tôi, không đăng được.

— Diệu-Huyền không phải là vợ của N.V.

— Các số P.T. Trung-Thu cũ đã hết, không còn 1 quyển nào.

● **Bạn Ngô-Son, Phong-Dinh.**

Vấn đề đó phức tạp lắm, có nhiều khía cạnh ở bên trong, bên ngoài, ở bên tả, bên hữu... càng mở xẻ, càng thấy rí máu ra nhiều. Tốt hơn, để cho vết thương hàn gắn lại một thời gian cho qua cơn trọng bệnh..

● **T/S Huỳnh-Phương-Tử. — KBC. 6032.**

Bốn câu thơ nói lái đó xuất hiện thời Việt-minh, tại Quảng Ngãi. vào khoảng 1952-53.

Nguyên văn :

Chú phỉnh tôi rồi, chính phủ ơi,

Chú khiêng lên hết chiến khu rồi

Thì đưa chi nữa, thua đi mãi,

Kháng chiến chi hoài, khiến chán thôi.

Tác giả, dĩ nhiên, đầu dám « lạy ông, tôi ở bụi này » t cảm ơn những lời thư của bạn.

Hồ-Văn-Cách — Võ-Tánh, Qui-Nhon.

P.T. từ số 1 đến số 150, tại tòa soạn đã hết. Ông thử

hỏi các tiệm sách báo tại địa phương xem. Thành

rất tiếc.

Ô. Trần-x-Trí, Quận Du-Long — Phan-Rang.

— *Phạm-trù* là một danh từ triết học, chỉ hình thức phải có làm căn bản cho suy tư.

— *Đặc thù*, là đặc biệt. (Thù = khác nhau, riêng nhau).

— *Kính nhi viễn chi* : nên đứng xa để tôn kính.

Thí dụ : Những thần tượng đời nay, ta nên kính nhi

chi, vì lắm khi lân la gần gũi, quá quen thuộc, sợ giảm

lòng kính.

— *Đồng thanh tương ứng* : Cùng 1 tiếng nói tỏ ra

g 1 quan niệm, thì dĩ nhiên là hưởng ứng với nhau.

— *Đồng khí tương cầu* : cùng một phong khí, một khí, thì cần giúp đỡ lẫn nhau.

— *Vương đạo* : theo con đường chơn chính mà làm.

Hành động theo tư cách cao thượng, quân tử, hợp với

nh đạo, chánh nghĩa.

— *Bá đạo*: theo thủ đoạn tà gian mà làm. Hành vi bất

nh, tầm thường, nhỏ mọn. Chỉ hợp với kẻ tiểu nhân,

rời kém đức.

Miss Văn, Bangkok.

Rất tiếc, cô ở Thái-Lan, hiểu vấn đề Phật giáo Việt

m xuyên qua báo chí Ngoại quốc có nhiều điểm sai

l.

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hay hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số. 26.893

31.33 Đường Lãn-Ông CHOLON

● Đặt biệt các món ăn Tiều

● Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng

● Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép

● Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

**EM NHỎ
NÔNG!**

Hay cho em uống

**THUỐC BAN NÔNG
(PAKEMID KIM-QUAN)**

NHA THUỐC TÂY

KIM-QUAN
SỞ KANG CHƠ ĐEN NINH ĐỘ CHON

K.N số 260 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Điện-thoai 23. 187



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-dạ-sư

Géomètre — Expert

373. Phan-thanh-Giản

SAIGON

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

KD số 2002 ngày 2-8-66